SSI



CHINH PHỤC NHỮNG BẤT ĐỊNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

Mục lục

1 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4

2 TỔNG QUAN 8

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Thông tin Doanh nghiệp
Lịch sử phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Giải thưởng tiêu biểu
Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức

3 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2020 28

Môi trường Kinh doanh 2020
Báo cáo Kết quả Hoạt động
Yếu tố thúc đẩy thành công

4 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 78

Môi trường Kinh doanh 2021
Chiến lược phát triển trung – dài hạn
Kế hoạch hành động 2021

5 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 96

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Quản trị Rủi ro
Thông tin cổ phiếu & Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
Đánh giá Quản trị Công ty tại SSI

6 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 140

7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 152

8 THÔNG TIN KHÁC 240

Vui lòng xem Báo cáo
bản online tại đây



1 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2020, Đại dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19) bùng phát, chi phối mọi hoạt động kinh tế - xã hội trên toàn thế giới, đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái. Chính phủ Việt Nam trong bối cảnh đó đã có những quyết sách kịp thời, đúng đắn và quyết liệt, nhanh chóng kiểm chế và giảm tác động xấu từ các đợt bùng phát của đại dịch, bảo vệ được sức khỏe của người dân và tiến tới thực hiện được mục tiêu kép, bao gồm cả giữ được tăng trưởng kinh tế. Thị trường Chứng khoán Việt Nam cũng lấy lại được tăng trưởng dương cho cả năm 2020, VN-Index phục hồi ngoại mục – 67,5% từ mức đáy.

Đại dịch Covid-19 đến, hoành hành trên khắp thế giới, nhưng Việt Nam vẫn đứng vững, các Công ty ở trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn phát triển mạnh mẽ. SSI, ngay cả trong "năm Covid", vẫn chinh phục những diễn biến khó đoán định của thị trường và nền kinh tế, để phát triển mạnh mẽ hơn, đóng thuế nhiều hơn và góp phần tạo ra những giá trị xã hội tốt hơn.

Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng lần lượt 38,5 và 40,8% so với năm trước đó. Kết quả kinh doanh 2020 vượt 166% kế hoạch doanh thu và 179% kế hoạch lợi nhuận. Các lĩnh vực kinh doanh đều ghi nhận kết quả tốt.

Đối với mảng **Dịch vụ Chứng khoán**, SSI đánh dấu năm thứ 7 liên tiếp dẫn đầu thị phần môi giới cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ toàn thị trường, quy mô khách hàng tăng trưởng 18,2% và mức dư nợ vay ký quỹ gần 2 lần.

Nguồn vốn và **Kinh doanh Tài chính** tiếp tục đóng vai trò lớn trong quản lý hiệu quả nguồn vốn của công ty, đảm bảo thanh khoản an toàn, hiệu quả và đáp ứng khối lượng giao dịch ngày càng cao của thị trường; hỗ trợ Khách hàng quản lý an toàn vốn kinh doanh; đi tiên phong trong việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới.

Trong bối cảnh hạn chế đi lại, tỉ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài giảm mạnh, **Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư** vẫn thực hiện thành công các thương vụ chào bán cổ phần có giá trị giao dịch lớn nhất Việt Nam năm 2020, song song với đẩy mạnh dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Đầu tư SSI linh hoạt sử dụng các biện pháp phòng hộ rủi ro trên thị trường phái sinh để hạn chế rủi ro danh mục, mặt khác tận dụng cơ hội thị trường biến động để cơ cấu lại danh mục và sử dụng các chiến lược giao dịch hợp lý gia tăng lợi nhuận. Đồng thời, sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW) do SSI phát hành luôn nằm trong nhóm có thanh khoản và giá trị phát hành lớn nhất trên thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) quản lý 6.670 tỷ VNĐ tài sản nhà đầu tư cuối năm 2020 – tăng trưởng 45% so với năm trước, hoàn thành vượt 21% kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Để đạt được những kết quả kể trên, chúng ta không thể không kể đến những nỗ lực của **Khối Quản trị** luôn đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cao nhất, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro trong hoạt động của Công ty. **Khối Hỗ trợ** đã phối hợp các chức năng một cách nhuần nhuyễn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty về nâng cao chất lượng nền tảng công nghệ & bảo mật an toàn thông tin, xây dựng và củng cố môi trường làm việc hấp dẫn cũng như là cầu nối Công ty với công chúng để mọi hoạt động của Công ty được phản ánh trung thực, hiệu quả.

SSI, NGAY CẢ TRONG "NĂM COVID", VẪN CHINH PHỤC NHỮNG DIỄN BIẾN KHÓ ĐOÁN ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ, ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ HƠN, ĐÓNG THUẾ NHIỀU HƠN VÀ GÓP PHẦN TẠO RA NHỮNG GIÁ TRỊ XÃ HỘI TỐT HƠN

Năm 2020, SSI vinh dự được đón nhận danh hiệu **"Anh hùng Lao động"** thời kỳ đổi mới – phần thưởng cao quý và sự đánh giá cao của Nhà nước đối với những đóng góp của Công ty cho sự phát triển bền vững của ngành chứng khoán nói riêng và phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung. Tự hào đứng trong hàng ngũ các "đơn vị anh hùng", nhưng chúng ta cũng hiểu rằng, đó là trách nhiệm tiếp tục xây dựng Công ty trở thành thương hiệu Việt trường tồn cùng năm tháng, là điểm sáng, niềm tự hào mỗi khi nói đến thị trường chứng khoán hay nói đến kênh huy động vốn của nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam sẽ duy trì một cách tích cực với GDP có thể tăng trưởng tới 6,5% so với năm trước. Thị trường Chứng khoán 2021 cũng được kì vọng sẽ tiếp tục vận động trong xu hướng tăng chủ đạo và đón nhận lớp nhà đầu tư mới với sự tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Thách thức đặt ra cho mỗi thành viên thị trường là giữ nhịp độ phát triển của thị trường trong những năm tới, tiếp tục giữ nhà đầu tư ở lại với thị trường chứng khoán, và khiến thị trường thực sự trở thành 1 kênh huy động vốn và giữ tài sản an toàn, hiệu quả cho người dân.

Trải qua trên 20 năm thăng trầm cùng thị trường chứng khoán, SSI sẽ tiếp tục với chiến lược phát triển bền vững, lấy nguyên lý thành công cho tất các các đối tượng tham gia làm nguyên tắc, lấy sự minh bạch làm phương châm hoạt động và mục tiêu lớn nhất là xây dựng và bảo vệ thị trường, giữ an toàn và hiệu quả lâu dài cho nhà đầu tư, trên quan điểm chúng ta cùng thành công.

Xin chân thành cám ơn các quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI, cám ơn Cổ đông đã tin tưởng Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại hội Đồng Cổ đông, cám ơn các thành viên Hội đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý. Và xin đặc biệt cám ơn toàn thể Cán bộ, Nhân viên đã đồng cam cộng khổ, cùng kiến tạo nên những dấu ấn sâu sắc của SSI, cùng nhau vững vàng bước vào tương lai đưa SSI lên một tầm cao mới, để không biến "anh hùng" thành quên lãng. Với sự hợp tác của quý vị năm 2021 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin kính chúc các Quý vị sức khoẻ và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN DUY HƯNG

From **Zero** to **Hero**



2 TỔNG QUAN

Trong suốt hơn hai thập kỷ, từ ngày đầu thành lập chỉ với 6 tỉ VNĐ và 13 nhân sự, bằng nỗ lực không ngừng nghỉ SSI nay đã trở thành đơn vị đầu ngành, đóng góp vào mọi giai đoạn của Thị trường Chứng khoán, phát triển vượt lên trên mọi biến động của nền kinh tế.

ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

Ngày 27/12/2020, tại Hội trường Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã vinh dự đón nhận danh hiệu **"Anh hùng Lao động"** thời kỳ đổi mới - trở thành công ty chứng khoán tư nhân đầu tiên nhận danh hiệu này. Trong suốt hơn hai thập kỷ (1999-2020), từ ngày đầu thành lập chỉ với 6 tỉ đồng và 13 con người, với khát vọng vươn lên, đến nay SSI không chỉ trở thành công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam mà còn đứng thứ 2 khu vực Đông Nam Á về quy mô, tổng vốn, lợi nhuận, giá trị thị trường. Bằng nỗ lực không ngừng nghỉ, SSI đến nay đã trở thành đơn vị đầu ngành, đóng góp hiệu quả vào mọi giai đoạn phát triển của thị trường chứng khoán.



TẦM NHÌN

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

CHÚNG TA
CÙNG
THÀNH CÔNG

SỨ MỆNH

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

S **Sẵn sàng giải pháp**

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

S **Sâu sát chuyên môn**

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

I **In dấu sáng tạo**

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI - HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Sau 20 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 1000 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang.

Tên Doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (Tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn)
Tên tiếng Anh	SSI Securities Corporation
Mã chứng khoán	SSI
Đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày thành lập	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2020)	6.029.456.130.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2020)	9.872.797.052.319 VNĐ
Trụ sở chính	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website	http://www.ssi.com.vn/
Điện thoại	+84 28 38242897
Fax	+84 28 38242997
Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2020)	909 nhân viên trong đó có 487 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999 - 2002

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ;

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán;

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2003 - 2005

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.

2006 - 2008

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường;

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội);

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập;

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh);

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ;

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.

2009 - 2011

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài;

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

2012 - 2014

03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.

2015 - 2017

04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ;

09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ;

01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ;

04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ;

05/2017: SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

2018 - 2020

02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm;

12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường;

06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm;

02/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ;

06/2020: SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông;

12/2020: SSI vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" do Đảng và Nhà nước trao tặng. SSI cũng là công ty chứng khoán tư nhân đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- **Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như:** Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
- **Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh như:** Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;
- **Sản phẩm Dịch vụ Tài chính:** Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- **Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử:** Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;
- **Sản phẩm Tư vấn Đầu tư:** Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- **Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp:** Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu;
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc … để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và Khách hàng.

ĐẦU TƯ

- Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi, Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh;
- Tạo lập thị trường;
- Phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- **Tư vấn Tài chính doanh nghiệp:** Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- **Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A)**;
- **Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước:** Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

- Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trong năm 2020, SSI vinh dự đón nhận Danh hiệu **Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới** do Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng. Đây là giải thưởng cao quý nhất của Nhà nước đối với Doanh nghiệp và SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này.

Các giải thưởng khác trong năm 2020

ASIAMONEY BROKERS POLL

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn Asiamoney Brokers Poll trong 8 năm liên tiếp. Trong năm 2020, SSI đạt tổng cộng 31 hạng mục giải thưởng, gồm 6 hạng mục giải thưởng chung cho dịch vụ môi giới và 25 hạng mục giải thưởng cho nhiều cá nhân trong 2 nhóm về phân tích và bán hàng. Đáng chú ý, hai hạng mục mới của giải thưởng năm nay là **"Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam"** và **"Chuyên gia phân tích, nhà bình luận tốt nhất Việt Nam do khách hàng cá nhân bình chọn"** đều thuộc về SSI.

6 hạng mục giải thưởng cho dịch vụ môi giới

- Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và nghiên cứu thị trường
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức
- Công ty thực hiện lệnh tốt nhất
- Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất (Nhà đầu tư bình chọn)

19 giải thưởng cá nhân cho các chuyên gia phân tích của SSI trong các lĩnh vực nghiên cứu và phân tích thị trường

6 giải thưởng cá nhân cho các môi giới xuất sắc của SSI

ASIAMONEY

Giải thưởng khác do Tạp chí Asiamoney trao tặng

- "Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm 2020
- "Ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư tốt nhất" năm 2020

THE ASSET

Giải thưởng do The Asset trao tặng

- "Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp" năm 2018 - 2019 - 2020
- "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất" năm 2020

FINANCEASIA

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng

"Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam"
trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011 - 2014 - 2015 - 2016 - 2019 - 2020

ALPHA SOUTHEAST ASIA

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng

- "Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" năm 2017 - 2018 - 2019 - 2020
- "Nhà tư vấn thương vụ M&A tốt nhất Việt Nam" năm 2020
- "Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam" năm 2020

ASIA ASSET MANAGEMENT

Giải thưởng do Asia Asset Management trao tặng

- "Giải thưởng phát hành quỹ của năm" cho năm 2020
- "CEO của năm" trong các năm 2012 - 2013 - 2014 - 2015 - 2016 - 2020

TẠP CHÍ FORBES

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng

- "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" năm 2014 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018 - 2019 - 2020
- "Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam" năm 2016 - 2017 - 2018 - 2019 - 2020
- "50 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" năm 2020

BÁO ĐẦU TƯ VÀ AVM

Giải thưởng do Báo đầu tư và AVM trao tặng

M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2019 - 2020 hạng mục Công ty Chứng khoán

UBCKNN HOSE HNX

Giải thưởng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao tặng

- Bằng khen của UBCKNN cho những đóng góp vì sự phát triển của HOSE và Thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020
- Thành viên tiêu biểu của HOSE năm 2020
- Top 10 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại HNX và HOSE

VIETSTOCK VÀ VAFE

Giải thưởng do Vietstock và VAFE (Cơ quan của Hiệp hội các nhà quản trị Tài chính Việt Nam) trao tặng

Doanh nghiệp Niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin năm 2020

CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC

Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500)
trong 13 năm liên tiếp (2008 - 2020)

Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)
năm 2016 - 2017 - 2018 - 2019 - 2020

Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)
năm 2018 - 2019 - 2020

Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)
năm 2020

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000)
trong 9 năm liên tiếp

Top 10 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn có báo cáo thường niên tốt nhất
năm 2009 - 2010 - 2011 - 2012 - 2013 - 2016 - 2018 - 2020

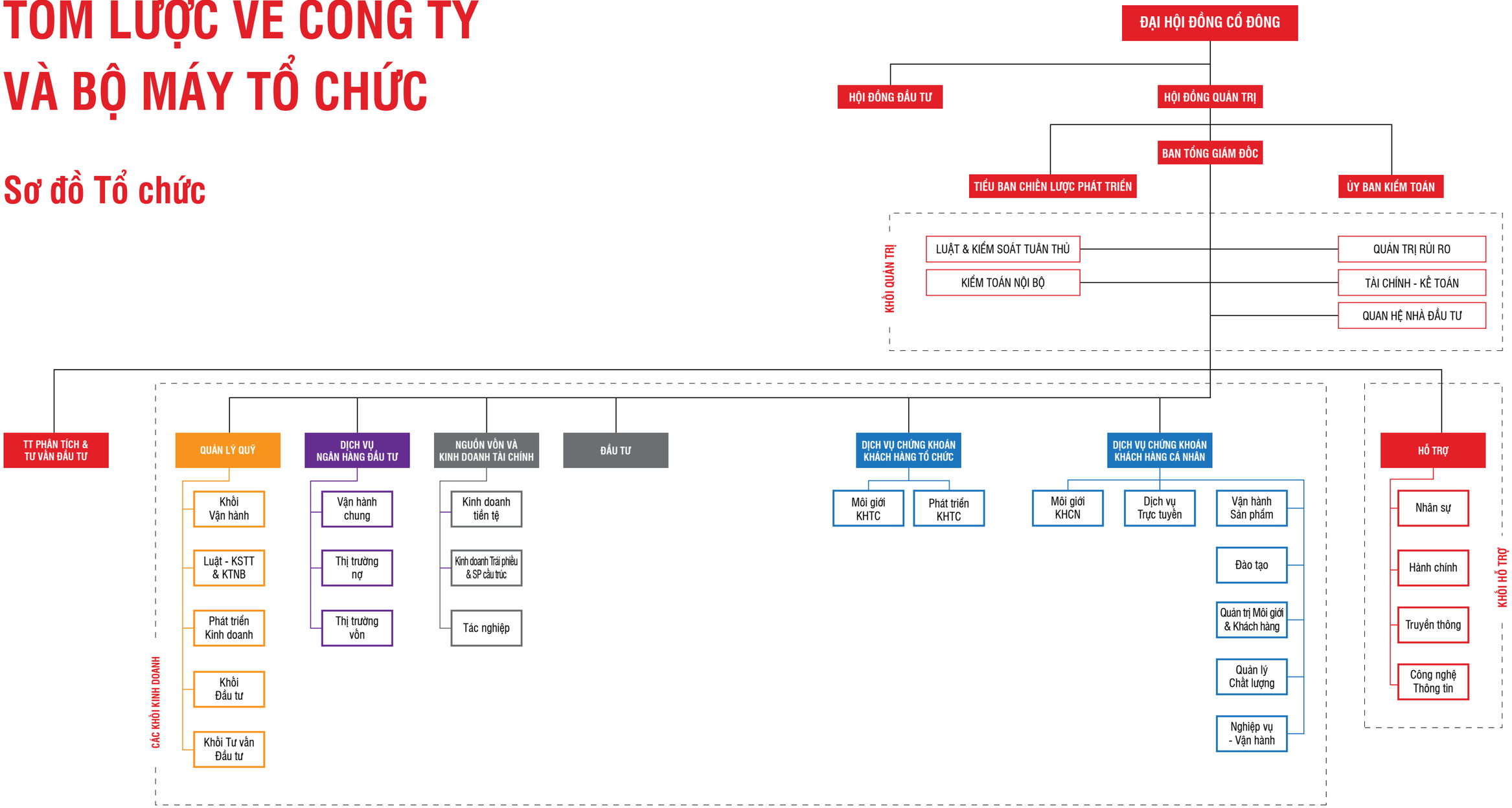


ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

2009-2019

TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

Sơ đồ Tổ chức



Nhân sự chủ chốt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & ỦY BAN KIỂM TOÁN



Ông

NGUYỄN DUY HƯNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



Ông

NGUYỄN HỒNG NAM

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin

Ông Nam là nhà quản lý Doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực Kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk - Ukraina.



Ông

NGÔ VĂN ĐIỂM

Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán

Ông Điểm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ.

Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông

NGUYỄN DUY KHÁNH

Thành viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN - HOSE).



Ông

HIRONORI OKA

Thành viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.



Ông

PHẠM VIẾT MUÔN

Thành viên HĐQT, Thành viên Uỷ ban Kiểm toán

Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ông Muôn có bằng Tiến sĩ Kinh tế.

THÀNH VIÊN **BAN KIỂM SOÁT**



Ông

NGUYỄN VĂN KHẢI

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF – HOSE) và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT – HOSE).

Ông Khải có bằng Thạc sỹ Quản lý công nghệ.



Ông

ĐẶNG PHONG LƯU

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.



Bà

LÊ CẨM BÌNH

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Bình có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tư vấn. Bà giữ chức vụ Giám đốc Kiểm toán Nội bộ từ tháng 05/2017. Trước đó, bà từng có thời gian làm việc tại Công ty kiểm toán và tư vấn A&C, phụ trách quản lý các hợp đồng kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, tài chính.

Bà Bình tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Kế toán - Trường Đại học Thăng Long. Bà được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA) năm 2005 và được ICAEW cấp chứng chỉ IFRS tháng 02 năm 2017.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ, Đại hội Đồng Cổ đông đã thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo mô hình hoạt động có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và không còn Ban Kiểm soát. Theo đó, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Khải, ông Đặng Phong Lưu, và bà Lê Cẩm Bình kể từ ngày 27/06/2020.

Cán bộ chủ chốt

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **NGUYỄN DUY HƯNG**
Chủ tịch HĐQT



Ông **NGUYỄN HỒNG NAM**
Tổng giám đốc

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Ông **DIỆP THẾ ANH**
Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển

KHỐI QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN KIM LONG**
Giám đốc Luật & Kiểm soát Tuân thủ



Bà **LÊ CẨM BÌNH**
Giám đốc Kiểm toán Nội bộ



Bà **NGUYỄN THỊ THANH HÀ**
Giám đốc Tài chính



Bà **HOÀNG THỊ MINH THUỶ**
Kế toán Trưởng



Ông **ĐẶNG MẠNH CƯỜNG**
Giám đốc Quản trị Rủi ro

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ



Bà **HOÀNG VIỆT PHƯƠNG**
Giám đốc

CÁC KHỐI KINH DOANH

QUẢN LÝ QUỸ



Bà **LÊ THỊ LỆ HẰNG**
Tổng giám đốc



Bà **TÔ THUỲ LINH**
Phó Tổng giám đốc



Ông **NGUYỄN PHAN DŨNG**
Phó Tổng giám đốc

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Ông **MAI HOÀNG KHÁNH MINH**
Giám đốc Khối - MG KHTC



Ông **NGUYỄN ANH ĐỨC**
Giám đốc Khối - PT KHTC



Bà **NGÔ THU NGA**
Giám đốc MG KHTC



Bà **CAO THỊ NGỌC QUỲNH**
Giám đốc PT KHTC



Ông **PHẠM QUỐC ĐẠT**
Giám đốc PT KHTC

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Ông **BÙI THẾ TÂN**
Giám đốc Khối



Bà **ĐỖ THỊ THANH THUÝ**
Phó Giám đốc Khối



Ông **NGUYỄN CHÍ TRUNG**
Phó Giám đốc Khối



Bà **HUỲNH THỊ THANH THẢO**
Giám đốc Nghiệp vụ-Vận hành

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà **NGUYỄN NGỌC ANH**
Giám đốc Khối



Bà **HOÀNG HẢI YẾN**
Giám đốc



Bà **CHỬ THỊ ÁNH NGUYỆT**
Giám đốc



Ông **NGUYỄN HOÀNG VIỆT**
Giám đốc

NGUỒN VỐN & KD TÀI CHÍNH



Bà **NGUYỄN VŨ THÙY HƯƠNG**
Giám đốc Khối



Ông **DƯƠNG MINH ĐỨC**
Giám đốc
Kinh doanh Tiền tệ



Ông **PHẠM TÙNG LÂM**
Giám đốc Kinh doanh
Trái phiếu & SP Cấu trúc

ĐẦU TƯ



Bà **NGUYỄN VŨ THÙY HƯƠNG**
Giám đốc Khối



Ông **NGUYỄN ĐỨC THÔNG**
Giám đốc
Giao dịch Phái sinh

KHỐI HỖ TRỢ



Bà **ĐOÀN NGỌC LY LY**
Giám đốc Vận hành



Bà **BÙI THỊ HỒNG NHUNG**
Giám đốc Nhân sự



Ông **YAM WAI ON (STEVE YAM)**
Giám đốc Hệ thống CNTT



Bà **LƯƠNG LAN MY**
Giám đốc Truyền thông



Bà **VŨ THỊ THU TRANG**
Trưởng phòng Hành chính

3 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2020

“Dưới tác động của Đại dịch Covid-19, Thị trường Chứng khoán Việt Nam trải qua một đợt lao dốc mạnh trong quý 1/2020 trước khi hồi phục và tăng trưởng vào hai quý cuối năm 2020. Vững vàng chinh phục mọi diễn biến khó đoán định của thị trường, SSI tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh vượt trội: doanh thu và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng lần lượt 38,5 và 40,8% so với năm 2019 - hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Cùng với nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh liên tục trước 3 lần đại dịch bùng phát trong năm, SSI tự hào mang đến môi trường an toàn và đầy đủ điều kiện để mỗi cán bộ, nhân viên yên tâm công tác, với chính sách thu nhập toàn diện được duy trì và đảm bảo mức như khi dịch bệnh chưa xảy ra.”

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2020

Doanh thu hợp nhất đạt **4.580,8** tỷ VNĐ
tăng trưởng **38,5%** *

Lợi nhuận trước thuế đạt **1.557,6** tỷ VNĐ
tăng trưởng **40,8%** *

Tổng tài sản đạt **35.769,5** tỷ VNĐ
tăng trưởng **32%** *

Năm thứ **7** liên tiếp **SSI dẫn đầu về thị phần môi giới**
đạt **11,87%**

Tổng dư nợ ký quỹ cuối năm đạt **9.226,2** tỷ VNĐ
gấp **1,7** lần *

Quỹ chỉ số ngành đầu tiên tại Việt Nam - **ETF SSIAM VNFIN LEAD**
đạt tỷ suất lợi nhuận **35,6%**

10% **cổ tức tiền mặt** & **16%** **cổ tức bằng cổ phiếu**
được chi trả thành công

Chi trả hơn **498,64** tỷ VNĐ cho cán bộ nhân viên năm 2020
cao hơn **16,7%** *

** so với năm 2019*



ASIAMONEY BROKERS POLL

8 năm liên tục giành các giải thưởng

- Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và nghiên cứu thị trường
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới
- Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức
- Công ty thực hiện lệnh tốt nhất
- Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất (Nhà đầu tư bình chọn)

ASIAMONEY

- "Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm 2020
- "Ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư tốt nhất" năm 2020

THE ASSET

- "Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp" năm 2018 - 2019 - 2020
- "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất" năm 2020

FINANCEASIA

- "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam"
  trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011 - 2014 - 2015 - 2016 - 2019 - 2020

ALPHA SOUTHEAST ASIA

- "Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" năm 2017 - 2018 - 2019 - 2020
- "Nhà tư vấn thương vụ M&A tốt nhất Việt Nam" năm 2020
- "Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam" năm 2020

ASIA ASSET MANAGEMENT

- "Giải thưởng phát hành quỹ của năm" cho năm 2020
- "CEO của năm" trong các năm 2012 - 2013 - 2014 - 2015 - 2016 - 2020

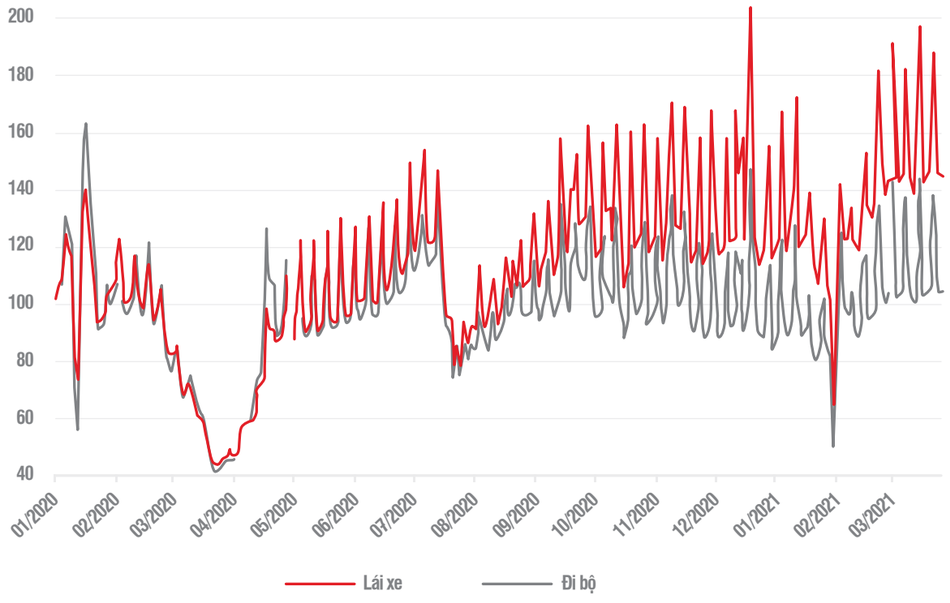
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2020

Kinh tế Việt Nam 2020

Đại dịch Covid-19 bùng phát là nhân tố ảnh hưởng mang tính chi phối tới mọi hoạt động kinh tế xã hội trên toàn thế giới, đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái và tạo ra một cuộc khủng hoảng y tế cộng đồng.

Biểu đồ báo cáo xu hướng di chuyển

(Thay đổi của các yêu cầu điều hướng so với ngày 13/1/2020)



Nguồn: Apple

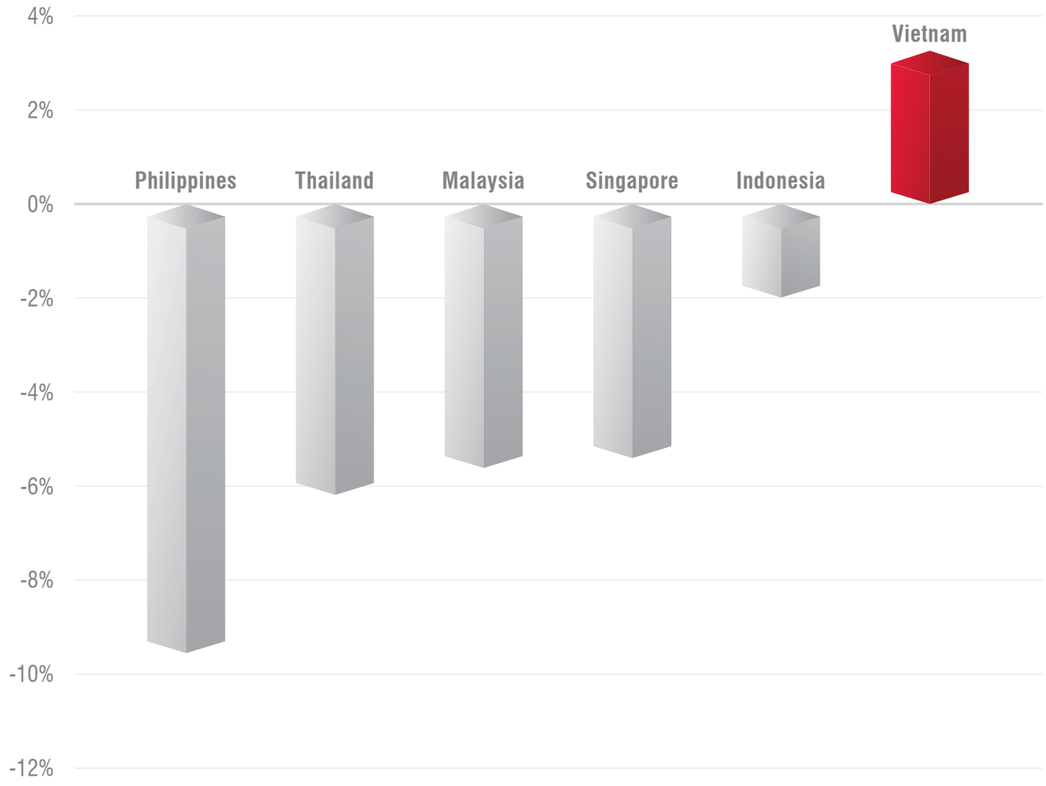
Trong bối cảnh như vậy, Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách quyết liệt, đúng đắn và kịp thời, nhanh chóng kiểm chế được các đợt bùng phát của đại dịch (trong các giai đoạn tháng 3, 4 và tháng 7/2020), bảo vệ được sức khỏe người dân và dần dần tiến tới thực hiện được mục tiêu kép, bao gồm cả giữ được tăng trưởng kinh tế.

Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ dành cho doanh nghiệp và nền kinh tế được triển khai ngay từ đầu năm. Về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước không chỉ tiến hành 3 lần giảm lãi suất (1,5 - 2%) mà còn ban hành Thông tư 01/2020 cho phép các ngân hàng được cơ cấu lại các khoản nợ bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19. Về chính sách tài khóa, bên cạnh việc cho phép các doanh nghiệp giãn, hoãn nộp thuế trong năm 2020, Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách trực tiếp cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Điểm sáng nhất của chính sách tài khóa là việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong năm 2020, đạt tới 96,13% kế hoạch năm (trong khi năm 2019 chỉ đạt 76,75%), tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ và giúp bù đắp phần nào việc suy giảm của đầu tư nước ngoài và đầu tư từ khu vực tư nhân.

Với một hệ thống các chính sách được ban hành và triển khai tương đối kịp thời và liên tục cập nhật với các diễn biến mới của tình hình, Việt Nam đã thành công trong việc duy trì được mức tăng trưởng dương trong năm 2020. Cụ thể tăng trưởng GDP đã hồi phục khá nhanh từ quý 3.2020 và mức tăng trưởng cả năm 2020 đạt 2,91% so với cùng kỳ, tuy thấp hơn nhiều so với mục tiêu của Chính phủ, nhưng vẫn thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Lạm phát sau khi tăng mạnh trong các tháng đầu năm (chủ yếu đến từ giá thịt lợn) đã dần ổn định trở lại, chỉ tăng trung bình 3,23% so với cùng kỳ do mặt bằng giá cả hàng hóa cơ bản giảm mạnh.

Việt Nam đã bảo vệ được năng lực sản xuất, chế biến chế tạo trong năm 2020, thể hiện ở việc tăng trưởng xuất khẩu ở mức cao (7%), xuất siêu đạt mức cao nhất trong lịch sử (20 tỷ USD) và ngành chế biến chế tạo là động lực chính của tăng trưởng GDP. Trong khi đó, khối các ngành dịch vụ (trừ dịch vụ tài chính), đặc biệt là các ngành liên quan tới du lịch, vận tải hành khách chịu ảnh hưởng nặng nề (lượng khách du lịch quốc tế giảm gần 80% so với năm 2019) và nhiều khả năng phải mất nhiều năm để có thể hồi phục. Điều này cũng có thể giải thích vì sao cầu tiêu dùng nội địa có mức hồi phục chậm, chỉ tăng 2,6% so với cùng kỳ (nếu loại trừ lạm phát thì thậm chí còn giảm 1,2%).

Tăng trưởng GDP 2020 của một số nước trong khu vực ASEAN



Nguồn: CEIC

Thị trường Chứng khoán 2020

Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam khép lại năm 2020 thành công ngoài mong đợi. Hai chỉ số chính là VN-Index và VN30 đã phục hồi ngoạn mục 67,5% và 75,3% từ mức đáy và lấy lại được tăng trưởng dương 14,9% và 21,8% cho cả năm 2020. Năm 2020 cũng là năm thứ 5 liên tiếp VN-Index tăng trưởng vượt trội so với chỉ số MSCI Frontier Market – MSCI FM (17,3%). Đặc biệt, nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình (mid-cap) đã tăng 12% so với nhóm VN30 sau 3 năm liên tiếp kém hiệu quả hơn nhóm này.

Nhà đầu tư cá nhân là động lực chính cho sự tăng trưởng của TTCK Việt Nam 2020. Số lượng tài khoản mở mới tăng mạnh qua từng tháng, tháng 12 đạt 63.075 tài khoản - mức cao nhất trong lịch sử tính đến cuối năm 2020. Thanh khoản đạt kỉ lục nhờ dòng tiền cá nhân mạnh mẽ, giá trị giao dịch khớp lệnh trên 3 sàn đạt 621 triệu USD/phiên vào tháng 12/2020 (tăng 53% so với tháng 11 và tăng 343% so với cùng kì). Giá trị giao dịch trung bình cả năm 2020 đạt 267 triệu USD/phiên, tăng 79,2% so với năm 2019 và 17,2% so với năm 2018.

Ở chiều ngược lại, tính chung cho cả năm 2020, tỉ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ còn 11,3% tổng giá trị giao dịch, thấp hơn nhiều so với mức 14 – 16% những năm trước đây, và thậm chí rơi xuống chỉ còn 7,3% trong tháng 12. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 813 triệu USD năm 2020, trong khi dòng vốn ròng chảy vào Quỹ ETF đạt 193 triệu USD năm 2020. Nếu dòng vốn nước ngoài quay trở lại vào năm 2021, đặc biệt với tỷ trọng cao hơn cho Việt Nam trong chỉ số MSCI FM, đây sẽ là yếu tố hỗ trợ mạnh cho TTCK trong năm sau, do nhà đầu tư cá nhân thường có động thái hành động theo nhà đầu tư nước ngoài.

Chỉ số VNIndex và MSCI FM năm 2016-2020



Nguồn: Bloomberg

Tỉ trọng các quốc gia trong rổ chỉ số MSCI FM

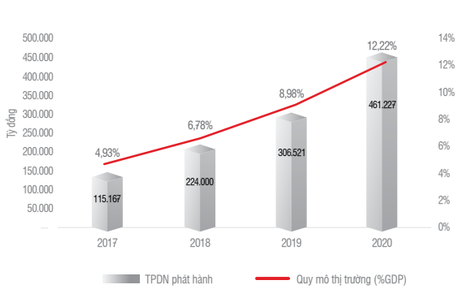
STT	Quốc gia	Tỷ trọng tại cuối tháng 11/2020	Tỷ trọng tại cuối tháng 2/2021
1	**Việt Nam**	**14,26%**	**15,02%**
2	Morocco	11,36%	10,91%
3	Romania	8,22%	8,16%
4	Kenya	7,96%	8,37%
5	Bahrain	7,91%	7,17%
6	Nigeria	9,49%	8,40%
7	Bangladesh	5,80%	6,93%
8	Oman	3,65%	3,66%
9	Kazakhstan	3,04%	4,04%
10	Sri Lanka	1,13%	1,05%
11	Kuwait	21,50%	19,13%

Nguồn: MSCI

Các quỹ mở nội địa năm 2020 ghi nhận sự tăng trưởng về cả quy mô tài sản lẫn số lượng nhà đầu tư tham gia. Tổng giá trị tài sản ròng các quỹ mở đạt 34.458 tỷ VNĐ, tăng trưởng hơn 63,15% so với năm 2019. Đáng chú ý, các quỹ mở trái phiếu vẫn tiếp tục được nhà đầu tư ưa chuộng, với tổng giá trị tài sản ròng đạt 27.470 tỷ VNĐ, chiếm 79,72% tổng giá trị tài sản các quỹ mở trên thị trường. Theo thống kê của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD), số lượng tài khoản giao dịch quỹ mở đạt trên 181.000 tài khoản, tăng trưởng hơn 45,97% so với năm 2019. Năm 2020 cũng chứng kiến sự nở rộ của các quỹ hoán đổi danh mục (ETF). Thị trường chứng khoán chào đón 5 quỹ ETF nội địa mới là SSIAM VNFin Lead, VFM VNDiamond, Vinacapital VN100, SSIAM VN30 và Mirae Assets VN30 ETF. Đáng chú ý, hai quỹ VFM VNDiamond và SSIAM VNFin Lead đã thu hút nguồn vốn lớn, tương ứng 4.150 tỷ VNĐ và 793 tỷ VNĐ. Tới cuối năm 2020, các quỹ ETF đầu tư vào thị trường Việt Nam đạt quy mô hơn 32 nghìn tỷ VNĐ.

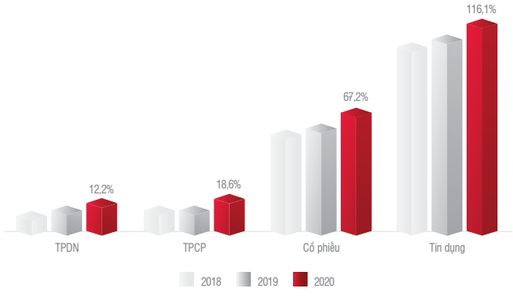
Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tăng liên tục trong những năm gần đây, cuối năm 2020 đã chiếm khoảng 12% GDP của Việt Nam. Tính chung trong năm 2020, các doanh nghiệp phát hành tổng cộng 461,23 nghìn tỷ VNĐ trái phiếu, tăng 48,4% so với lượng phát hành năm 2019. Trong đó, chỉ có 23,5 nghìn tỷ VNĐ trái phiếu phát hành ra công chúng, tương đương 5,2% tổng lượng phát hành; 94,8% còn lại đều là phát hành riêng lẻ. Tổng lượng TPDN lưu hành ước tính khoảng 960 nghìn tỷ VNĐ, tăng 39,7% so với cuối 2019. Có thể thấy, thị trường vốn của Việt Nam đã tăng trưởng khá tốt trong năm vừa qua; tổng quy mô thị trường vốn (trái phiếu, cổ phiếu) đã tăng lên 97,2% GDP, thu hẹp khoảng cách so với quy mô kênh tín dụng ngân hàng (115% GDP).

Quy mô Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp



Nguồn: Bộ Tài chính, HNX, GSO, SSI tổng hợp

Quy mô các kênh huy động vốn (% GDP)

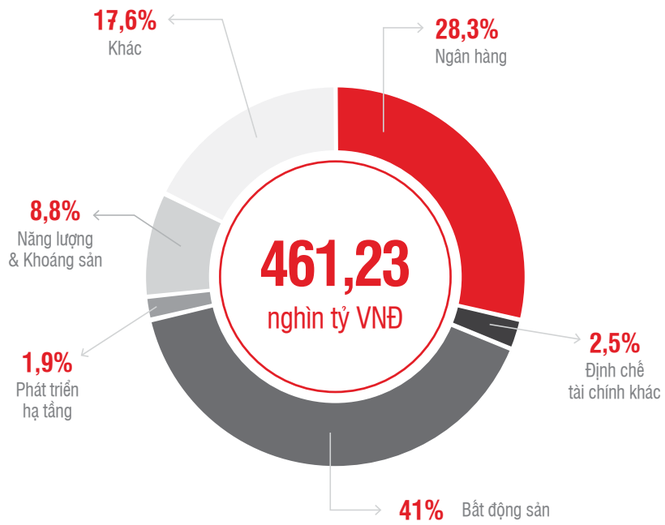


Nguồn: HNX, SSI tổng hợp

Trong năm 2020, các doanh nghiệp bất động sản phát hành tổng cộng 188,92 nghìn tỷ VNĐ, chiếm 41% tổng phát hành toàn thị trường – tăng so với tỷ trọng 39,6% năm 2019 và là nhóm phát hành nhiều nhất trong 2 năm gần đây. Các ngân hàng thương mại vẫn là nhóm phát hành nhiều thứ 2 trong năm 2020 với tổng lượng phát hành là 130,6 nghìn tỷ VNĐ, tuy nhiên do lượng phát hành chỉ tăng 10,6% (thấp hơn mức tăng toàn thị trường) nên tỷ trọng của trái phiếu ngân hàng thu hẹp đáng kể từ mức 38,5% (2019) xuống 28,3% (2020).

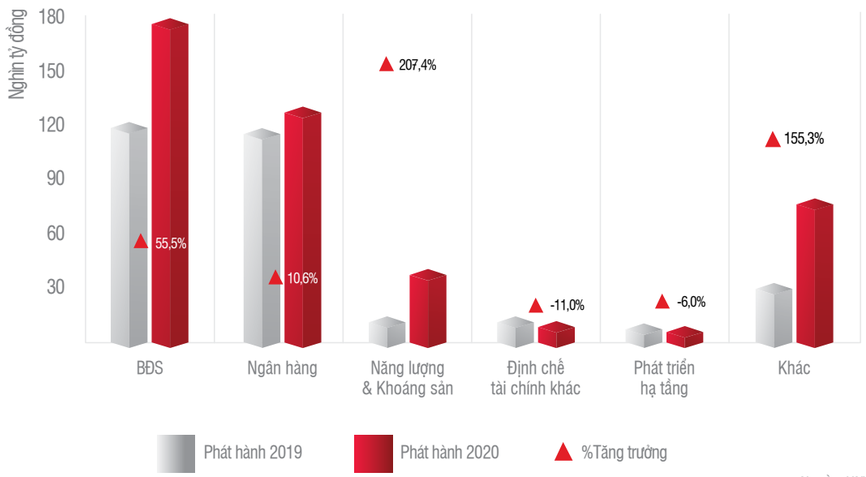
Đáng chú ý, nhóm TPDN năng lượng và khoáng sản gia tăng mạnh lượng phát hành, tổng cộng đã phát hành 40,6 nghìn tỷ VNĐ trong năm 2020, cao gấp 3 lần lượng phát hành năm 2019 giúp cho tỷ trọng trong tổng phát hành toàn thị trường của nhóm này tăng mạnh từ 4,3% (2019) lên 8,8% (2020).

Cơ cấu phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp năm 2020



Nguồn: HNX, SSI tổng hợp

Lượng phát hành các nhóm trong 2019 và 2020



Nguồn: HNX, SSI tổng hợp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình Tài chính 2020

Năm 2020, tổng tài sản SSI tăng trưởng 32%, đạt trên 35.769,5 tỷ VNĐ tại ngày 31/12/2020, trong đó mức vốn chủ sở hữu đạt 9.872,8 tỷ VNĐ. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tài sản ngắn hạn	**22.270.357**	**22.290.867**	**29.040.031**
Tài sản tài chính	22.237.874	22.255.950	28.888.813
Tiền và các khoản tương đương tiền	*612.880*	*1.040.783*	*363.252*
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	*2.039.986*	*4.315.245*	*13.252.454*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*12.326.240*	*10.721.931*	*5.591.645*
Các khoản cho vay	*5.966.651*	*5.359.342*	*9.226.158*
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	*1.265.085*	*760.042*	*185.677*
Tài sản tài chính khác	*27.032*	*58.607*	*0*
Tài sản ngắn hạn khác	*32.483*	*34.917*	*151.219*
Tài sản dài hạn	**1.555.270**	**4.753.248**	**6.729.497**
Các khoản đầu tư dài hạn	1.065.903	4.238.856	6.249.811
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*301.622*	*3.444.541*	*5.464.741*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	*764.281*	*794.315*	*785.069*
Tài sản cố định	118.743	147.013	148.288
Bất động sản đầu tư	214.562	205.777	196.768
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.923	29.450	43.076
Tài sản dài hạn khác	151.139	132.153	91.554
TỔNG TÀI SẢN	**23.825.627**	**27.044.115**	**35.769.528**
Nợ phải trả ngắn hạn	**13.469.410**	**16.409.541**	**25.823.379**
Vay ngắn hạn	11.193.159	15.550.226	23.351.486
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	255.000	0	0
Nợ phải trả ngắn hạn khác	2.021.252	859.315	1.325.362
Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn			1.146.531
Nợ phải trả dài hạn	**1.200.552**	**1.233.515**	73.352
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	1.068.320	1.105.938	0
Trái phiếu phát hành dài hạn	0	0	0
Nợ phải trả dài hạn khác	132.232	127.577	73.352
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**14.669.962**	**17.643.055**	**25.896.731**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**9.155.665**	**9.401.060**	**9.872.797**

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Tài sản ngắn hạn chiếm 81,2% tổng tài sản, năm 2020 ghi nhận mức tăng lên đáng kể (30%) so với 2019, đạt 29.040 tỷ VNĐ, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính. Trong đó, mức tăng trưởng được đóng góp chính từ chứng chỉ tiền gửi (8,86 nghìn tỷ VNĐ - chiếm 24,8% tổng tài sản), trái phiếu (2,28 nghìn tỷ VNĐ, chiếm 6,4% tổng tài sản) và cho vay ký quỹ (9,2 nghìn tỷ VNĐ, chiếm 25,7% tổng tài sản). Chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu đều là những tài sản rất an toàn, có độ thanh khoản cao được Công ty lựa chọn từ các đối tác có độ tín nhiệm cao trên thị trường, nhằm giúp SSI đạt được mục tiêu bảo toàn vốn song song với tối ưu hóa lợi nhuận đối với các hoạt động kinh doanh nguồn vốn, tận dụng tốt chênh lệch lãi suất giữa tiền đi vay và tài sản chính thức. Cụ thể, mức chênh lệch lãi suất bình quân giữa lãi suất vay và lãi suất tiền gửi hoặc kinh doanh giấy tờ có giá ở quanh mức 1,1%. Bên cạnh đó, đầu tư trái phiếu vừa là loại tài sản an toàn có mức sinh lời tốt (lãi suất trái phiếu từ 10 đến 10,5%), vừa góp phần tạo ra hàng hóa đáp ứng nhu cầu đồng đầu tư của khách hàng cá nhân ở những thời điểm thị trường có diễn biến không thuận lợi, kinh doanh cổ phiếu có nhiều rủi ro. Năm 2020, SSI tiếp tục mở rộng và phát triển đa dạng sản phẩm đầu tư trái phiếu S-Bond, tạo điều kiện để nhà đầu tư cá nhân có thể giao dịch trái phiếu doanh nghiệp thông qua các nền tảng giao dịch trực tuyến của Công ty một cách nhanh chóng, hiệu quả. Nhờ vị thế là CTCK số 1 trên thị trường và mạng lưới khách hàng doanh nghiệp rộng khắp, SSI có thể nắm bắt được nhu cầu phát hành trái phiếu của doanh nghiệp và thực hiện sứ mệnh kết nối giữa doanh nghiệp cần vốn và nhà đầu tư. Tuy vậy, để được lựa chọn đưa vào sản phẩm đầu tư trái phiếu S-Bond, các trái phiếu doanh nghiệp đều phải trải qua quy trình thẩm định và phê duyệt hết sức chặt chẽ. Doanh nghiệp phát hành được lựa chọn đều là những doanh nghiệp có sức khỏe tài chính lành mạnh, kế hoạch kinh doanh hiệu quả, an toàn và tạo ra dòng tiền để trả nợ trái phiếu. Mọi yếu tố từ quản trị doanh nghiệp, khả năng quản lý thanh khoản, khả năng trả được nợ đến tài sản đảm bảo đều được đánh giá kỹ lưỡng. Đồng thời, SSI hàng ngày đứng ra thực hiện tạo lập thị trường để tăng thanh khoản cho trái phiếu, khi khách hàng có nhu cầu hoàn toàn có thể bán lại cho Công ty với mức giá niêm yết. Sản phẩm S-Bond luôn được các nhà đầu tư quan tâm, đón nhận bởi sự an toàn và mức chênh lệch lãi suất từ 2 – 3% so với tiền gửi tiết kiệm. Việc kết hợp quản lý tài sản của Công ty với tài sản của khách hàng được SSI thực hiện một cách tách biệt và vận hành nhịp nhàng, quản lý dòng tiền chặt chẽ trên cơ sở tối ưu hóa lợi ích, nên năm 2020 Công ty không phát sinh rủi ro thanh toán hoặc thanh khoản nào và luôn đáp ứng toàn bộ nhu cầu của các Khối Kinh doanh.

Hoạt động cho vay ký quỹ cũng gia tăng mạnh mẽ từ nửa cuối năm 2020, đặc biệt trong quý 4. Dư nợ margin tại thời điểm 31/12/2020 tăng 1,7 lần so với đầu năm, đạt 9.226,2 tỷ VNĐ – kỷ lục trong nhiều năm hoạt động cho vay ký quỹ của SSI. Sự tăng trưởng mạnh mẽ cũng có được nhờ những chương trình cho vay kích thích giao dịch của SSI, được nhà đầu tư hưởng ứng và đánh giá cao. Trong điều kiện tăng trưởng nợ margin như vậy, SSI vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động có thể ảnh hưởng đến khách hàng vay nợ ký quỹ. Năm 2020 tiếp tục là năm không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn như truyền thống tích cực của những năm trước đó. Chênh lệch nợ giải ngân mới và trả nợ của khách hàng mỗi ngày có thể lên tới 1 – 2.000 tỷ VNĐ nhưng dòng tiền được quản lý với thanh khoản luôn xuyên suốt, nhất quán với chính sách quản trị rủi ro, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

Tăng trưởng về tài sản đi liền với tăng trưởng về nguồn vốn của Công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu đạt 9.872,8 tỷ VNĐ cuối năm 2020, tăng 5% so với cuối năm 2019. Cơ cấu Nguồn vốn chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu, nợ vay ngân hàng và vốn huy động từ trái phiếu chuyển đổi phát hành từ năm trước. Năm 2020, Công ty không còn các trái phiếu thường mà chuyển kênh huy động sang nguồn vay ngân hàng, đặc biệt là thêm các khoản vay ngân hàng nước ngoài, với lãi suất và cơ chế vay trả hợp lý hơn. Các khoản vay ngân hàng nước ngoài chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá, tuy nhiên Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng các hợp đồng mua bán kỳ hạn/swap ngoại tệ. Tại thời điểm cuối năm 2020, Công ty có khoản vay gốc ngoại tệ tại ngân hàng Sinopac có giá trị là 55.000.000 USD (tương ứng 1.276.825.000.000 VND), biến động tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VND có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí chi phí lãi vay của Công ty.

Nợ vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2020 là hơn 23.351,5 tỷ VNĐ, tăng 50% so với cùng kỳ 2019. Lãi suất vay ngân hàng trong nước bình quân ở mức dưới 4% và lãi suất vay ngân hàng nước ngoài bình quân ở mức dưới 3%, đều là những mức chi phí hợp lý phục vụ tăng trưởng tài sản theo cơ cấu nêu trên. Mặc dù nguồn vốn vay tăng trưởng ở quy mô lớn nhưng SSI vẫn tiếp tục bảo đảm thanh khoản ở mức cao, năm 2020 tiếp nối thành tựu an toàn thanh khoản, không phát sinh sự cố rủi ro nào, không để phát sinh chậm trả nợ. Hình thức vay cũng được đa dạng hóa, linh hoạt tối đa, ngắn hạn, dài hạn, vay thường và vay thấu chi, vay bằng nội tệ và ngoại tệ. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của lãi suất. Việc cân đối kỳ hạn giữa các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất.

Hoạt động quản trị tài sản và nguồn vốn hiệu quả, linh hoạt nói trên được phản ánh trong kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội của SSI năm 2020: doanh thu hợp nhất đạt 4.580,8 tỷ VNĐ – tăng 38,5% so với doanh thu năm 2019; lợi nhuận sau thuế đạt 1.255,9 tỷ VNĐ, tăng 38,5% so với năm 2019. Các tỷ lệ ROA đạt 3,51% và ROE đạt 12,8% - đều cao hơn so với mức của năm 2019. Kết quả đánh giá chi tiết sẽ được trình bày chi tiết tại phần sau của báo cáo.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Kết quả kinh doanh	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu thuần (VNĐ)	2.540.929.472.830	3.043.190.092.433	3.938.662.332.650	3.301.484.401.084	4.575.554.619.785
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	1.141.560.999.946	1.392.314.526.117	1.567.029.926.018	1.098.616.647.855	1.552.457.656.856
Lợi nhuận khác	2.501.998.996	12.706.882.916	56.183.537.937	6.906.913.602	5.095.628.207
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	1.144.062.998.942	1.405.021.409.033	1.623.213.463.955	1.105.523.561.457	1.557.553.285.063
Lợi nhuận sau thuế	94.466.423.550.041	1.161.104.595.823	1.302.937.242.558	907.096.976.031	1.255.931.818.955
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	946.703.413.703	1.161.852.985.813	1.304.930.180.565	909.201.424.729	1.257.372.470.832
Bảng cân đối tài sản	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
Tổng tài sản (VNĐ)	14.006.830.388.635	18.764.375.171.848	23.825.626.725.361	27.044.115.024.913	35.769.528.008.239
Vốn điều lệ (VNĐ)	4.900.636.840.000	5.000.636.840.000	5.100.636.840.000	5.100.636.840.000	6.029.456.130.000
Tổng số lượng cp bình quân gia quyền	480.436.945	490.089.282	499.834.406	508.772.958	599.014.915
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	7.906.811.867.993	8.616.249.695.902	9.155.664.527.633	9.401.059.780.205	9.872.797.052.319
Cơ cấu tài sản	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
TS ngắn hạn/ Tổng tài sản	90,41%	91,81%	93,47%	82,42%	81,19%
TS dài hạn/ Tổng tài sản	9,59%	8,19%	6,53%	17,58%	18,81%
Cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	43,55%	54,08%	61,57%	65,24%	72,40%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	56,45%	45,92%	38,43%	34,76%	27,60%
Tỷ suất lợi nhuận	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,74%	6,19%	5,47%	3,35%	3,51%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	12,1%	13,6%	14,3%	9,7%	12,8%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	19,28%	23,22%	25,54%	17,78%	20,83%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	37,18%	38,15%	33,08%	27,48%	27,45%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.843	2.208	2.428	1.430	1.955
Khả năng thanh toán	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	2,17	1,84	1,65	1,36	1,12
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	2,13	1,81	1,65	1,35	1,11

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

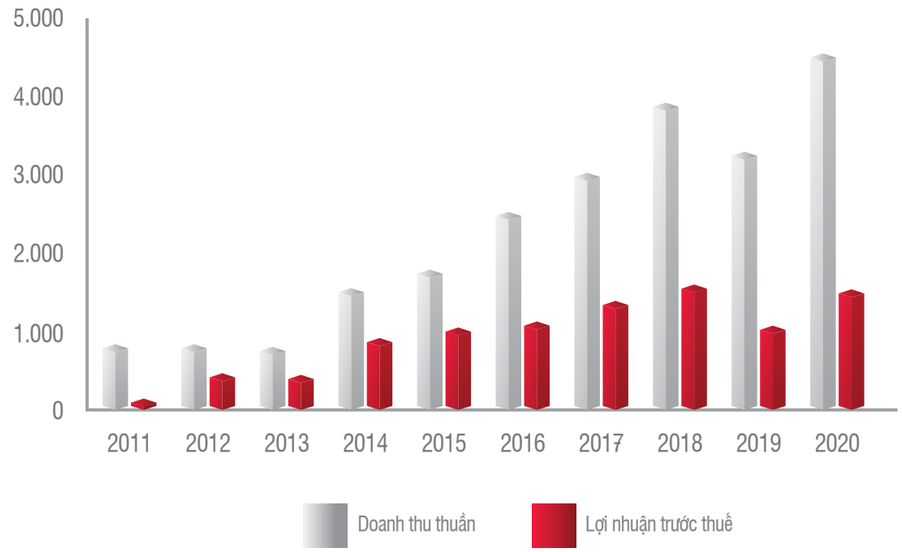
Kết quả Kinh doanh 2020

Năm 2020, dù trải qua một đợt lao dốc mạnh trong quý 1/2020 do tác động của Đại dịch Covid-19, nhưng sau đó thị trường đã hồi phục mạnh, hai chỉ số chính là VN-Index và VN30 tăng 67,5% và 75,3% từ mức đáy và lấy lại được tăng trưởng dương 14,9% và 21,8% cho cả năm 2020. Thanh khoản đạt kỉ lục như dòng tiền mạnh mẽ từ nhà đầu tư cá nhân. Giá trị giao dịch trung bình cả năm tăng trưởng 79,2% so với năm 2019 và 17,2% so với năm 2018. Thị trường cũng đón nhận một lớp nhà đầu tư mới với quy mô lớn nhất trong 20 năm thành lập và phát triển thị trường.

Thị trường cũng tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các CTCK, đặc biệt từ nhóm CTCK nước ngoài với thế mạnh về nguồn vốn giá rẻ, tích cực mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ (margin), liên tục cung cấp ra thị trường những gói vay với mức giá hấp dẫn; các chương trình giảm phí giao dịch xuống mức rất thấp – thậm chí giảm giá 0 đồng, miễn phí giao dịch trọn đời.

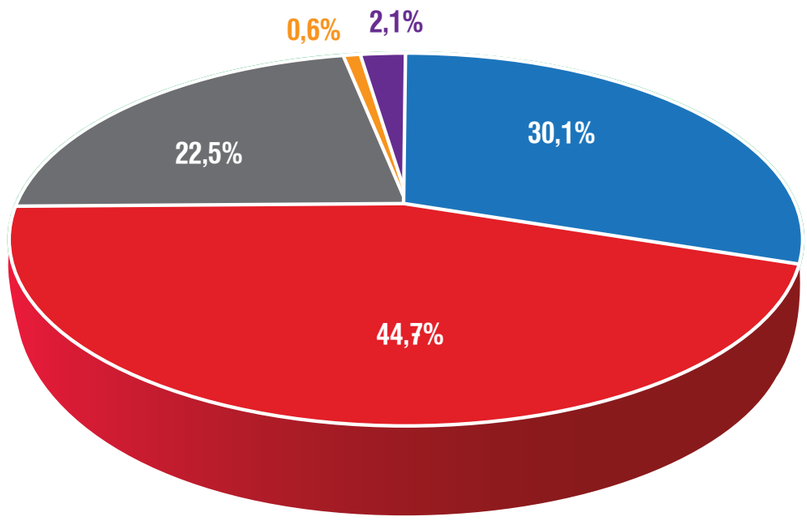
Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, SSI kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, và Quản lý Quỹ, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong thời kỳ mới. Năm 2020, SSI ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 4.580,8 tỷ VNĐ – tăng 38,5% so với doanh thu năm 2019, đạt 166% kế hoạch kinh doanh. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế (LNTT) đạt 1.557,6 tỷ VNĐ, tăng 40,8% so với kết quả năm 2019, đạt 179% kế hoạch kinh doanh 2020 về lợi nhuận.

Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2011-2020 (Tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2020



Nguồn: Báo cáo Tài chính Kiểm toán SSI

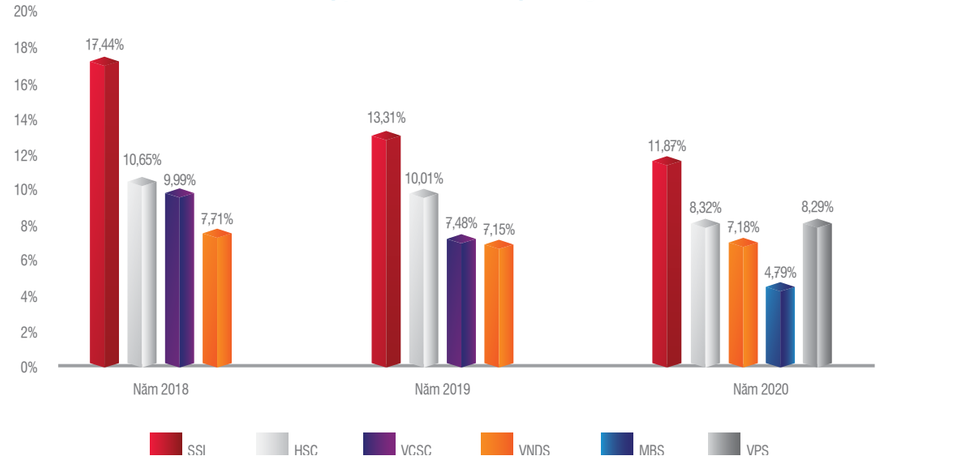
Trong đó, các mảng kinh doanh đều ghi nhận hoạt động hiệu quả và tăng trưởng. Chi tiết được trình bày dưới đây.

Dịch vụ Chứng khoán

7 năm liên tục dẫn đầu thị phần môi giới tại HOSE

SSI có năm thứ 7 liên tiếp đứng số 1 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ) tại HOSE. Cụ thể, thị phần SSI đạt 12,33% tại HOSE và 7,6% tại HNX. Tính chung trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán, thị phần SSI năm 2020 đạt 11,87% - dẫn đầu toàn thị trường. Thành tích dẫn đầu nhiều năm liên tiếp mà một SSI đạt được cho thấy sự bền vững về chiến lược và linh hoạt trong hoạt động trong bối cảnh TTCK Việt Nam đang có sự thay đổi rõ rệt cả về lượng và chất.

Thị phần trên toàn thị trường

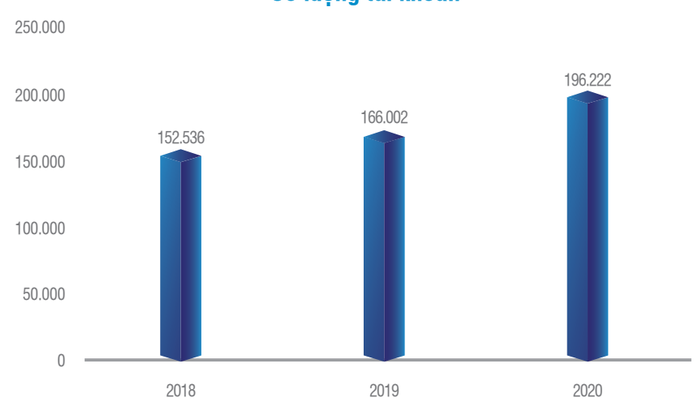


Nguồn: HNX, HOSE, SSI tổng hợp

Tăng trưởng số lượng tài khoản quản lý

Số lượng tài khoản tại SSI năm 2020 tăng trưởng 18,2%, lên mức 196 nghìn tài khoản, chiếm 7% số lượng tài khoản trên toàn thị trường.

Số lượng tài khoản



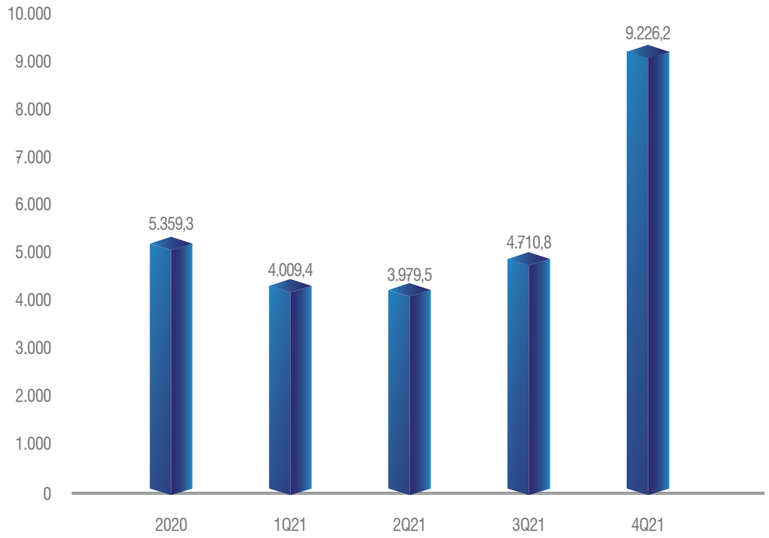
Nguồn: SSI

Dư nợ margin được duy trì ổn định so với giá trị giao dịch thị trường

Năm 2020, sự bùng nổ của thị trường vào quý cuối năm kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ vay ký quỹ (margin) tăng mạnh. Theo số liệu cập nhật từ UBCKNN, tính tới ngày 31/12/2020 dư nợ ký quỹ toàn thị trường đạt gần 81.000 tỷ VNĐ, tăng 40% so với cuối quý 3 và tăng 84% so với thời điểm thị trường tạo đáy vùng 660 điểm vào cuối quý 1/2020. Đây cũng là con số kỷ lục về dư nợ cho vay trên TTCK Việt Nam từ trước đến nay.

SSI luôn kiên định với chính sách cho vay thận trọng khi thị trường có nhiều biến động khó đoán định để giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và Khách hàng, tuy nhiên tận dụng thế mạnh về nguồn vốn để linh hoạt đáp ứng nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ của Nhà đầu tư khi giá trị giao dịch của thị trường tăng mạnh. Kết quả, thời điểm cuối năm 2020, tổng dư nợ ký quỹ tại SSI đạt 9.226,2 tỷ VNĐ – gấp 1,7 lần thời điểm cuối năm 2019.

Dư nợ ký quỹ cuối kỳ tại SSI (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất các quý

Phát triển sản phẩm mới và gia tăng tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm hiện có

Công ty cũng đầu tư nguồn lực để liên tục nghiên cứu phát triển và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ mới ra thị trường, đồng thời cập nhật nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm và công cụ giao dịch hiện có:

01/2020

SSI ra mắt tính năng Đặt lệnh trực tiếp với nhiều tiện ích trên Bảng giá thông minh SSI iBoard, gồm iBoard Web và SSI iBoard App trên cả 2 nền tảng iOS và Android. Nhà đầu tư SSI có thể trải nghiệm một nền tảng giao dịch trực tuyến hiện đại, tốc độ cao ngay tại iBoard.

03/2020

Với chiến lược không ngừng hoàn thiện công cụ giao dịch đầu tư trực tuyến nhằm mang lại sự thuận tiện cho nhà đầu tư, Bảng giá thông minh SSI iBoard phiên bản 2.0 được ra mắt, tiếp tục bổ sung thêm nhiều tiện ích mới: Đặt lệnh trực tiếp với cơ chế thiết lập giá linh hoạt, đặt lệnh đảo chiều phái sinh, tính năng "1-click" đặt lệnh chỉ với 1 click chuột, tính năng đóng toàn bộ vị thế, bán toàn bộ cổ phiếu trong danh mục. Thông tin được cập nhật liên tục 360 độ doanh nghiệp giúp nhà đầu tư có một cái nhìn toàn cảnh về thị trường chứng khoán.

05/2020

SSI ra mắt tính năng đặt lệnh điều kiện trên hệ thống bảng giá thông minh SSI, cho phép nhà đầu tư mua bán với giá định trước, giao dịch nhanh chóng khi thị trường đảo chiều hoặc có tín hiệu kỹ thuật, giúp đảm bảo chiến lược đầu tư. SSI là một trong số ít công ty chứng khoán đang hỗ trợ đến 6 loại lệnh điều kiện trên bảng giá SSI iBoard.

07/2020

Sau khi ra mắt một thời gian và nhận được sự tín nhiệm của đông đảo khách hàng, trong tháng 7 – 8/2020, sản phẩm đầu tư trái phiếu S-Bond tiếp tục phân phối thêm các trái phiếu mới, gồm trái phiếu Tổng công ty thiết bị điện Việt Nam (HOSE - GEX) - Gelex 2020 với khối lượng chào bán 400 tỷ VNĐ và trái phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (Taseco) – Taseco 2020 với khối lượng chào bán 100 tỷ VNĐ. Tất cả đều có tài sản đảm bảo và mức lợi suất đầu tư hấp dẫn. Đặc biệt, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận với sản phẩm S-Bond thông qua tính năng mua bán trái phiếu online trên bảng giá thông minh SSI iBoard và hệ thống giao dịch trực tuyến SSI Webtrading.

08/2020

SSI chính thức ra mắt dịch vụ Mở tài khoản trực tuyến 100% - ứng dụng công nghệ eKYC (Electronics Know Your Customer), giúp Nhà đầu tư có thể mở tài khoản tại SSI nhanh chóng chỉ sau vài phút thao tác, giao dịch được ngay mà không cần phải đến các chi nhánh/phòng giao dịch của SSI. Công nghệ eKYC là cánh cửa đầu tiên để khách hàng tiếp cận chuỗi dịch vụ và giao dịch số của SSI, giúp Công ty có thể phục vụ khách hàng tốt hơn mọi lúc – mọi nơi, đặc biệt tại các tỉnh thành nơi chưa có chi nhánh, phòng giao dịch và đội ngũ môi giới của SSI.

09/2020

Tiếp tục đem tới lựa chọn đầu tư đa dạng và hiệu quả nhất cho khách hàng, SSI giới thiệu sản phẩm mới S-Savings, sản phẩm thỏa thuận quản lý dòng tiền của khách hàng cho SSI nhằm đáp ứng nhu cầu tối ưu hóa dòng tiền nhàn rỗi dưới hình thức quản lý tiền gửi có xác định lãi suất và kỳ hạn. Sản phẩm S-Savings có lợi suất hấp dẫn so với tiền gửi ngân hàng, kỳ hạn linh hoạt tính theo ngày/ tuần/ tháng/năm. Khách hàng có thể chủ động kiểm soát dòng tiền, không lo lắng bỏ lỡ cơ hội đầu tư với lựa chọn tất toán trước hạn mà vẫn đảm bảo lợi suất theo thời gian thực gửi. Sản phẩm này cũng cho phép khách hàng tùy chọn liên kết với tài khoản giao dịch ký quỹ để gia tăng sức mua chứng khoán.

11/2020

Tính năng giao dịch tiền trên bảng giá iBoard được ra mắt, giúp nhà đầu tư linh hoạt quản lý dòng tiền đầu tư, chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán ra tài khoản ngân hàng, chuyển tiền nội bộ giữa các tài khoản chứng khoán và nộp tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh nhanh chóng và tiện lợi.

12/2020 và đầu năm 2021

Tính năng giao dịch sản phẩm S-Savings trên bảng giá iBoard được ra mắt, giúp khách hàng có thể thực hiện các thủ tục gửi tiền, tất toán trực tuyến đơn giản, nhanh chóng tại bảng giá iBoard mà không cần đến các Chi nhánh/Phòng giao dịch của SSI.

Cũng trong năm 2020, SSI triển khai kết nối thành công với 8 ngân hàng lớn tại Việt Nam, giúp cho các giao dịch tiền của nhà đầu tư được thực hiện tiện lợi, ngay lập tức và hoàn toàn miễn phí. Với mục tiêu cung cấp nhiều tiện ích cho nhà đầu tư, SSI cũng đã có kế hoạch triển khai tính năng liên kết tài khoản giao dịch chứng khoán với tài khoản ngân hàng, giúp nhà đầu tư có thể nộp tiền từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản giao dịch chứng khoán ngay trên các hệ thống giao dịch trực tuyến của SSI.

Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phục vụ Khách hàng Tổ chức

Đối với nhóm Khách hàng tổ chức, Đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ các hoạt động tiếp cận, phát triển khách hàng mục tiêu khi SSI không thể tiếp cận trực tiếp khách hàng, dẫn đến quy trình mở tài khoản gần như ngưng trệ. Khách hàng tổ chức nước ngoài đã có nhiều sự thay đổi trong hành vi, cách thức làm việc, quyết định giao dịch để phù hợp với tình hình mới. Việc đẩy mạnh hoạt động marketing tại các thị trường cũng gặp khó khăn do hạn chế đi lại, tiếp xúc.

Trong bối cảnh đó, SSI đã kịp thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm vượt qua khó khăn từ Đại dịch, cụ thể:

Đối với mảng Phát triển Khách hàng Tổ chức

- Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng hướng tới chủ động cung cấp thông tin và tư vấn đầu tư.
- Liên tục cập nhật về tình hình dịch bệnh, tác động của dịch tới nền kinh tế và doanh nghiệp, tình hình kinh doanh và phục hồi của các ngành và doanh nghiệp, triển vọng kinh doanh, ý tưởng đầu tư v.v… tới khách hàng.
- Phát triển các kênh thông tin mới để giao tiếp với khách hàng phù hợp hơn với tình hình khách hàng hầu hết làm việc tại nhà.
- Giới thiệu ra các sản phẩm mới được khách hàng đánh giá cao như:
  - Daily Morning Highlights
  - Weekly Market Recap and Comments
  - Quarterly Sales Pitch
- Nhanh chóng chuyển hướng tiếp cận các quỹ đầu tư chủ động và các đối tác tại các thị trường chính nhằm nâng cao lượng khách hàng chủ động đầu tư vào Việt Nam thay vì việc phụ thuộc vào nhóm khách hàng chỉ số như trước đây.

Đối với mảng Quan hệ Doanh nghiệp & Nhà đầu tư

- Các chương trình gặp gỡ doanh nghiệp hàng tháng được chuyển thành hình thức online theo từng nhóm ngành mỗi tháng. Song song với đó, các yêu cầu được tiếp xúc và trao đổi với doanh nghiệp Việt Nam từ phía nhà đầu tư đều được đáp ứng không gián đoạn qua các nền tảng giao tiếp online cùng với sự phối hợp nhuần nhuyễn từ phía doanh nghiệp đã giúp thông tin được truyền tải thông suốt.
- Các hội thảo tài chính lớn thường niên dành cho khách hàng tổ chức do SSI phối hợp với các công ty chứng khoán nước ngoài được dừng thực hiện để hạn chế tiếp xúc trong giai đoạn Covid-19 và được dời sang năm tiếp theo với thời gian tổ chức sớm hơn.
- Covid-19 cũng khiến các doanh nghiệp đánh giá lại mức độ chuyên nghiệp hóa trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư và tăng cường hợp tác, tìm kiếm sự tư vấn, hỗ trợ từ đội ngũ chuyên gia của SSI để cùng đồng hành và cải tiến quy trình công bố thông tin, tiếp xúc nhà đầu tư và hệ thống hóa các sản phẩm cung cấp thông tin cho thị trường.

Doanh thu và lợi nhuận duy trì ổn định

Nhờ những nỗ lực và thành tích kể trên, Dịch vụ Chứng khoán SSI duy trì hoạt động ổn định, mang về doanh thu 1.378,4 tỷ VNĐ, và lợi nhuận 410,8 tỷ VNĐ. Doanh thu năm 2020 tăng 5% so với năm 2019, trong đó, doanh thu từ Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân chiếm 91% đạt 1.261 tỷ VNĐ, chủ yếu đến từ phí môi giới và phí từ các sản phẩm tài chính. Doanh thu của Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức chủ yếu đến từ phí môi giới giao dịch trên sàn và ngoài sàn, các khoản thu từ hợp đồng tư vấn quỹ đầu tư, các hoạt động tư vấn quan hệ nhà đầu tư cho doanh nghiệp, và các hoạt động bán chéo với các Khối Kinh doanh khác của SSI.

Bên cạnh đó, về mặt cơ cấu tổ chức, sau gần 2 tháng triển khai mô hình dịch vụ trực tuyến hoàn toàn tại Chi nhánh Nha Trang và Vũng Tàu để phòng, chống Đại dịch Covid-19, kết quả cho thấy sự hiệu quả khi tiết kiệm thời gian, chi phí cho cả Khách hàng và Công ty, trong khi dịch vụ cung cấp cho khách hàng vẫn được duy trì ổn định. Trong lộ trình chuyển đổi số như một xu thế tất yếu và chiến lược mà SSI lựa chọn, SSI chính thức áp dụng mô hình dịch vụ trực tuyến hoàn toàn tại Chi nhánh Nha Trang và Vũng Tàu kể từ ngày 10/06/2020.



Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Năm 2020, TTCK Việt Nam vượt qua "năm Covid-19" một cách ngoạn mục với sự hồi phục mạnh mẽ của các chỉ số chính như VN-Index hay VN30-Index, thanh khoản thị trường tăng cao kỷ lục, huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng hơn 20% so với năm trước.

Tuy nhiên, tỉ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trên tổng giá trị giao dịch chỉ còn 11,3%, giảm thấp hơn nhiều so với các năm trước đây. Nhà đầu tư nước ngoài cũng liên tục bán ròng, với tổng giá trị 813 triệu USD năm 2020. Các lệnh phong tỏa, hạn chế đi lại toàn cầu cũng có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI, khi việc gặp gỡ khách hàng trực tiếp gần như là không thể thực hiện.

Trong bối cảnh khó khăn đó, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI vẫn tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên TTCK Việt Nam với nhiều giao dịch đạt giá trị kỷ lục thông qua những hình thức giao dịch đa dạng và cấu trúc phức tạp. Có thể kể đến một số thương vụ ấn tượng năm 2020 như sau:

- Tư vấn Ngân hàng Cổ phần Thương mại Quân đội (HOSE- MBB) bán 21,43 triệu cổ phiếu quỹ và phát hành riêng lẻ 64,31 triệu cổ phiếu sơ cấp trị giá 100 triệu USD. Đợt chào bán đã thu hút sự tham gia của nhiều Quỹ đầu tư lớn hàng đầu thế giới, và được đánh giá là đợt chào bán cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam trong năm 2020.

- Tư vấn Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (HOSE – PLX) chào bán 28 triệu cổ phiếu quỹ cho nhà đầu tư đại chúng, huy động thành công 56,1 triệu USD.

- Độc quyền tư vấn giao dịch chào bán 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (HOSE – IMP) cho tập đoàn lớn nhất Hàn Quốc với vị thế hàng đầu trong lĩnh vực dược phẩm sinh học, sản xuất dược phẩm và hóa chất. Giá thực hiện là mức giá cao nhất trong lịch sử giao dịch cổ phiếu của IMP và với quy mô giao dịch hơn 35 triệu USD, thương vụ này được coi là thương vụ M&A dược phẩm lớn nhất tại Việt Nam trong năm 2020.

- Tư vấn Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (HOSE – APH) huy động được 9,3 triệu USD thông qua IPO trước khi niêm yết.

- Bên cạnh thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục có thêm một năm "bùng nổ", đặc biệt là các giao dịch phát hành trái phiếu riêng lẻ. Trong năm 2020, SSI đã làm đại lý phát hành Chứng chỉ tiền gửi cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Home Credit Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE – CTG) với trị giá 229 triệu USD và làm đại lý phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp hàng đầu như: Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh (HOSE – HDB), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (HNX – TNG), Trường Đại học Văn Lang, Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE - ACB), Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (HOSE – GEX), Công ty cổ phần Điện Gia Lai (HOSE – GEC), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (HOSE – HDG), với tổng giá trị phát hành lên đến gần 800 triệu USD.

> Lấy **khách hàng** là **yếu tố trọng tâm**

> Lấy **hiệu quả** làm thước đo trong mọi **hoạt động**

Kết quả hoạt động tích cực của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI trong bối cảnh khó khăn đến từ khả năng phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhân sự hai miền, kiên định với chiến lược **"lấy khách hàng là yếu tố trọng tâm, lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động"**. SSI tiếp tục chiến lược phát triển dài hạn hướng đến việc cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tới khách hàng. Đặc biệt, trong năm 2020, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã được tái cơ cấu theo hướng chuyên môn hóa, và đội ngũ nhân sự chất lượng tiếp tục được phát triển, hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai, khẳng định vị trí Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư hàng đầu, dẫn dắt tại TTCK Việt Nam.

Kết thúc năm 2020, doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đạt 20 tỷ VNĐ, giảm nhẹ 2,4% so với năm 2019.

SSI tiếp tục nhận được các giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong khu vực đối với mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư:

ASIAMONEY

Ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư tốt nhất

ALPHA SOUTHEAST ASIA

Nhà tư vấn thương vụ M&A tốt nhất Việt Nam

THE ASSET

Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp năm 2020
Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất năm 2020

M&A forum Vietnam

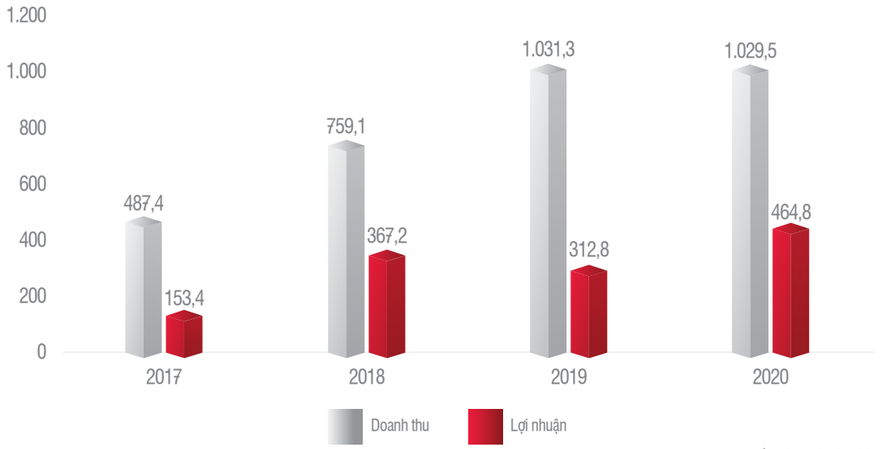
Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu của năm 2019 – 2020 - Hạng mục Công ty Chứng khoán

Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã xuất sắc duy trì và điều phối nguồn vốn ổn định, bền vững và tăng trưởng, góp phần vào kết quả kinh doanh bứt phá ngoạn mục của toàn Công ty trong năm 2020 đặc biệt này.

Nền tảng vững mạnh về tài chính cùng đội ngũ nhân sự dày dạn kinh nghiệm trải qua nhiều thăng trầm và biến động của thị trường là tiền đề để mang lại kết quả kinh doanh ấn tượng mà Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đạt được trong năm, với tốc độ tăng trưởng tài sản trên 32% - tương đương đạt 35.769,5 tỷ VNĐ so với mức 27.044 tỷ VNĐ cuối năm 2019 - mức tăng trưởng kỷ lục trong 3 năm gần đây. Song song tốc độ tăng trưởng tổng tài sản, lợi nhuận của Khối cũng bứt phá mạnh mẽ, tăng 48,6% so với lợi nhuận năm 2019.

Kết quả hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

Thanh khoản an toàn, hiệu quả và đáp ứng khối lượng giao dịch ngày càng cao của thị trường

Với nhu cầu mở rộng kinh doanh của các Khối kinh doanh của SSI trong năm 2020, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã làm rất tốt hoạt động điều phối nguồn vốn, luôn đảm bảo thanh khoản của hệ thống và đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạch đó, việc mở rộng các quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước giúp SSI có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, giá hợp lý, duy trì tính ổn định, hiệu quả trong việc kinh doanh nguồn vốn.

Đặc biệt, tháng 12/2020, SSI đã ký kết thành công hợp đồng vay vốn tín chấp trị giá 85 triệu USD – tương đương gần 2.000 tỷ VNĐ với nhóm 9 ngân hàng nước ngoài, đứng đầu là Ngân hàng Union Bank of Taiwan (UBOT) – vốn được biết đến là Nhà băng lớn nhất đảo quốc Đài Loan. Đây là khoản vay tín chấp nước ngoài lớn nhất đối với các CTCK tại Việt Nam, là minh chứng cho việc SSI luôn đề cao việc mở rộng các hoạt động kinh doanh nguồn vốn thông qua việc đa dạng các đối tác cả trong và ngoài nước. Không chỉ khẳng định vị thế và uy tín của SSI, đây cũng là chiến lược để công ty tối ưu hoá nguồn vốn, từ đó tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của SSI bằng các sản phẩm - dịch vụ đa dạng, có tính cạnh tranh, an toàn, bền vững, tối đa lợi ích cho Nhà đầu tư và là nền tảng, cơ sở cho sự phát triển của thị trường chứng khoán chung.

Tăng cường hoạt động kinh doanh các sản phẩm tài chính có kỳ hạn dài với mức lợi suất hấp dẫn và đảm bảo rủi ro chấp nhận được

Một trong những điểm nhấn đặc biệt năm 2020 của hoạt động Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI chính là sự thành công trong việc thực hiện tái phân bổ hoạt động kinh doanh từ các tài sản tài chính ngắn hạn với mức lợi suất thấp sang các công cụ đầu tư tài chính có lãi suất cố định có kỳ hạn dài hơn nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn của hệ thống. Bên cạnh đó, trong cơ cấu kinh doanh của Khối năm 2020 có sự đóng góp lớn từ hoạt động kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh. Đây là kết quả của một chặng đường xây dựng mảng kinh doanh này một cách bài bản, đặt cao tính an toàn nhưng cũng không bỏ qua các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường. Việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh giúp SSI trở thành thành viên tích cực, đi đầu trên thị trường này, với doanh thu tăng 217%. Tổng lợi nhuận của mảng kinh doanh trái phiếu và sản phẩm phái sinh trong năm 2020 cũng đạt mức tăng trưởng vượt trội, tăng 266% so với năm 2019, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của SSI trong năm 2020.

Bên cạnh việc đầu tư trực tiếp, SSI còn tập trung vào mảng phát triển các sản phẩm, dịch vụ dành cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau trên thị trường nhằm hỗ trợ nhà đầu tư có nhiều cơ hội phân bổ nguồn vốn hiệu quả hơn từ đó góp phần duy trì hoạt động kinh doanh chứng khoán của Khách hàng với SSI ngày càng sâu rộng và liên tục.



Đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới để gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư

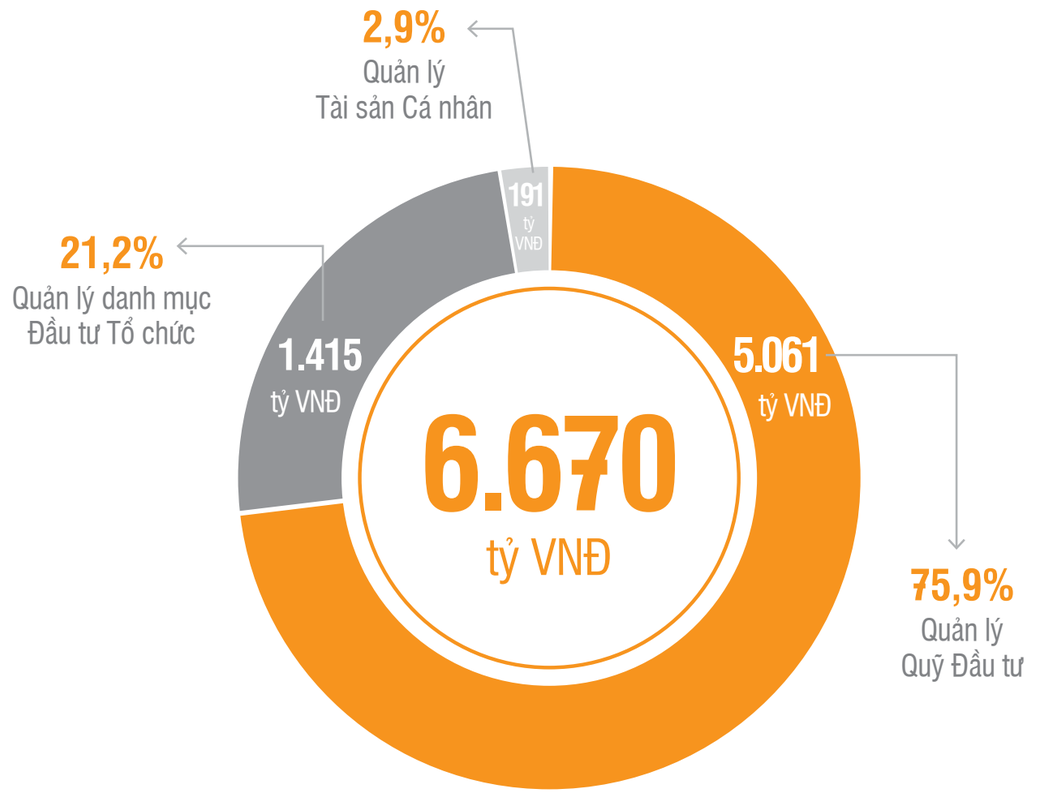
Sản phẩm Trái phiếu S-Bond do SSI tạo lập thị trường ra mắt trong năm 2019 đã được nhà đầu tư vô cùng đón nhận. Trong năm 2020, tổng khối lượng trái phiếu S-Bond do SSI chào bán cho nhà đầu tư tăng gấp đôi so với 2019 và đều được phân phối hết chỉ trong vòng 2 tháng kể từ ngày chào bán. Sản phẩm này có nhiều lợi ích vượt trội như tính thanh khoản cao, nhà đầu tư có thể dễ dàng mua - bán online bất cứ lúc nào với bảng giá thông minh SSI iBoard cũng như mang lại lợi suất cố định và an toàn cho nhà đầu tư do danh mục S-Bond đều được SSI thẩm định kĩ lưỡng và đáp ứng các bộ tiêu chí đánh giá về chất lượng tài sản, tỷ lệ an toàn vốn, dòng tiền hoạt động kinh doanh và chất lượng tài sản bảo đảm của SSI.

Mở rộng và tăng cường phối hợp giữa các Khối Kinh doanh tại SSI nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tài chính

Trong năm 2020, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tích cực hợp tác nội bộ với các Khối kinh doanh khác nhằm mở rộng mảng kinh doanh của toàn bộ Công ty, ví dụ như với hợp tác cùng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư trong các giao dịch huy động và kết nội vốn với thị trường tài chính quốc tế với các cơ hội đầu tư hiệu quả và an toàn trong nước; hỗ trợ bán chéo các sản phẩm nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm và đa dạng hóa đối tượng khách hàng tiềm năng. Song song với việc duy trì và đảm bảo thanh khoản, Khối cũng tích cực phối hợp với Bộ phận Phát triển Sản phẩm nhằm tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh của SSI trên nền tảng tối ưu hóa các công cụ tài chính phục vụ cho các nhóm đối tượng khách hàng đang có nhu cầu ngày càng cao cả về khối lượng và chất lượng dịch vụ trên thị trường, từ đó mang lại hiệu quả lợi ích tổng thể ngày càng lớn cho toàn Công ty.

Quản lý Quỹ

Trong năm 2020, SSIAM tiếp tục cung cấp 3 mảng dịch vụ chính cho các nhà đầu tư là Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức, và Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân. Tổng tài sản quản lý chia theo các dịch vụ cung cấp như sau:



Dữ liệu tại ngày 31/12/2020 - Nguồn: SSIAM

Trong Quý 1/2020, kết quả hoạt động của SSIAM cũng bị ảnh hưởng khá mạnh bởi tình hình Đại dịch Covid-19. Cuối năm 2020, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 6.670 tỷ VNĐ, tăng 45% so với cuối năm 2019, do thị trường giảm điểm và nhà đầu tư rút vốn trong tâm lý hoang mang, lo sợ đối với đợt dịch đầu tiên này. Thêm vào đó, sau khi cân nhắc cho lợi ích tốt nhất của khách hàng, SSIAM cũng quyết định đóng hai quỹ đầu tư dành cho nhà đầu tư nước ngoài: Quỹ SSIAM SIF – Vietnam Active Value Portfolio và Quỹ SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund vào đầu năm 2020 do TTCK Việt Nam thay đổi không phù hợp với chiến lược đầu tư ban đầu của hai Quỹ này.

Bằng nỗ lực của toàn bộ đội ngũ cán bộ, nhân viên, kết quả kinh doanh của SSIAM đã có sự phục hồi nhanh chóng và ngoạn mục ở 3 quý cuối năm. Tổng tài sản quản lý tăng dần với sự thành công trong việc lập các quỹ đầu tư mới, tăng quy mô các quỹ hiện tại, cũng như giành được một số khách hàng ủy thác danh mục mới.

Kết thúc năm 2020, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 6.670 tỷ VNĐ, tăng 45% so với cuối năm 2019. Doanh thu từ phí quản lý đạt 110% so với kế hoạch, tuy nhiên giảm 26% so với năm trước do sự phục hồi tổng tài sản quản lý đến chủ yếu vào cuối năm. SSIAM hoàn thành vượt 21% kế hoạch lợi nhuận đặt ra từ đầu năm.

Nhờ sự nỗ lực không ngừng trong bối cảnh khó khăn năm 2020, SSIAM đã đạt nhiều giải thưởng lớn từ các Tạp chí Tài chính quốc tế uy tín như:

ALPHA SOUTHEAST ASIA

"Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam" năm 2020

"Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân" năm 2020

ASIA ASSET MANAGEMENT

"Tổng giám đốc của năm" năm 2020 dành cho bà Lê Thị Lệ Hằng (Tổng giám đốc SSIAM)

"Quỹ mới của năm" năm 2020 cho quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư

Tính tới cuối năm 2020, SSIAM quản lý hơn 5.000 tỷ VNĐ tài sản tại các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, tăng 67% so với năm 2019. TTCK Việt Nam phục hồi và tăng mạnh trong các tháng cuối năm nhờ niềm tin kiểm soát dịch bệnh và mặt bằng lãi suất thấp. Tính chung năm 2020, lượng bơm tiền ròng từ ngân hàng nhà nước đã giúp lãi suất tiền gửi giảm 1,5 - 3%/năm ở tất cả các kỳ hạn, lãi suất cho vay cũng giảm 0,5 - 2,5%/năm, giúp đẩy mạnh chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn hơn so với tiền gửi.

Các quỹ đầu tư do SSIAM quản lý

Quỹ mở	Quỹ thành viên	Quỹ hoán đổi danh mục
Quỹ mở cổ phiếu Quỹ đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI (SSI-SCA)	**Quỹ thành viên tư nhân** Daiwa-SSIAM Vietnam Growth Fund II L.P.	**Quỹ ETF** SSIAM VNX50 ETF
Quỹ mở trái phiếu Quỹ đầu tư trái phiếu SSI (SSIBF)	**Quỹ thành viên BĐS** SSI Investment Member Fund (SSIIMF)	**Quỹ ETF** SSIAM VNFIN LEAD ETF
Quỹ hưu trí tự nguyện (sắp triển khai)	**Quỹ thành viên tư nhân** DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund III L.P.	**Quỹ ETF** SSIAM VN30 ETF
	Quỹ thành viên tư nhân Vietnam Growth Investment Fund (VGIF)	

Nguồn: SSIAM



Nắm bắt được nhu cầu của nhà đầu tư mong muốn đầu tư vào chỉ số thị trường và chỉ số ngành, SSIAM đã thành lập quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, quỹ mô phỏng chỉ số ngành đầu tiên tại Việt Nam, và quỹ ETF SSIAM VN30 mô phỏng chỉ số VN30. Quỹ FIN LEAD được niêm yết vào tháng 03/2020 với tổng giá trị niêm yết 262 tỷ VNĐ và đã đạt hơn 1.100 tỷ VNĐ vào cuối tháng 12. Tính đến cuối năm 2020, tỷ suất lợi nhuận của SSIAM VNFIN LEAD đạt 35,6%, được tạp chí tài chính quốc tế Asia Asset Management bình chọn là "Quỹ mới của Năm" do tính tiên phong và tác động tích cực từ sự ra đời của quỹ ở thị trường Việt Nam. Qũy ETF VN30 cũng được thành lập ngay sau đó, và niêm yết vào tháng 8/2020, với tổng giá trị niêm yết ban đầu đạt 56 tỷ VNĐ.

Đối với các khách hàng trong nước, SSIAM cũng linh hoạt điều chỉnh định hướng đầu tư của quỹ Quỹ đầu tư trái phiếu SSI (SSIBF), biến SSIBF thành kênh đầu tư thay thế cho kênh tiết kiệm ngân hàng, mang lại lợi suất hấp dẫn, trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trong giai đoạn Covid-19. Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh hợp tác với các một số đối tác phân phối chính cho quỹ này. Cuối năm 2020, quỹ SSIBF đã tăng quy mô lên 716 tỷ VNĐ, gấp 9,2 lần so với quy mô cuối năm 2019. Quỹ đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA) duy trì được quy mô trong khi nhiều quỹ mở cổ phiếu khác trên thị trường chịu ảnh hưởng của nhà đầu tư rút vốn, đạt 498 tỷ VNĐ, tương đương tăng 16% so với năm 2019 và tăng 71% so với tháng 03/2020.

Tiếp theo thành công của hai quỹ đầu tư tư nhân (Private Equity – quỹ đầu tư vào các công ty chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) mà SSIAM đồng quản lý với Daiwa, đối tác chiến lược của SSI, SSIAM và Daiwa đã đồng thành lập quỹ Daiwa-SSI-AM III vào tháng 10 với quy mô dự kiến 100 triệu USD, tập trung vào các doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực liên quan đến tiêu dùng. SSIAM cũng hợp tác cùng CT Bright thuộc CP Group, tập đoàn lớn nhất tại Thái Lan và Mercuria, công ty quản lý quỹ được hỗ trợ bởi Ngân Hàng Phát triển Nhật Bản, DBJ, để đồng thành lập Qũy Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VGIF) với quy mô dự kiến 100-150 triệu USD.

Một trong những sản phẩm tiềm năng của SSIAM trong tương lai là sản phẩm quỹ hưu trí tự nguyện. Trong những năm qua, SSI-AM đã nỗ lực nghiên cứu, làm việc với các đối tác trên thị trường để chuẩn bị cho sự ra đời của sản phẩm này. Đầu năm 2020, SSIAM đã chính thức được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quỹ hưu trí tự nguyện. Đây là tiền đề để Công ty đưa sản phẩm này ra thị trường khi điều kiện thị trường phù hợp.

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức

Năm 2020, SSIAM tiếp tục duy trì sự hợp tác chặt chẽ và ổn định với các khách hàng tổ chức, không chỉ là các công ty bảo hiểm lớn mà còn phát triển mối quan hệ với những khách hàng tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn. Tổng quy mô tài sản quản lý cho khách hàng tổ chức đạt 1.415 tỷ VNĐ, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. SSIAM cũng đang làm việc với một số khách hàng khác để triển khai các danh mục ủy thác mới trong năm 2021. Vì những thành quả đạt được trong mảng khách hàng bảo hiểm, SSIAM đã vinh dự được tạp chí Alpha South East Asia trao tặng giải thưởng "Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân" năm 2020.



Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 191 tỷ VNĐ tính đến cuối năm 2020, giảm 18% so với năm ngoái. Số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác đang có xu hướng tăng trong năm qua, do tâm lý lo sợ rủi ro từ Đại dịch Covid-19, khi có nhiều sự kiện kinh tế, chính trị trên thế giới diễn ra phức tạp, ảnh hưởng lên biến động của TTCK. Do mảng này chỉ chiếm 2,9% tổng tài sản SSIAM đang quản lý, nên ảnh hưởng lên doanh thu, lợi nhuận của Công ty không đáng kể. SSIAM tin rằng, dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đang trong trạng thái chờ những thông tin tích cực như: việc nâng hạng thị trường từ "cận biên" lên "thị trường mới nổi", các chính sách bảo vệ và hỗ trợ nhà đầu tư, giao dịch T+0, mở room nước ngoài cho các ngành nghề hạn chế… để quay trở lại trong thời gian tới.



Đầu tư

Trong năm 2020, thị trường có nhiều biến động do ảnh hưởng của các thông tin liên quan đến dịch bệnh Covid-19 cũng như các biến động của thị trường vĩ mô. Một mặt, SSI linh hoạt sử dụng các biện pháp phòng hộ rủi ro trên thị trường phái sinh để hạn chế rủi ro danh mục, mặt khác tận dụng cơ hội thị trường biến động để cơ cấu lại theo hướng tăng tính thanh khoản của danh mục và sử dụng các chiến lược giao dịch hợp lý gia tăng lợi nhuận. Hoạt động giải ngân bám sát biến động thị trường, các yếu tố kinh tế vi mô, vĩ mô cũng như tác động của dòng tiền từ khối ngoại và trong nước. Tự động hóa nhiều chiến thuật giao dịch cũng được áp dụng nhằm tăng độ chính xác, hiệu quả và giảm rủi ro con người.

Danh mục đầu tư cổ phiếu 2020 tập trung hơn vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, có tính thanh khoản và nền tảng tài chính vững chắc, ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Lợi nhuận danh mục đạt 19,7%, vượt trội so với VN- Index (14,9%). Đồng thời, nhờ sự tăng mạnh của thị trường sau Q3/2020, sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW) đã phát huy được ưu điểm đòn bẩy một cách vượt bậc, giúp nhà đầu tư tìm kiếm được công cụ đầu tư lợi nhuận cao. CW do SSI phát hành luôn nằm trong nhóm có thanh khoản và giá trị phát hành lớn nhất trên thị trường. Đặc biệt, SSI với tư cách là tổ chức phát hành chứng quyền cũng đã đạt được lợi nhuận tốt khi phòng ngừa rủi ro một cách hợp lý. Tới cuối năm 2020, danh mục phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đã lên tới tầm 500 tỷ VNĐ và trong đà tăng lên trong những tháng đầu năm 2021.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục giữ khoản đầu tư vào PAN *(công ty liên kết duy nhất hiện tại)* và duy trì việc cử người tham gia vào HĐQT và làm việc sâu sát cùng Ban Lãnh đạo Doanh nghiệp.

Tên và Địa chỉ Công ty	THE PAN GROUP Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (HOSE – PAN) Lô A1-9, Đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
Lĩnh vực kinh doanh	Nông nghiệp Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm)
Vốn điều lệ	2.163.585.800.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	20,05%
Kết quả kinh doanh 2020	Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2020 lần lượt đều vượt trội so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, trong đó doanh thu đạt 8,551 tỷ VNĐ và lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 186 tỷ VNĐ, vượt 23% so với kế hoạch
Thành viên (SSI) trong HĐQT/BKS	2 thành viên HĐQT

Bên cạnh đó, SSI nắm giữ 80% phần vốn góp vào Quỹ Đầu Tư Thành Viên SSI (SSI Investment Member Fund - SSIIMF). Quỹ SSIIMF nắm giữ 100% vốn của công ty con thành lập ở Mỹ là SSI International Corporation (SSIIC). Do vậy, với tư cách là thành viên nắm 80% vốn góp vào Quỹ SSIIMF, SSI có quyền biểu quyết gián tiếp 80% tại SSIIC. SSIIC là công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản tại Mỹ với tiêu chí tìm những tài sản đang định giá rẻ và có thể tạo thêm giá trị cho tài sản. Hết năm 2020 doanh thu của SSIIC đạt trên 9,3 tỷ VNĐ. Dịch bệnh COVID đã khiến cho giá trị các tài sản giảm, tuy nhiên với việc chính phủ đã có gói hỗ trợ 1.900 tỷ USD cũng đã giúp cho giá trị tài sản của Công ty tăng tốt hơn cuối năm 2020.

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

Công nghệ Thông tin

Trong năm 2020, Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI đã liên tục thực hiện cải tiến công nghệ và quy trình và đã đạt được một số kết quả then chốt như sau:

- Đạt được 99,8% tính khả dụng của các sản phẩm/dịch vụ do CNTT SSI cung cấp;
- Đạt 98% cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) đối với việc hỗ trợ dịch vụ CNTT;
- Thành công trong việc di dời Trung tâm dữ liệu chính sang Trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier 3 của UPTIME;
- Nâng cấp hạ tầng CNTT và hệ thống giao dịch để cải tiến năng lực xử lý của hệ thống, đáp ứng yêu cầu cũng như tăng trưởng về quy mô giao dịch cũng như số lượng khách hàng;
- Hạ tầng dịch vụ điện toán đám mây công cộng (public cloud) tăng trưởng đến 20% trong quý 4 năm 2020 là một minh chứng rằng SSI đã và đang tích cực sử dụng công nghệ điện toán đám mây để tận dụng sự linh hoạt, tốc độ triển khai, độ ổn định cũng như khả năng mở rộng hiệu năng xử lý cho các ứng dụng trọng yếu;
- Liên tục cập nhật công nghệ để phát hiện và cảnh báo các mối nguy hại (threats) liên quan tới bảo mật thông tin cũng như từng bước áp dụng khung an ninh mạng (cybersecurity framework) trong các hoạt động bảo mật;
- Nâng cấp hạ tầng CNTT và kênh truyền mạng diện rộng (WAN) giữa các chi nhánh/phòng giao dịch tới Hội sở tại HCM và Chi nhánh Hà Nội cũng như kết nối sang đối tác cũng như kết nối Internet đảm bảo yêu cầu về băng thông đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của dịch vụ cũng như dự phòng.



Cũng trong năm qua, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống giám sát và hệ thống quản lý log tập trung để từ đó giám sát và thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa sự cố cũng như tối ưu hiệu năng xử lý của các hệ thống phục vụ kinh doanh của chúng tôi một cách chủ động.

SSI hiểu rằng ngày nay công nghệ luôn luôn thay đổi và được cập nhật một cách liên tục. Vì vậy, mỗi cán bộ nhân viên Công nghệ Thông tin SSI đều phải nỗ lực nghiên cứu công nghệ mới nhất cũng như phương pháp luận để cải tiến ở tất cả các khía cạnh từ hạ tầng mạng và trung tâm dữ liệu, máy chủ và thiết bị lưu trữ, cơ sở dữ liệu, kiến trúc tổng thể của các hệ thống cũng như từng ứng dụng. Công ty hướng tới mô hình quản trị dịch vụ CNTT hiện đại mà ở đó đề cao tốc độ và sự linh hoạt. Ví dụ, các dự án tự động hóa quy trình không chỉ tập trung vào tự động hóa, mà còn hướng tới giảm các bước trong quy trình, và giảm thiểu thời gian thực hiện mỗi bước nhằm đạt được tốc độ phát triển nhanh nhất. Hiện nay, SSI đã sử dụng tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) trong một số lĩnh vực nhất định, đặc biệt là cải thiện báo cáo hợp nhất, xử lý dữ liệu, và giảm các thao tác thủ công.

Ngày nay công nghệ đối với một công ty chứng khoán không còn đóng vai trò hỗ trợ mà trở thành yếu tố then chốt đảm bảo thành công. Nhiệm vụ của Bộ phận Công nghệ Thông tin không chỉ là đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ thường kỳ, các yêu cầu hỗ trợ cũng như đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và cải tiến hiệu năng, mà cần chú trọng tới làm sao giảm thời gian phát triển sản phẩm/ dịch vụ để cung cấp cho khách hàng. SSI đã triển khai thành công mô hình tích hợp liên tục/ phát hành liên tục (continuous integration/ continuous delivery), kiểm thử tự động và tự động các bước triển khai các tính năng trong công đoạn phát triển cũng như vận hành, đảm bảo chất lượng cũng như các yêu cầu về bảo mật thông tin, và hướng tới mô hình phát triển phần mềm linh hoạt trong việc triển khai các sản phẩm/dịch vụ. Danh mục dịch vụ CNTT SSI đã hoàn thiện hơn và bao gồm đầy đủ các ứng dụng phục vụ giao dịch cũng như các ứng dụng phục vụ nội bộ.

Các nền tảng giao dịch trực tuyến và cổng thông tin SSI có một số lượng khá lớn người dùng thường xuyên. Hệ thống giao dịch đã và đang được cải tiến để phù hợp với tất cả các nhóm nhà đầu tư thông thường hay chuyên nghiệp. Các tính năng được cập nhật hàng tháng, và khách hàng có thể sử dụng dịch vụ trên nhiều kênh khác nhau như web, ứng dụng điện thoại (ios hoặc android).

Hướng tới năm 2021, CNTT SSI đã sẵn sàng với các thử thách mới, đặc biệt là việc tích hợp với hệ thống giao dịch mới KRX của Sở GDCK Việt Nam. Công ty tiến hành nghiên cứu và cải tiến hệ thống hiện tại để có thể đáp ứng được các dịch vụ trong tương lai ví dụ như giao dịch trong này (day-trading), bán khống (short-shelling) hay thậm chí là giao dịch có độ trễ thấp (low latency trading). SSI cũng đang cải tiến các hệ thống giao dịch lõi của mình để sẵn sàng cho các dịch vụ mới sao cho đáp ứng yêu cầu cũng như cung cấp trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.



Quản trị Nguồn nhân lực

SSI luôn tin rằng, bằng cách tối đa hóa động lực của mỗi nhân viên, Công ty có thể tăng mức độ hài lòng của Khách hàng và liên tục nâng cao giá trị mang lại cho Cổ đông. SSI đã thực hiện nhiều biện pháp để có thể đảm bảo rằng mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi trong mình động lực tiếp tục phát triển hơn nữa cùng Công ty. Trong suốt hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng được và đang tiếp tục nuôi dưỡng Văn hóa SSI – một tinh thần đặc trưng của SSI – tinh thần đề cao sự đoàn kết, tính hợp tác và sức sáng tạo để chinh phục mọi khó khăn, thử thách.

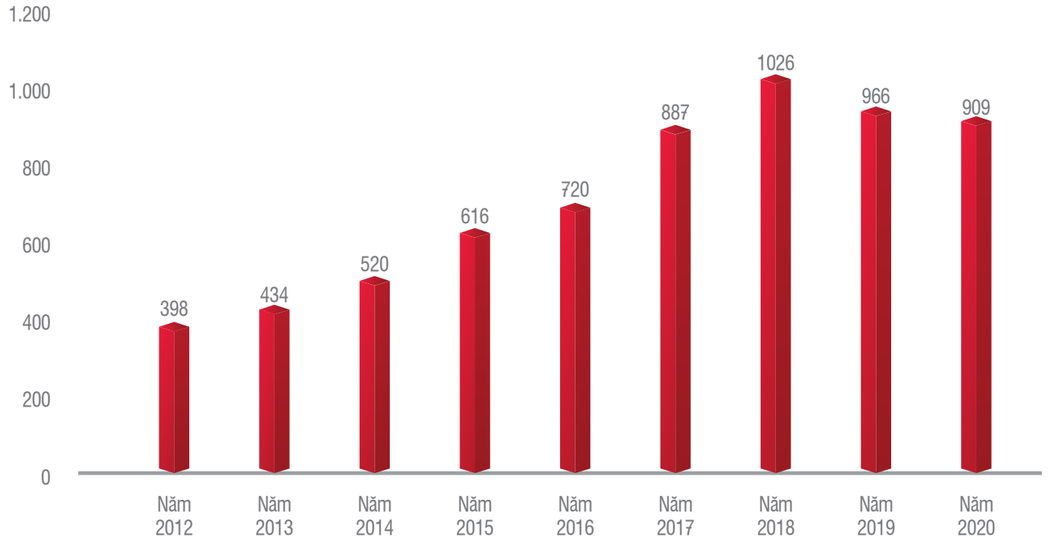
Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng được một nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với những biến đổi liên tục của môi trường cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân trong Công ty được bồi dưỡng, tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, kết hợp giữa những kiến thức được trang bị ở quốc tế với kinh nghiệm lâu năm tại Việt Nam. SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải sự tự hào và quyền sở hữu trong Công ty.

Cơ cấu nguồn nhân lực

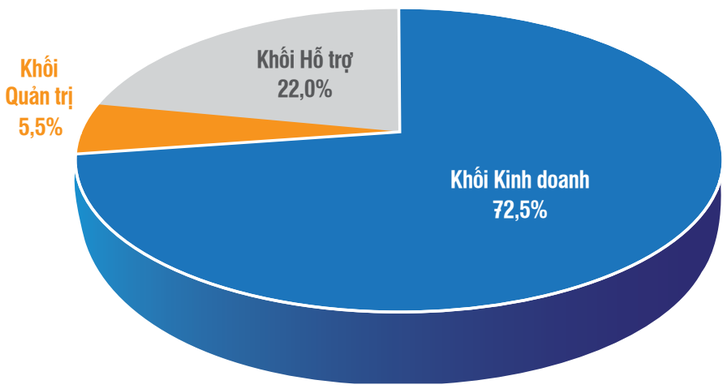
Tính đến hết tháng 12/2020, số lượng nhân sự SSI đạt 909 người, các Khối Kinh doanh chiếm 72,5% toàn nguồn lực SSI. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên địa học chiếm tỷ lệ rất cao – 97,9%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động SSI ngày càng được trẻ hóa (88,3% nhân sự có độ tuổi dưới 40), được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát để tích lũy thêm kinh nghiệm. Đội ngũ SSI không ngừng cập nhật các kiến thức, thông tin mới để tạo nền tảng vững chắc giúp Công ty mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho Khách hàng.

Số lượng nhân sự SSI qua các năm

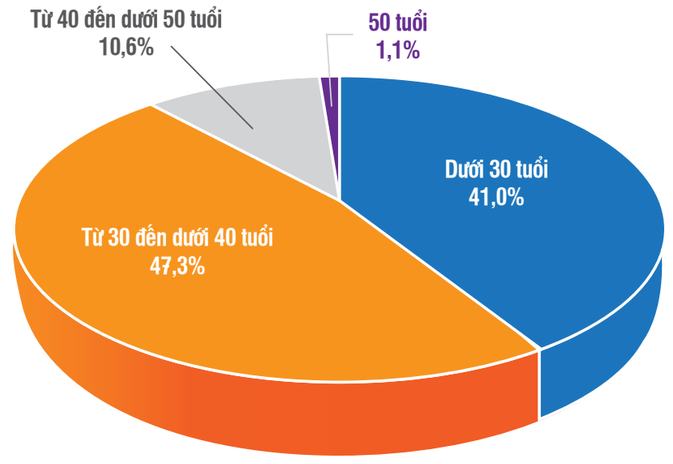


Nguồn: SSI

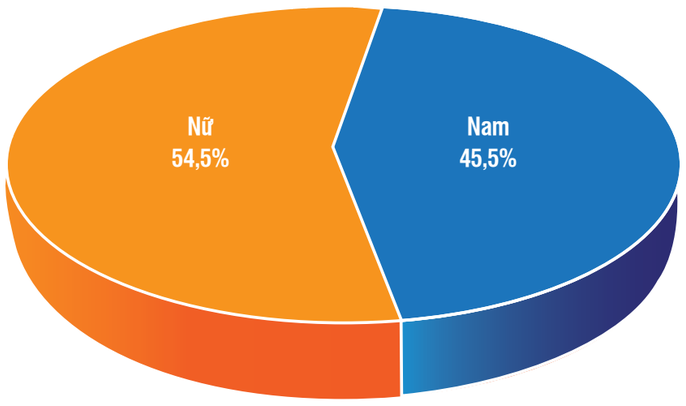
Cơ cấu nhân sự năm 2020



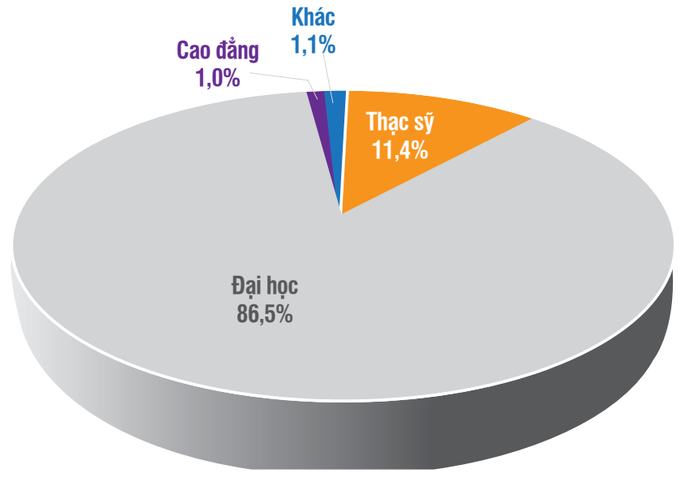
Theo Khối Nghiệp vụ



Theo độ tuổi



Theo giới tính



Theo trình độ học vấn

Nguồn: SSI

Hoạt động tuyển chọn nhân tài



SSI luôn tự xác định mình như một "cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài". Xuyên suốt hành trình xây dựng và phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng và luôn hướng sự tuyển chọn đội ngũ là các ứng viên tiềm năng, tài năng, các chuyên gia đầu ngành nhiệt huyết, giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thách thức mới. Công ty tin tưởng rằng, bằng việc tăng cường các nhân sự mới với nền tảng kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng các nhân sự trưởng thành từ SSI trong nhiều năm sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của Công ty từng thời kỳ.

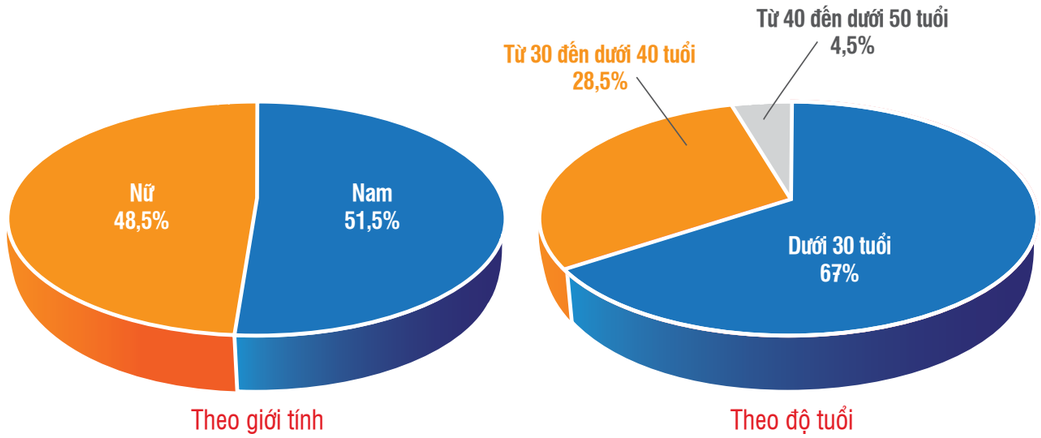
Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường, tới những ứng viên đã có kinh nghiệm trên thị trường tài chính. SSI sẵn sàng đào tạo và tạo điều kiện thử sức, khuyến khích sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong tập thể. Bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng được xây dựng và áp dụng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên, cũng như tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Cụ thể:

- Tôn trọng tối đa những quyền lợi của ứng viên tuyển dụng (về việc tiếp cận thông tin, yêu cầu, mô tả công việc, trao đổi và đàm phán);
- Chọn lựa những ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng;
- Các quyết định tuyển dụng đều dựa trên sự đánh giá cẩn trọng, công tâm và rõ ràng về khả năng, thái độ trong công việc và những động lực của ứng viên.

Năm 2020, sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 đã khiến nền kinh tế của các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải hạn chế các hoạt động tuyển dụng, người lao động phải đối mặt với nguy cơ giảm giờ làm, giảm lương hoặc xấu hơn là mất việc. Đối với SSI, đây lại là cơ hội tốt để tìm kiếm và chiêu mộ những nhân sự tốt trên thị trường lao động. Vì vậy, các hoạt động tuyển dụng được thực hiện kịp thời để kết nối, giữ mối liên hệ với ứng viên tiềm năng, chọn thời gian phù hợp để tiếp nhận nhân sự mới nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động và an toàn cho SSI. Trong các giai đoạn cao điểm của dịch bệnh, 100% các cuộc phỏng vấn đều được thực hiện trực tuyến, đồng thời Công ty tích cực và chủ động chia sẻ cách thức chuẩn bị và các điểm cần lưu ý để ứng viên có buổi phỏng vấn từ xa thành công và hiệu quả. Các hoạt động tuyển chọn tuy được thực hiện từ xa nhưng luôn được tuân thủ đúng theo quy trình tuyển dụng SSI đã ban hành nhằm đảm bảo các tiêu chí minh bạch, công bằng và hiệu quả cho cả 2 phía Công ty và ứng viên. SSI cũng hoàn thiện và phát triển các kênh ứng tuyển trực tuyến để ứng viên có thể kết nối và ứng tuyển dù ở bất cứ đâu. Hoạt động tuyển dụng năm 2020 đã thực sự thực hiện tốt vai trò của mình để đảm bảo nguồn lực cho giai đoạn phát triển mới, đáp ứng nhu cầu của các bộ phận.

SSI đã chào đón 200 thành viên mới trên toàn hệ thống năm 2020 để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển Công ty, với độ tuổi chủ yếu dưới 40 tuổi và có sự phân bổ tương đối hợp lý giữa giới tính của ứng viên.

Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2020



Nguồn: SSI

Khi Việt Nam quay trở lại trạng thái "bình thường mới", Công ty tiếp tục triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên với các trường đại học lớn trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam, các cộng đồng du học sinh quốc tế từ các nước phát triển như Anh, Mỹ, Úc v.v…theo định hướng thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo. Các chương trình hợp tác, tài trợ nổi bật trong 2020 có thể kể đến như: Chương trình thực tập sinh cho các sinh viên Học viện John Von Neumann (JVN); Hội thảo nghề nghiệp với các trường RMIT, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; tham gia tài trợ và bảo trợ chuyên môn cho nhiều cuộc thi của sinh viên như "Bản lĩnh Nhà đầu tư" của Học viện Ngân hàng, "I-Invest" của Đại học Ngoại Thương, "Đấu trường Tài chính" của Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Giải đấu Nhà đầu tư sinh viên "Student Traders League 2020" của Khoa Quốc tế Đại học Quốc Gia Hà Nội v.v…; các hoạt động Phỏng vấn tuyển chọn ứng viên tiềm năng SEO Vietnam Careers Program; tọa đàm định hướng nghề nghiệp "Connect the Dots" với Du học sinh Anh thông qua Hội sinh viên Việt Nam tại Vương quốc Anh và Bắc Ireland (SV UK) Hà Nội; đồng thời thúc đẩy các hoạt động hợp tác chiến lược với nhà trường thông qua các dự án nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ chuyên môn.

Phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tốt

Trong lĩnh vực hoạt động, SSI luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ, sự biến động của kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Xác định rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh cho SSI, chúng tôi tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kĩ năng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.

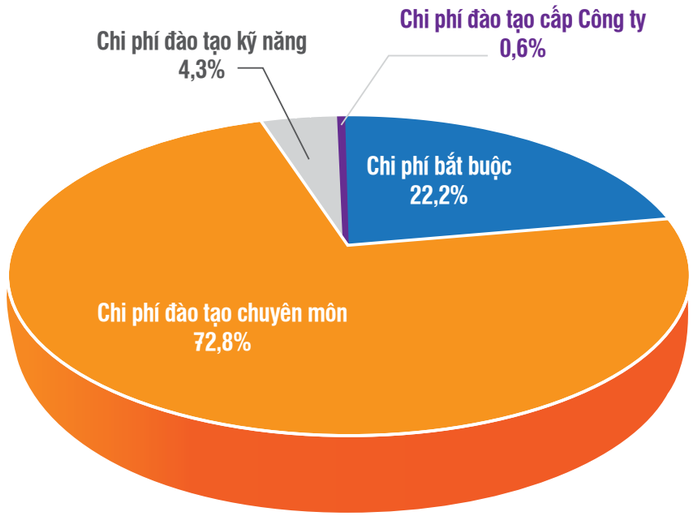
Năm 2020 khi các quy định hạn chế đi lại, tránh tụ tập đông người để phòng, chống Đại dịch Covid-19 được áp dụng, hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning đã phát huy tối đa hiệu quả khi là công cụ học tập thuận tiện mọi lúc, mọi nơi dành cho nhân viên, thiết lập môi trường giúp mỗi cá nhân "tự học tập, tự nghiên cứu" và có thêm phương thức học tập mới linh hoạt hơn về thời gian, địa điểm và các tương tác trong quá trình học, cập nhật nhanh hơn các yêu cầu từ tổ chức. Ngay từ đầu năm, các khóa

đào tạo nội bộ SSI đã được thực hiện trên hệ thống E-learning như đào tạo hội nhập, đào tạo kiến thức chung về quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, ứng xử mạng xã hội v.v... với hàng ngàn lượt tham gia học tập trong giai đoạn cao điểm dịch và 13 bài giảng e-learning được xây mới, trong đó 83% học viên chủ động học tập và hoàn thành bài học đã đăng ký. SSI E-learning đã trở thành kênh chia sẻ, trao đổi về chuyên môn, kỹ năng giữa các học viên, giảng viên thuận tiện và nhanh chóng. Song song với đó, các kế hoạch đào tạo chuyên môn sử dụng các đối tác bên ngoài của Công ty cũng đã được phối hợp để thu xếp lịch học và hình thức học tập phù hợp nhằm thích ứng với tình hình thực tế, và vẫn đảm bảo nhu cầu đào tạo của nhân viên. Bộ phận Nhân sự SSI chủ động cùng đối tác thiết kế tài liệu ôn tập kiến thức dưới định dạng infographic và gửi tới học viên trong giai đoạn chống dịch để học viên có thể ôn lại nội dung bài học, chuẩn bị cho khóa học tiếp theo, đặc biệt là chuỗi các lớp đào tạo về kỹ năng lãnh đạo mà Công ty đang tổ chức. Các hoạt động đào tạo nội bộ, hội thảo nghiệp vụ được các đơn vị chuyển đổi kịp thời từ trực tiếp sang trực tuyến qua công cụ Microsoft Teams, Cisco meetings v.v… để đảm bảo các kiến thức nghiệp vụ cập nhật thường xuyên tới mỗi nhân viên SSI.

Công tác đào tạo nội bộ cũng đóng vai trò quan trọng trong nhịp chuyển giao và kết nối giữa các nền tảng kiến thức chuyên môn học thuật và kinh nghiệm quản trị vận hành doanh nghiệp thực tế qua các thế hệ. Các chương trình đào tạo nội bộ trong các khối nghiệp vụ trên toàn hệ thống được triển khai thường niên thông qua các buổi đào tạo chuyên môn, hội thảo chuyên đề, trao đổi ý kiến, được đón nhận tích cực. Đội ngũ đào tạo nội bộ được tổ chức và đầu tư bài bản thông qua các khóa học “Đào tạo giảng viên chuyên nghiệp” (Train the trainer) và các hoạt động cập nhật chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm thường xuyên cùng với chính sách riêng dành cho giảng viên nội bộ đã thực sự phát huy tác dụng. Đội ngũ giảng viên nội bộ từng bước nâng cao năng lực đào tạo và đã tổ chức được những khóa học hữu ích, sát thực tế.

Công ty đã dành trên 2,8 tỷ VNĐ ngân sách cho các hoạt động đào tạo năm 2020, với số giờ đào tạo trung bình/1 nhân viên đạt 14 giờ, tương đương chi phí 3 triệu VNĐ/ nhân viên.

Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2020



Nguồn: SSI



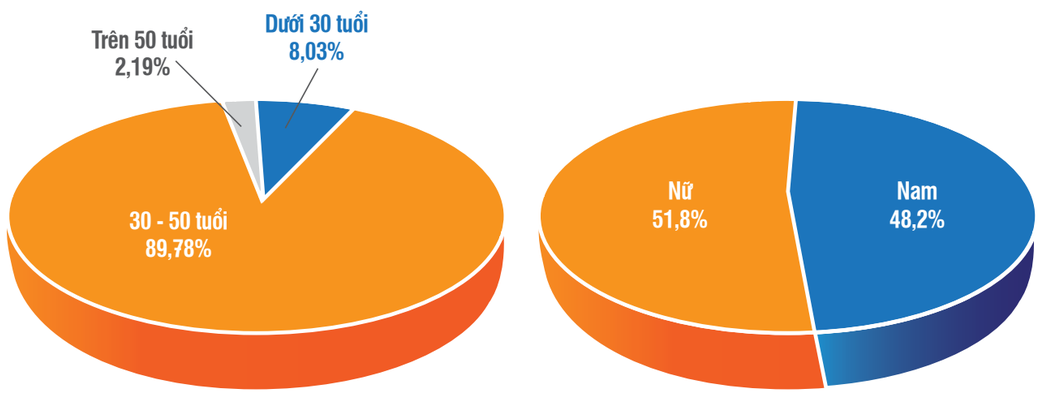
Đào tạo nhân tài và bồi dưỡng thế hệ kế cận

SSI dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác tìm kiếm và phát triển các nhân sự tiềm năng nhằm phát triển và quy hoạch nguồn lực đáp ứng kế hoạch ngắn hạn và các chiến lược dài hạn của tổ chức.

Các nhân sự được bổ nhiệm sẽ tham gia các lớp đào tạo kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung kiến thức, công cụ hỗ trợ cho công việc, bao gồm các lớp kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh, đồng thời việc đồng hành và đào tạo trực tiếp qua công việc cũng được thực hiện thường xuyên giúp Cán bộ được bổ nhiệm có điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tiếp tục phát triển lộ trình nghề nghiệp cá nhân.

Trong năm 2020, số lượng quản lý cấp trung (các vị trí Trưởng phòng trở lên) của Công ty là 137 người, chiếm 15,4% tổng số lượng nhân sự, tỷ trọng lớn thuộc về nhóm từ 30 – 50 tuổi (89,78%). Trong đó, số lượng lãnh đạo nữ chiếm 51,82%.

Cơ cấu lãnh đạo Công ty



Nguồn: SSI

Nâng cao đời sống người lao động thông qua hệ thống đãi ngộ toàn diện căn cứ trên hiệu quả công việc

Lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh và quản trị, SSI vận hành hệ thống các chính sách xoay quanh hiệu quả chung của tổ chức. Các chính sách đãi ngộ - phúc lợi của cá nhân, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của bản thân trong tương quan hiệu quả chung của bộ phận và của Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền.

SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng;
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.



Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) được áp dụng đảm bảo sự công bằng và dễ tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tới tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên. Điều này tăng cường các kỹ năng quản lý công việc, quản lý đội nhóm, quản lý thời gian và mục tiêu của mỗi cá nhân và cũng nâng cao hiệu quả chung của cả tổ chức. Với hệ thống đánh giá toàn diện và tính tương tác cao này, Công ty cũng hướng tới thúc đẩy động viên nhân viên, cho dù đó là nhân viên mới gia nhập tổ chức, nhân viên đã có thâm niên lâu năm hay các cấp quản lý, để mỗi người tự đo lường được hiệu quả công việc và tiếp tục phấn đấu chinh phục các mục tiêu cao hơn trong sự nghiệp.



Chu trình Đánh Giá Hiệu Quả Công việc bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng

Mục đích của Chương trình Đánh giá Hiệu Quả Công việc

Chế độ đãi ngộ

- Xác định những vị trí được thăng tiến
- Xác định chế độ đãi ngộ
- Khích lệ nhân viên có kết quả công việc xuất sắc

Phát triển tổ chức

- Hướng dẫn nhân viên có kết quả công việc chưa tốt
- Xác định mục tiêu và kết quả hoàn thành mục tiêu đề ra
- Xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên và của công ty
- Nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn công ty

SSI duy trì hệ thống đãi ngộ - phúc lợi toàn diện, hấp dẫn với hình ảnh biểu trưng 365 ngày phúc lợi dành cho người lao động.

365 ngày phúc lợi

Cơ cấu thu nhập của nhân viên SSI

1. Tiền lương

- Lương cơ bản/ Lương cố định hàng tháng
- Lương tháng thứ 13
- Lương theo hiệu quả làm việc/ Lương doanh số

2. Các chế độ đãi ngộ khác

- Thưởng Đánh giá công việc
- Phúc lợi các dịp lễ tết trong năm
- Thưởng thâm niên
- Các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục
- Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm Xã hội bắt buộc: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Thực hiện Khám sức khỏe định kỳ
- Bảo hiểm sức khỏe cao cấp, đồng thời hỗ trợ thêm nhân viên qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân
- Bảo hiểm du lịch đối với các đối tượng thường xuyên đi công tác nước ngoài

Năm 2020, Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng đã ngay lập tức tác động tiêu cực tới tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, và SSI không phải là ngoại lệ. Trong quý đầu năm 2020, Công ty đã ghi nhận nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh khi tác động của dịch bệnh đã gây ảnh hưởng tới hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi; điều này đòi hỏi Công ty cần kiểm soát chặt và giảm bớt chi phí vận hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, với nguyên tắc luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất, Công ty không thực hiện thay đổi hay cắt giảm thu nhập của người lao động trong thời gian dịch bệnh. Chính sách thu nhập của nhân viên luôn được duy trì và giữ nguyên trong thời gian qua khi 100% nhân viên được đảm bảo mức như khi dịch bệnh chưa xảy ra.

Kết thúc năm, SSI đã thực hiện chi trả hơn 498,64 tỷ VNĐ cho cán bộ nhân viên, cao hơn 16,7% so với năm 2019, trong đó hạng mục chi thưởng và phúc lợi chiếm 48,3% tổng các đãi ngộ chi trả.

Hạng mục đãi ngộ chi trả	Năm 2019		Năm 2020	
	Số tuyệt đối (VNĐ)	Tỷ trọng	Số tuyệt đối (VNĐ)	Tỷ trọng
Lương	198.579.697.992	46,5%	230.963.216.534	46,3%
Bảo hiểm	24.969.686.441	5,8%	26.648.134.025	5,3%
Thưởng hiệu quả công việc	157.514.667.301	36,9%	187.749.962.281	37,7%
Phúc lợi khác	46.109.323.845	10,8%	53.279.427.083	10,7%
Tổng đãi ngộ chi trả	**427.173.375.580**	**100%**	**498.640.739.923**	**100,0%**

Chính sách chăm sóc sức khỏe toàn diện và đảm bảo môi trường làm việc an toàn

Sức khỏe của các cán bộ, nhân viên SSI luôn được đặt lên hàng đầu. Ngay từ đầu mùa dịch, Công ty đã làm việc cùng đơn vị Tư vấn bảo hiểm để rà soát lại quyền lợi của nhân viên và người thân theo chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung trong trường hợp rủi ro. Ngoài ảo hiểm Y tế bắt buộc của nhà nước, các thành viên SSI và người thân yên tâm hơn khi chương trình bảo hiểm bổ sung hiện tại mình đang tham gia có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến dịch bệnh mà Covid-19 không là ngoại lệ. Đây là điểm vượt trội hơn so với các gói bảo hiểm khác trên thị trường, thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe người lao động và mức độ cẩn trọng trong công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty.

Chung sức cùng cộng đồng phòng chống dịch, SSI ngay từ những ngày đầu đã cung cấp nước rửa tay kháng khuẩn, khẩu trang y tế tới nhân viên, khách hàng khi đến Công ty làm việc. Định kỳ theo tuần, các văn phòng được phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Máy lọc không khí được trang bị tại từng góc của văn phòng như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho mọi người. Những hướng dẫn cơ bản cho việc tự bảo vệ bản thân và những người xung quanh được truyền tải đến các thành viên thông qua hệ thống email, diễn dàn SSI và kênh truyền thông nội bộ để tăng cường hiểu biết và trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Bên cạnh chế độ bảo hiểm toàn diện, khi Đại dịch Covid – 19 được nhận diện vào tháng 1 năm 2020, SSI đã sẵn sàng kích hoạt các phương án phòng ngừa rủi ro, trong đó có rủi ro về mặt con người, để đảm bảo việc kinh doanh không bị gián đoạn. Công ty kịp thời triển khai hàng loạt phương án làm việc để đảm bảo sự an toàn cho người lao động, đảm bảo đời sống nhân viên và tối ưu hóa hiệu suất làm việc của mỗi cá nhân.

Tùy theo đặc thù công việc của mỗi đơn vị, từng bộ phận có phương án bố trí nhân sự làm việc tại nhà và tại văn phòng đảm bảo cơ chế “back-up” nội bộ. Việc duy trì số lượng nhân sự làm việc tối thiểu tại văn phòng (từ 0%-20% nhân viên làm việc tại văn phòng) nhằm bảo đảm sự an toàn cho sức khỏe của người lao động, tuân thủ tối đa quy định giãn cách xã hội của Nhà nước như một phần trách nhiệm cộng đồng SSI luôn hướng tới. Đồng thời, mô hình làm việc trên đã thể hiện được rõ tinh thần hợp tác, tương hỗ như một nét văn hóa của người SSI khi công việc được diễn ra suôn sẻ. Các thành viên đã ghi nhận sự hỗ trợ không chỉ trong cùng một bộ phận mà còn là sự hỗ trợ chéo giữa các bộ phận khác nhau trong thời gian giãn cách.

Cũng với mục tiêu sự an toàn của nhân viên là ưu tiên cao nhất trong giai đoạn cao điểm phòng, chống Đại dịch Covid-19, SSI nhanh chóng ban hành chính sách nghỉ có hưởng lương theo đăng ký tự nguyện của nhân viên. Cụ thể, trong trường hợp bộ phận và cấp quản lý có thể thu xếp, một số thành viên trong công ty có thể đăng ký nghỉ và hưởng nguyên lương trong vòng tối đa 01 tháng. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích các thành viên sử dụng ngày nghỉ có hưởng lương sẵn có trong thời gian này đối với những nhu cầu nghỉ ngắn hơn.

SSI cũng đẩy mạnh thông tin truyền thông để nhân viên dễ dàng tiếp cận và có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tự theo dõi và đánh giá các dấu hiệu nhiễm virus, thông báo tới bộ phận Nhân sự những dấu hiệu bất thường về sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình để có biện pháp phù hợp và lấy ý kiến tư vấn của đơn vị y tế chuyên môn. Đồng thời, Công ty đã chủ động hạn chế các hoạt động công tác, di chuyển nội bộ ngay từ đầu mùa dịch để đảm bảo an toàn cho người lao động.

Bước qua Đại dịch Covid-19, SSI đã thành công trong việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục cũng như gặt hái được kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng; song song với đó, Công ty cũng giữ vững chính sách đãi ngộ toàn diện với người lao động, bảo đảm an toàn sức khỏe cho các cán bộ, nhân viên, giữ được sự ổn định cho cuộc sống của mỗi thành viên và gia đình. Các hoạt động tuyển dụng, đào tạo – phát triển không hề bị đình trệ mà còn được đẩy mạnh hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng của các Bộ phận. Bên cạnh lợi ích về tài chính, điều mà SSI chú trọng chính là sự đồng hành, sẻ chia và hỗ trợ từng cán bộ, nhân viên trên mọi mặt của cuộc sống. Các chính sách và hoạt động trong năm 2020 vừa qua càng củng cố hơn nét đặc trưng trong văn hóa doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người lao động, từ đó làm gia tăng sự đoàn kết chung, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc của mỗi người SSI, tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI.

Văn hóa Doanh nghiệp

Trải qua 21 năm hoạt động, SSI luôn tự hào về văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của Công ty bên cạnh những thành tựu đã được ghi nhận từ các báo cáo, thống kê và giải thưởng. Song hành với quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp, Văn hóa SSI với những giá trí cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, phương thức kinh doanh và hành vi, thái độ của mọi nhân viên chính là "phần hồn" mang đậm tính bản sắc. Nét văn hóa rất riêng ấy đã ăn sâu vào mỗi cá nhân người SSI, xây đắp cho họ sự hiểu biết, tình yêu và lòng tự hào đối với Công ty, từ đó xây dựng sức mạnh tập thể và là cầu nối để gắn kết từng cá nhân riêng lẻ để tạo thành một đại gia đình vững mạnh.



Đặc biệt, trong những giai đoạn khó khăn nhất, văn hóa doanh nghiệp chính là một trong những yếu tố quan trọng để giúp người SSI thể hiện được hết các phẩm chất của mình, vượt qua những thách thức và đạt được những thành tựu mới.

Những nét riêng mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện rõ nét không chỉ ở **"9 tôn chỉ kinh doanh"** mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty SSI.

9 tôn chỉ kinh doanh luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI

Ở SSI, 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là giá trị cốt lõi của Công ty, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh tư vấn, văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với Khách hàng, và văn hóa ứng xử ra Cộng đồng và Xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng.
2. Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính.
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự.
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện.
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa công ty.
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam.
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng.

Cùng với Tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"** và Sứ mệnh **"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư"**, những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế, trách nhiệm và giá trị của mình và tập thể. Tình yêu đối với Công ty, sự tự hào với những giá trị và thành quả của Công ty trong suốt hành trình 21 năm vinh quang lan tỏa là những giá trị được truyền tải tới Nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ online và offline. Bên cạnh đó, những giá trị cốt lõi luôn được đặt tại những vị trí trang trọng, dễ thấy trong các phòng làm việc để người SSI có thể thấm nhuần hơn mỗi ngày. Và đây cũng chính là di sản và động lực để trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian và từ đó dù ở bất cứ vai trò hay vị trí nào, mỗi cá nhân luôn tự hào là người SSI.

Minh bạch, thống nhất và lắng nghe trong hoạt động truyền thông nội bộ là yếu tố quan trọng trong sự thành công của việc hình thành và phát triển văn hóa của SSI

Trên chặng đường đã qua, SSI tập trung phát triển môi trường làm việc cởi mở, củng cố tinh thần đoàn kết, hợp tác, sáng tạo và tiên phong chinh phục mọi khó khăn thử thách. Sự truyền tải thông suốt và thống nhất trong nội bộ doanh nghiệp đã lan tỏa những nét văn hóa riêng đến từng cá nhân, giúp gắn kết các tài năng, truyền tải sự tự hào và tạo nên sức mạnh tập thể. Ngay từ ngày đầu thành lập, Ban Lãnh đạo chủ trương xây dựng một SSI với sự minh bạch được đặt lên ưu tiên hàng đầu. Minh bạch trở thành nét văn hóa đặc trưng, được củng cố, truyền tải và gìn giữ qua các cấp, các thế hệ của Công ty. SSI luôn đề cao tính tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp, tạo cơ sở để bảo vệ Nhân viên khỏi các rủi ro trong các hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với đó là sự cam kết về việc trao quyền cho đội ngũ và tạo ra môi trường làm việc cởi mở chính là điều làm cho SSI luôn là môi trường làm việc lý tưởng mà cán bộ nhân viên SSI lựa chọn gắn bó.

Là một công ty với quy mô nhân sự gần 1000 người và trải rộng tại nhiều tỉnh thành khắp cả nước, từ nhiều năm qua, việc xây dựng, duy trì hệ thống các kênh truyền tải thông tin nội bộ liên tục được SSI đầu tư và cải tiến để ngày càng hoàn thiện. SSI tin tưởng rằng một cơ chế trao đổi thông tin thông suốt từ Ban Lãnh đạo tới Nhân viên Công ty sẽ càng làm mạnh mẽ hơn sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên. Những chiến lược kinh doanh, kế hoạch hay mục tiêu kinh doanh đều được chia sẻ trong nội bộ thông qua những thông điệp từ Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc, giúp từng nhân viên hiểu rõ và thống nhất quan điểm hoạt động của Công ty. Không chỉ là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ lãnh đạo tới các thành viên trong Công ty, Truyền thông Nội bộ còn là tiếng nói chung của người SSI, là kênh liên lạc, kết nối giữa các thành viên. Với sứ mệnh quan trọng như vậy, Truyền thông Nội bộ được xem như là nhịp dẫn không chỉ tạo dựng sự đoàn kết trong nội bộ mà còn là chất kết dính để giữ cho Văn hóa SSI được lan tỏa và phát triển.





Hàng năm, SSI luôn đưa ra một thông điệp chung để tất cả cán bộ, nhân viên có thể có cùng một cái nhìn, một đích đến và cùng nỗ lực để đem lại kết quả tốt nhất. Cho năm 2020 với thông điệp Đậm dấu ấn – Vững tương lai với hình ảnh chủ đạo là những vòng tròn lan tỏa và dấu vân tay – bản ngã của SSI ở giữa đại diện cho bản sắc SSI luôn tỏa sáng trong sự vận động kiến tạo của năm bản lề, năm 2020 – năm thứ 20 của thị trường chứng khoán Việt Nam và của SSI. Câu chuyện của một năm với nhiều định hướng đổi mới, phát triển trong các hoạt động và luôn khẳng định vị thế dẫn đầu của SSI được truyền tải thông qua hệ thống truyền Bản tin nội bộ và Diễn đàn nội bộ SSI một cách xuyên suốt.

Bản tin nội bộ là một trong các kênh truyền thông quan trọng đã được SSI duy trì từ năm 2012 đến nay. Qua 9 năm, cứ mỗi 2 tuần/ số, Bản tin nội bộ là bữa ăn tinh thần cho người SSI khi được thiết kế chỉn chu, ấn tượng; nội dung phong phú, đa dạng; hình thức thể hiện được thay đổi, sáng tạo qua tuần số và gửi qua hệ thống email đến từng thành viên. Ngoài việc cập nhật nhanh chóng, chính xác các tin tức nội bộ; các thông báo quan trọng; các thông tin, nhận định về SSI và thị trường; bản tin còn chú trọng đến các nội dung như các kỹ năng nềm, các công cụ, tiện ích, và đặc biệt là các tin tức bổ ích về sức khỏe, giải trí, giúp người lao động tìm được sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Bản tin nội bộ cũng là kênh để giúp quảng bá các sản phẩm mới của các bộ phận kinh doanh trong Công ty, đồng thời cũng là kênh để tôn vinh, ghi nhận những đóng góp, cống hiến những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong mỗi giai đoạn. Đây có thể xem là kênh phát ngôn chính thống nhất của các hoạt động truyền thông nội bộ.



Song song với việc tiếp nhận thông tin qua Bản tin nội bộ, người SSI còn có thể tương tác với nhau qua **Diễn đàn nội bộ SSI Insider**. Ngoài cập nhật những thông tin, sự kiện mới nhất, đây còn là kênh để các thành viên chia sẻ những trải nghiệm cuộc sống, những niềm vui, tiếng cười và cả những nỗi buồn. Những hoạt động kêu gọi thiện nguyện, các bài hướng dẫn rèn luyện và giữ gìn sức khỏe hay những minigame vui nhộn là những chủ đề được người SSI tham gia hết sức sôi nổi sau những giờ làm việc căng thẳng. Đây cũng là kênh để Ban Lãnh đạo Công ty có thể lắng nghe và tương tác hai chiều với Nhân viên bên cạnh những hoạt động mang tính truyền thống, bản sắc của SSI như khảo sát, trưng cầu ý kiến hay bình chọn trực tuyến trước những hoạt động quan trọng của Công ty; từ đó có cơ sở để đưa ra những chiến lược phù hợp đồng thời ngày càng hoàn thiện chất lượng môi trường làm việc.

Hoạt động Truyền thông Nội bộ trong năm 2020 cũng có nhiều điểm sáng. Là một năm với nhiều sự thay đổi về phương thức làm việc, môi trường làm việc do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, Truyền thông Nội bộ đã có sự linh hoạt trong việc cung cấp thông tin và chiếm vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự tin tưởng của Nhân viên, truyền lửa và giữ vững tinh thần làm việc của người SSI trong những giai đoạn khó khăn nhất. Với tần suất đăng tải thông tin liên tục, kịp thời và đầy đủ cùng phương thức thể hiện trực quan, dễ tiếp thu, đây là một trong những yếu tố giúp người SSI bình tĩnh, giữ vững nhịp độ lao động ngay cả khi lần đầu tiên áp dụng chính sách làm việc mới như làm việc luân phiên tại nhà. Không chỉ vậy, hòa cùng với sự kiện SSI được vinh dự đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước trao tặng, chuỗi các hoạt động nội bộ song hành cũng giúp người SSI nhìn lại chặng hành trình đã qua, thể hiện tình yêu với Công ty, với đồng nghiệp, và sự tự hào thông qua các hoạt động minigame gắn kết vô cùng sôi động và ý nghĩa. Có thể nói sự đầu tư cho nền tảng Truyền thông Nội bộ trong nhiều năm qua đã thực sự thể hiện được vai trò và vị thế của mình trong bối cảnh bình thường mới, khi các thành viên và Công ty ít có điều kiện tương tác trực tiếp mà chủ yếu duy trì sự gắn kết qua các kênh này.

Không chỉ cùng nhau theo đuổi ước mơ đưa SSI mãi mãi trường tồn phát triển, thông qua các kênh nội bộ, mỗi người SSI còn nhìn thấy được giá trị và sứ mệnh của mình: không phải chỉ mang lại thành công cho cá nhân, Công ty, mà trách nhiệm của người SSI còn là lan tỏa thành công và những giá trị tốt đẹp cho Khách hàng, Cổ đông và Cộng đồng để **"Không biến anh hùng thành quên lãng, mà sẽ biến anh hùng thành huyền thoại"**.

Nuôi dưỡng và phát triển tinh thần văn hóa mang tính rất riêng của SSI

Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự vững vàng về chuyên môn, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc, quyết liệt trước những khó khăn, thay đổi mà còn mang trong mình tinh thần làm hết sức, chơi hết mình – một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

Nếu như mọi năm, các sự kiện như Gala – sự kiện thường niên lớn nhất trong năm hay Family Day – Ngày hội Gia đình dành cho Nhân viên và người thân luôn được đầu tư khi tổ chức thì năm 2020, dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, để đảm bảo cho sức khỏe của Cán bộ nhân viên Công ty, những chương trình này không thể diễn ra. Mặc dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo mang đến cho Nhân viên những hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp bằng cách thích ứng và thay đổi linh hoạt và chuyển đổi sang hình thức online. Điển hình như Lễ vinh danh khối Dịch vụ chứng khoán được chuyển hẳn sang hình thức trực truyền thay vì tổ chức theo hình thức truyền thống. Gửi thư điện tử vinh danh, đăng tải thông tin trên các bản tin online ở từng địa điểm, trao tặng bằng khen và thưởng trực tiếp đến từng cá nhân, đăng tải về hành trình và những thành tựu và cống hiến của những cá nhân tiêu biểu. Thông qua các hoạt động này, cũng lan tỏa về tinh thần chia sẻ, học hỏi trong Nhân viên. Những hoạt động này khẳng định một điều rằng, dù trong hoàn cảnh khó khăn, SSI luôn ý thức nhấn mạnh tài sản lớn nhất của SSI là con người và chúng tôi luôn khuyến khích sự phấn đấu, phát triển bản thân hơn nữa của mỗi thành viên.





Linh hoạt, đoàn kết và luôn sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn là những cụm từ khóa được nhắc đến nhiều nhất năm 2020. Dù gặp nhiều hạn chế, tuy nhiên các hoạt động thể chất của SSI vẫn được duy trì thông qua các hoạt động ngoài giờ. Câu lạc bộ Yoga, Bóng đá và Chạy bộ - SSI Runner dù gặp nhiều gián đoạn do điều kiện khách quan nhưng vẫn thu hút được số lượng lớn nhân viên tham gia. Đặc biệt, Câu lạc bộ SSI Runner cũng tiếp tục là điểm sáng khi có nhiều hoạt động như giải chạy ảo, các hoạt động sinh hoạt chạy theo nhóm và được duy trì hàng tuần đã tạo nên một phong trào luyện tập sâu rộng, góp phần nâng cao thể chất và tinh thần của nhân viên. Không chỉ vậy, nhiều thành viên của CLB cũng đã tham gia nhiều giải chạy Marathon lớn trên cả nước với cự ly 21km, 42km; qua đó lan tỏa tinh thần của SSI không chỉ trong nội bộ mà còn quảng bá hình ảnh người SSI đầy tích cực ra bên ngoài.

Cùng với các chính sách phúc lợi, các sự kiện và hoạt động này chính là sợi dây liên kết, góp phần không nhỏ vào việc phát triển một đội ngũ gắn bó, đoàn kết và phát triển bền vững. Tại SSI, chúng tôi luôn mong muốn Công ty không chỉ đơn thuần là nơi làm việc mà còn là một gia đình thứ hai của mọi nhân viên, nơi mà các cộng sự luôn tìm thấy sự chuyên nghiệp, thân thiện, tích cực, có điều kiện để phát huy hết khả năng đồng thời cũng cân bằng giữa công việc và đời sống tinh thần.

Sự đoàn kết chung từng cá tính, sáng tạo, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình với công việc riêng của mỗi người SSI đã tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI

Sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào chuyên môn của từng thành viên trong Công ty mà còn phụ thuộc vào sự phù hợp và gắn kết của cả tập thể. Nếu nói SSI là một bản thể hoàn chỉnh, thì ở đó mỗi nhân viên là những tế bào. Liên kết, tương hỗ, cộng hưởng là những yếu tố để người SSI vượt qua một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch. Trong gian khó, những phẩm chất của người SSI lại càng tỏa sáng hơn bao giờ hết: luôn cố gắng trau dồi kiến thức, chủ động linh hoạt trong công viêc, chuyên nghiệp, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả công việc và đặt biệt là luôn hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thiện bản thân. Ở đó mỗi nhân sự đều lấy Văn hóa Công ty và những giá trị cốt lõi là kim chỉ nam để điều chỉnh mọi hành vi của mình theo một hướng chung nhất, phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn Công ty. Là doanh nghiệp với hơn 21 năm lịch sử, một trong những yếu tố giúp SSI có thể tồn tại và vươn xa chính là việc chúng tôi luôn đề cao sự thống nhất trong toàn Công ty, tinh thần đoàn kết, đồng đội, làm việc nhóm một cách đồng bộ được thể hiện rõ trong 9 tôn chỉ kinh doanh, trong sự đầu tư vào các kênh truyền tải thông tin nội bô và các hoạt động nội bộ của Công ty.

Là một doanh nghiệp phát triển bền vững, SSI luôn xem con người là tài sản quý giá nhất của Công ty, từ đó đưa ra những lộ trình để Nhân viên có thể phát huy hết khả năng để cống hiến cho Công ty. Đối với chúng tôi, sự thành công của mỗi cá nhân, cộng sự cũng chính là sự thành công chung của SSI. Mỗi cá tính, mỗi tài năng đến với SSI đều sẽ được cộng hưởng với những giá trị cốt lõi của SSI: Sẵn sàng giải pháp, Sâu sát chuyên môn, In dấu sáng tạo; từ đó cùng nhau hợp tác, cùng nhau bổ trợ và cùng nhau phát triển. 21 năm đã qua, SSI trở thành một Tập thể Anh hùng khi vinh dự đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước trao tặng. Sự ghi nhận ấy không chỉ là minh chứng cho những đóng góp về những thành tựu mà người SSI đã đạt được, những đóng góp mà người SSI đã lan tỏa, nó còn là minh chứng cho sự bền chặt của một tập thể được tôi rèn trong nhiều gian khó và luôn biết cách nắm tay nhau hoàn thành những lý tưởng chung. Đó cũng chính là niềm tự hào lớn nhất của SSI và cũng là động lực để chúng tôi tiếp tục trên chặng hành trình tiếp theo đưa SSI đến những thành công mới.



4 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

“Từ những ngày đầu, trung thành với sứ mệnh “kết nối vốn và cơ hội đầu tư” đã lựa chọn, SSI nỗ lực huy động vốn qua thị trường chứng khoán, góp phần hình thành một kênh dẫn vốn, kích thích tạo vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; khơi dậy và huy động nguồn lực to lớn của Đất nước, thúc đẩy kinh tế phát triển. Công ty luôn đặt ra và giữ vững mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam, dần vươn ra thị trường quốc tế; với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, lấy sự thành công của khách hàng là tôn chỉ kinh doanh để không chỉ hoạt động hiệu quả, có lãi, mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không thất thoát tài sản.”

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2021

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2021

Năm 2021 diễn ra những sự kiện rất quan trọng đó là Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (tháng 1-2), sau đó là bầu cử Quốc hội khóa mới (tháng 5). Đây cũng là năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Trong kế hoạch 5 năm tới, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5-7%. Điều đáng lưu ý là quy mô GDP giai đoạn này được điều chỉnh (trong năm 2020 điều chỉnh làm cho quy mô GDP cao hơn 27% so với cách tính cũ), và thường làm GDP tăng cao hơn, do đó mức tăng trưởng theo kế hoạch này được dự báo là rất khả quan.

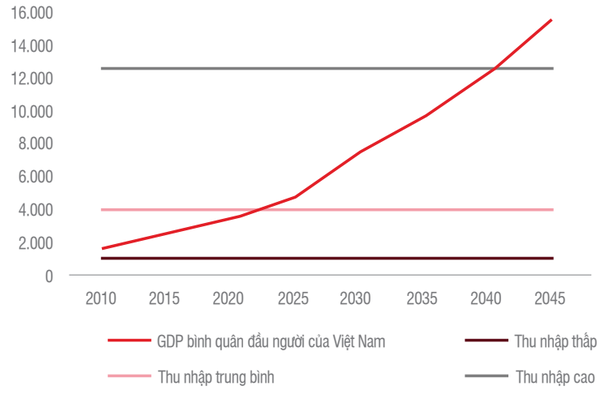
Triển vọng tăng trưởng kinh tế vĩ mô

	2011-2015 (thực hiện)	2016-2020 (kế hoạch)	2016-2020 (thực hiện)	2021-2025 (kế hoạch)	2021-2030 (kế hoạch)
Tăng trưởng GDP	5,91%	6,5-7%	5,90%	6,5-7%	7%
GDP bình quân đầu người (USD)	2.097	3.200-3.500	2.750	4.700-5.000	7.500
Tổng giá trị đầu tư/GDP	31,70%	32-34%	33,40%	32-34%	33-35%
Sản xuất/GDP	15,39%	25,00%	16,60%	25%	30%
Thâm hụt ngân sách/GDP	5,40%	4%	3,79%	3,70%	
Mức đóng góp của khu vực tư nhân vào GDP	43,50%	48-49%	43,8-44%	55%	
Tỷ lệ đô thị hóa	35,70%	38-40%	39,30%	45%	50%

Nguồn: Chính phủ

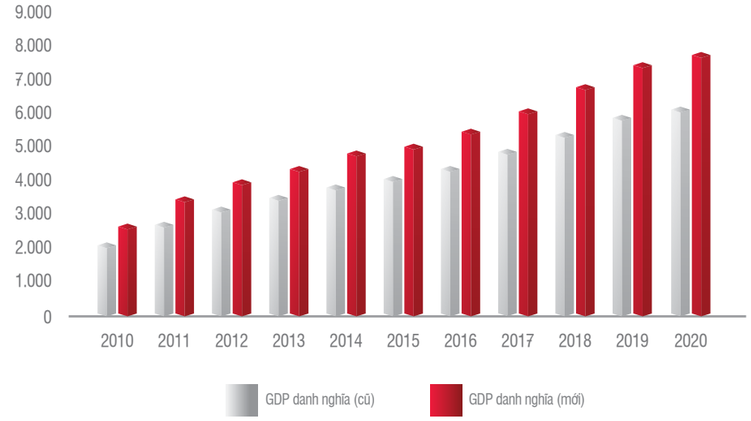
Kế hoạch 5 năm được chia thành hai giai đoạn: 2021-2022 (giai đoạn phục hồi) và 2023-2025 (giai đoạn tăng tốc). Do vậy, đối với năm 2021, Chính phủ vẫn tiếp tục việc nới lỏng chính sách tiền tệ và thực hiện chính sách tài khóa mở rộng. Thâm hụt ngân sách sẽ tiếp tục ở mức cao, kể cả theo số tuyệt đối do GDP theo giá hiện hành được điều chỉnh tăng theo cách tính mới.

GDP bình quân đầu người giai đoạn 2010-2045



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Thông tin Chính phủ

GDP điều chỉnh



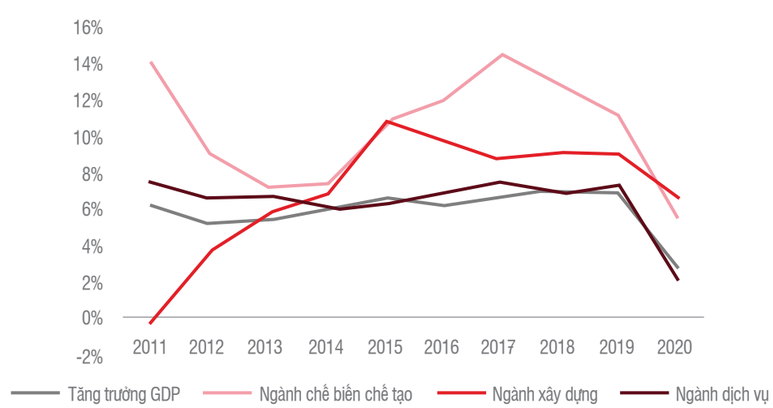
Nguồn: Tổng cục Thống kê, Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Mặc dù Việt Nam không tránh khỏi tiếp tục bị ảnh hưởng từ Đại dịch Covid-19, nhưng thiệt hại sẽ thấp hơn so với các quốc gia khác trong khu vực. Đối với kịch bản cơ sở, SSI cho rằng, các đợt bùng phát của Đại dịch Covid-19 vẫn có thể xảy ra, do vậy các chuyến bay thương mại quốc tế chỉ có thể dần nối lại từ nửa cuối năm 2021, và lượng du khách quốc tế sẽ tăng dần vào cuối năm. Không giống các nền kinh tế khác, kinh tế Việt Nam không hề bị suy thoái trong năm 2020. Điều này đã được chứng minh với mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với cùng kỳ, giúp Việt Nam giữ vững vị trí hàng đầu trong số các nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong năm 2020, chỉ đứng sau các nền kinh tế cận biên và đặc biệt như Bangladesh, Guyana và Turkmenistan. Theo quan sát, kinh tế Việt Nam chính thức bắt đầu phục hồi từ Q3/2020, và có thể sẽ đạt mức tăng trưởng cao trong thời gian tới khi mức tăng trưởng cải thiện dần theo từng quý. SSI duy trì dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 ổn định khoảng 6,52% so với năm trước (cao hơn kế hoạch của Chính phủ là 6%). Mức tăng trưởng sẽ bắt đầu tăng tốc từ Q2/2021 và giữ đà tăng đó đến năm 2022 (tăng đến khoảng hơn 7%).

Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2021

- **Tác động của mô hình phục hồi chữ V trên toàn cầu** có thể giúp Việt Nam tăng trưởng cao hơn, do Việt Nam đã trở thành trung tâm có tầm quan trọng hơn trong hệ sinh thái công nghiệp chế biến, chế tạo toàn cầu. Trong Q4/2020, Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,3% so với cùng kỳ (riêng tháng 12: tăng 9,5% so với cùng kỳ), trong khi ngành sản xuất đạt tăng trưởng đáng kể ở mức 9% so với cùng kỳ. Điều này xác nhận cho sự phục hồi về mặt sản xuất đã quay trở lại mức trước khi có dịch Covid;

Tăng trưởng GDP ở Việt Nam theo ngành nghề (2011-2020)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- **Tác động mạnh mẽ hơn từ các Hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA hay RCEP**;

- Khi tăng trưởng đầu tư công quay trở về mức bình thường, thì **vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có thể trở lại vai trò dẫn dắt**. Dòng vốn FDI đăng ký trong năm 2020 chỉ giảm -8,7% so với cùng kỳ (tổng vốn FDI đăng ký khoảng 21 tỷ USD theo giá trị tuyệt đối, thấp hơn năm 2019 khoảng 2 tỷ USD). Điều này khiến năm 2021 đầy hứa hẹn về triển vọng đối với dòng vốn FDI;

- **Tiêu dùng nội địa sẽ phục hồi từ năm 2021**;

- Một số **hoạt động tái cấu trúc kinh tế** như: Thứ nhất là việc cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó rất nhiều luật mới sẽ có hiệu lực từ năm 2021 - như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hợp tác công tư (PPP), Luật Bảo vệ môi trường v.v… Thứ hai là cải cách Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), đây là bước cuối cùng khi hầu hết các DNNN được tư nhân hóa. Trong bước cuối cùng này, điều quan trọng là Chính phủ cần xóa bỏ các vướng mắc về định giá doanh nghiệp và thủ tục cổ phần hóa/ thoái vốn để có tái khởi động hoạt động này đối với DNNN trong năm 2021.

Năm 2021, SSI ước tính Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục chính sách tiền tệ theo hướng duy trì mặt bằng lãi suất ổn định để hỗ trợ đà hồi phục kinh tế trong bối cảnh các Ngân hàng Trung ương khác cũng thực hiện chiến lược tương tự và đồng USD có thể tiếp tục giảm giá. Tuy nhiên, chính sách ngoại hối vào năm 2021 có thể có các điều chỉnh phù hợp hơn trong bối cảnh dự trữ ngoại hối ở mức cao và áp lực từ các cáo buộc về thao túng tiền tệ từ phía Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Đây có thể là yếu tố xúc tác chính để Ngân hàng Nhà nước nhấn mạnh "không nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại quốc tế không công bằng" vào định hướng chính sách. Do đó, SSI kỳ vọng đồng VND có thể tăng giá tương ứng với các chuyển biến tích cực của các yếu tố kinh tế vĩ mô của năm 2021. Trong khi đó, lãi suất có thể thoát đáy vào giữa năm 2021 do tăng trưởng tín dụng mạnh hơn và kinh tế phục hồi.

Tăng trưởng tín dụng được ước tính nằm trong khoảng 13%-14%, cao hơn mức năm 2020 và sát với năm 2018 và 2019 là hơn 13%. Quan điểm lạc quan này là nhờ nền kinh tế phục hồi nhờ vào sản xuất thành công vắc-xin Covid; sự chuyển dịch từ trái phiếu doanh nghiệp sang tín dụng ngân hàng; và tài chính tiêu dùng tăng trưởng trở lại.



Bảng tóm tắt dự báo chỉ số vĩ mô

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021F
Tăng trưởng GDP (%- theo giá so sánh 2010)	6,68	6,21	6,81	7,08	7,02	2,91	6,52
Nông nghiệp (%)	2,41	1,36	2,9	3,76	2,01	2,68	3,51
Công nghiệp – Xây dựng (%)	9,64	7,57	8	8,85	8,86	3,98	7,25
Xây dựng (%)	10,82	10	8,7	9,1	9,1	6,76	6,79
Sản xuất (%)	10,6	11,9	14,4	12,98	11,29	5,82	10,46
Dịch vụ (%)	6,33	6,98	7,44	7,03	7,3	2,34	6,95
Doanh thu bán lẻ (%)	9,5	10,2	10,86	11,7	11,8	2,63	10,73
CPI (trung bình, % YoY)	0,72	2,66	3,53	3,54	2,79	3,23	2,89
CPI (cuối năm, % YoY)	1,34	4,74	2,6	2,98	5,23	0,19	4,07
Xuất khẩu (tỷ USD)	162,4	175,94	213,77	245,88	264,19	281,5	316,17
Nhập khẩu (tỷ USD)	165,6	173,26	211,1	238,47	253,07	262,4	293,35
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-3,2	2,68	2,7	7,41	11,12	19,1	22,82
% Xuất khẩu	-1,97%	1,52%	1,26%	3,01%	4,21%	6,79%	7,22%
Tỷ giá hối đoái (USD/VND)	22.520	22.790	22.750	23.300	23.230	23.000	22.770
Cán cân vãng lai (tỷ USD)	1	9,6	4	9	12	14	14
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	28,4	36,7	50	60	79	100	120
Dự trữ ngoại hối/nhập khẩu (tuần)	8,92	11,01	12,29	13,1	16,23	19,91	21,27
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,29	18,8	18,14	13,89	13,7	12	13-14

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Rủi ro chính đối với kịch bản tăng trưởng kinh tế vĩ mô của SSI

- Rủi ro lạm phát gia tăng trong bối cảnh giá cả hàng hóa cơ bản và chi phí hậu cần gia tăng, bên cạnh đà hồi phục kinh tế có khả năng cao hơn dự kiến. Lạm phát tăng cao có thể làm ảnh hưởng tới định hướng chính sách tiền tệ, ví dụ khiến lãi suất tăng sớm và làm giảm tính bền vững của quá trình hồi phục kinh tế;

- Nới lỏng chính sách tài khóa (được coi là một công cụ chính sách hiệu quả trên thế giới) có thể đi kèm với khả năng bị hạ xếp hạng tín nhiệm quốc gia, đặc biệt nếu Việt Nam không đủ khả năng xử lý gánh nặng nợ công tăng cao, đặc biệt trong trường hợp kinh tế hồi phục chậm hơn dự kiến;

- Đại dịch Covid-19 vẫn luôn là trọng tâm trong dự báo, và bất kỳ sự kiện nào liên quan đến việc thử nghiệm/ triển khai/ chấp nhận vaccine, hay biến thể virus có thể tác động mạnh đến đà phục hồi;

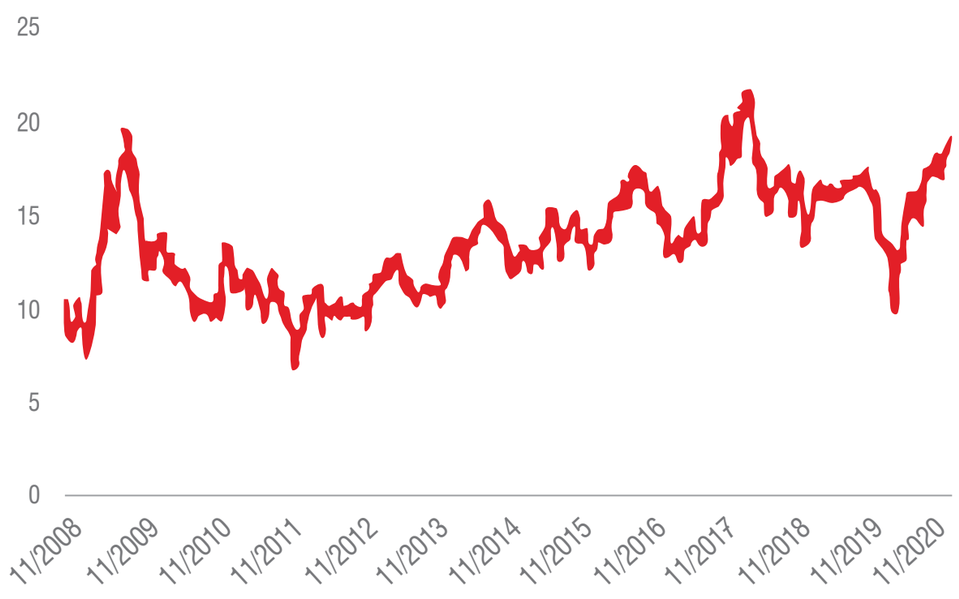
- Cuối cùng là rủi ro từ việc Hoa Kỳ áp thuế bổ sung trên cơ sở các cáo buộc về định giá thấp đồng nội tệ. Tuy nhiên, nếu các mức thuế bổ sung dẫn đến các cuộc đàm phán thương mại, đây có thể là một tin tốt, vì Việt Nam cần một Hiệp định Thương mại Tự do với Hoa Kỳ, nhất là sau khi quốc gia này rút khỏi hiệp định TPP, do đó các cuộc đàm phán với Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) có thể là lý do tốt để tái khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do.

Thị trường Chứng khoán 2021

Năm 2021, ước tính tăng trưởng lợi nhuận của các công ty niêm yết trong phạm vi nghiên cứu của SSI là 21,7% sau khi giảm -8% trong năm 2020. Theo dữ liệu lịch sử của TTCK Việt Nam, SSI chọn thời gian tham chiếu P/E trong vòng 3 năm qua vì đây là khoảng thời gian TTCK Việt Nam đạt mức tăng trưởng mạnh về quy mô và nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng đầu tư hơn trong bối cảnh chu kỳ nền kinh tế tăng trưởng mạnh. P/E trung vị trong giai đoạn 2018-2020 là 16,4 lần và mức P/E đạt được cao nhất là 21,6 lần vào tháng 3/2018.

Như vậy, với hệ số P/E thị trường là 15,8 lần (số liệu cuối tháng 2/2021), theo quan sát của SSI, định giá hiện tại của hầu hết các ngành đã quay trở lại mức trước Đại dịch Covid-19, ngay cả khi tính đến lợi nhuận phục hồi mạnh mẽ năm 2021. Tuy nhiên, triển vọng năm 2020-2021 có thể sẽ khác đặc biệt khi tính đến thanh khoản dồi dào và vai trò của nhà đầu tư cá nhân, đặc biệt là nhà đầu tư "F0" ngày càng tăng. Ngoài ra, định giá thị trường Việt Nam vẫn còn thấp hơn tương đối so với các nước khác trong khu vực.

PE thị trường Việt Nam



Nguồn: Bloomberg

Năm 2021, SSI dự báo có 3 chủ đề đầu tư chính: (1) kinh tế hồi phục và hưởng lợi từ giá cả hàng hóa phục hồi; (2) hưởng lợi từ môi trường lãi suất thấp; (3) hưởng lời từ việc nâng cấp cơ hở hạ tầng. Với kì vọng GDP có thể tăng 6,5% năm 2021 (cao hơn mục tiêu đề ra của chính phủ là 6%), tăng trưởng của nền kinh tế sẽ bứt tốc mạnh từ Q2/2021 và sẽ tiếp tục sang năm 2022 (khoảng hơn 7%).

Chủ đề 1: Kinh tế phục hồi và giá cả hàng hóa hồi phục	Chủ đề 2: Hưởng lợi lãi suất thấp	Chủ đề 3: Nâng cấp cơ sở hạ tầng
Dệt may	Ngân hàng	BĐS công nghiệp
Bán lẻ	Chứng khoán	BĐS dân cư
Ô tô	BĐS dân cư	Cảng biển & Logistics
Thủy sản		Chuyển phát
Bia		CNTT/Viễn thông
Dầu khí		Thép
Dược phẩm		Xi măng
Sân bay		Điện

Bên cạnh đó, triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 cùng việc MSCI nâng tỷ trọng của Việt Nam trong danh mục MSCI Frontier Markets Index và MSCI Frontier 100 Index sẽ tạo điều kiện thu hút thêm dòng vốn đầu tư nước ngoài vào TTCK Việt Nam, chưa kể đến các nguồn vốn đầu tư thụ động thông qua các quỹ ETF, và nguồn vốn đầu tư chủ động thông qua các công ty quản lý quỹ toàn cầu. Đã có khá nhiều các quỹ chuyên đầu tư vào các thị trường mới nổi thể hiện sự quan tâm tới TTCK Việt Nam dù Việt Nam chưa nâng hạng, và một số đã thực hiện giải ngân một phần vốn để theo dõi và làm quen với thị trường, chuẩn bị cho việc đầu tư sau này. Với vị thế là thị trường lớn nhất trong nhóm các thị trường cận biên Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội được đầu tư từ nhóm các quỹ lớn hơn để chuẩn bị cho việc nâng hạng thị trường trong thời gian tới. Việc triển khai Luật chứng khoán mới, đặc biệt sau khi giải quyết được những điểm nghẽn về hệ thống giao dịch, triển khai tốt việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và phân bảng giao dịch, sẽ là các yếu tố không kém phần quan trọng về cơ sở hạ tầng để đảm bảo cho giai đoạn mới của sự phát triển của thị trường vốn tại Việt Nam.

Năm 2021, cùng với Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực vào 01/01/2021, một loạt văn bản pháp luật liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) cũng được ban hành và có hiệu lực, bao gồm: Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ; Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư 122/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định tại Nghị định 153.

SSI dự báo thị trường TPDN 2021 vẫn sẽ sôi động nhưng sức nóng sẽ giảm so với 2020. Việc siết chặt điều kiện nhà đầu tư mua TPDN phát hành riêng lẻ sẽ là động lực khiến các doanh nghiệp chuyển sang hình thức phát hành ra công chúng để tiếp cận được nguồn tiền đầu tư từ cá nhân. Tuy vậy, phát hành riêng lẻ vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn, vì chưa tính đến yêu cầu tổ chức phát hành hoặc trái phiếu chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm sẽ có hiệu lực sau 2 năm nữa, các điều kiện phát hành ra công chúng khác cũng khắt khe hơn nhiều so với phát hành riêng lẻ. Doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện kể trên vẫn sẽ tìm đến kênh phát hành riêng lẻ. Ngoài ra, các yêu cầu về công bố thông tin và niêm yết trái phiếu khi phát hành ra công chúng cũng khiến nhiều doanh nghiệp kể cả các doanh nghiệp lớn ưa thích phát hành riêng lẻ.

Bên cạnh đó, các ngân hàng sẽ giảm đầu tư vào TPDN so với năm 2020 khi NHNN chính thức ban hành dự thảo Thông tư quy định việc Tổ chức Tín dụng mua, bán TPDN, hiện đã được công bố để lấy ý kiến. Dự thảo quy định Tổ chức Tín dụng không được mua trái phiếu của tổ chức phát hành có phát sinh nợ xấu trong 12 tháng gần nhất (tại tất cả các TCTD); không được mua lại trái phiếu đã bán và/hoặc trái phiếu phát hành cùng lô/đợt với trái phiếu đã bán trong vòng 12 tháng; không được bán TPDN cho các công ty con.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN

Từ những ngày đầu, trung thành với sứ mệnh "kết nối vốn và cơ hội đầu tư" đã lựa chọn, SSI nỗ lực huy động vốn qua thị trường chứng khoán, góp phần hình thành một kênh dẫn vốn, kích thích tạo vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; khơi dậy và huy động nguồn lực to lớn của Đất nước, thúc đẩy kinh tế phát triển. Công ty luôn đặt ra và giữ vững mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam, dần vươn ra thị trường quốc tế; với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, lấy sự thành công của khách hàng là tôn chỉ kinh doanh để không chỉ hoạt động hiệu quả, có lãi, mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không thất thoát tài sản.

Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp SSI trụ vững qua nhiều thăng trầm của TTCK Việt Nam, khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán số 1. Đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm, luôn là một kế hoạch 3 năm hành động đã đưa SSI có những bước phát triển ấn tượng.

Chiến lược trung – dài hạn giai đoạn tiếp theo của từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân

Về khách hàng: chăm sóc tốt khách hàng hiện tại và đẩy mạnh phát triển khách hàng mới

Khách hàng nói chung và từng phân khúc khách hàng nói riêng là nguồn tài nguyên vô hạn, là trọng tâm trong việc hoạch định các chiến lược và chính sách. Trong xu thế phát triển của thị trường, khách hàng mới đang tạo nên những hiệu ứng tích cực, làm động lực cho Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân SSI thay đổi cách tiếp cận và phục vụ các phân khúc khách hàng một cách hoàn hảo hơn.

Về sản phẩm: đa dạng và phù hợp với từng phân khúc khách hàng

Sản phẩm luôn đóng vai trò cốt lõi trong cơ chế vận hành cung cấp dịch vụ của thị trường nói chung và SSI nói riêng thể hiện qua những nhóm sản phẩm được thiết kế phù hợp khẩu vị của từng phân khúc khách hàng. Với sự phát triển nhanh chóng của lớp nhà đầu tư mới cùng với sự bùng nổ của thị trường, đã dẫn đến các nhu cầu về các sản phẩm margin ngắn hạn để tận dụng các cơ hội biến động của thị trường và cùng song hành với những sản phẩm tư vấn đầu tư phục vụ cho nhóm nhà đầu tư đầu tư theo giá trị. Bên cạnh đó các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu tiện và lợi của tất cả các phân khúc khách hàng.

Về nhân sự: tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ hiện tại và tuyển dụng mới

Quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng được thay đổi liên tục và trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi chất lượng tư vấn và chăm sóc của đội ngũ ngày càng phải được nâng cao, ứng biến với những thay đổi để luôn đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cần tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự trẻ, tâm huyết để tận dụng cơ hội thị trường và phù hợp với xu thế phát triển, dịch chuyển dần từ tư vấn đầu tư thành quản lý tài sản cho khách hàng.

Về chính sách: cập nhật chính sách dành cho môi giới và khách hàng

Với xu thế phát triển của thị trường và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, dẫn đến chính sách thúc đẩy bán hành và khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ trở nên cực kỳ quan trọng. Chính sách dành cho môi giới và khách hàng luôn được xem như là chất xúc tác quan trọng để thành công. Các chính sách này luôn được SSI chú trọng để cập nhật, điều chỉnh và thay đổi phù hợp nhằm hướng đến sự đồng thuận và lựa chọn SSI là nơi giao dịch của khách hàng.

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng tổ chức

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI phát triển trong trung – dài hạn dựa trên việc củng cố các hoạt động cốt lõi, bao gồm:

Dịch vụ dành cho Khách hàng Tổ chức

SSI chú trọng phát triển mạnh cả hai mảng thiết yếu là hoạt động sales (bán hàng) cho nhóm khách hàng tổ chức và hoạt động giao dịch. Theo đó, hoạt động sales khách hàng tổ chức sẽ được chú trọng phát triển và mở rộng, đảm bảo bao phủ cung cấp dịch vụ cho toàn bộ khách hàng hiện tại của Công ty và chú trọng phát triển khách hàng mới tại các khu vực thị trường khách hàng khác nhau. Bênh cạnh đó bộ phận giao dịch đảm bảo khả năng thực hiện lệnh tốt nhất cho khách hàng, đẩy mạnh bán các sản phẩm tự động như DMA, giao dịch thuật toán, và đặc biệt cung cấp nguồn block trade lớn để mang lại giá trị giao dịch lớn cho SSI.

Phát triển khách hàng tổ chức

Việc phát triển khách hàng tổ chức sẽ được chú trọng đẩy mạnh, theo đó các tổ chức đã đầu tư vào Việt Nam mà chưa có tài khoản giao dịch tại SSI sẽ được tập trung tiếp cận. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục tìm kiếm và giới thiệu cơ hội đầu tư cũng như đồng hành cùng các quỹ đầu tư lớn chuyên đầu tư vào thị trường cận biên và thị trường mới nổi đang quan tâm tới thị trường Việt Nam. Ngoài ra, SSI cũng đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới các đối tác của Công ty trong việc phát triển khách hàng tại từng thị trường đặc thù, từ đó có thể tiếp cận được một lượng khách hàng lớn hơn và tận dụng được nguồn khách hàng của các đối tác.

Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư (CA - Corporate Access)

SSI sẽ hướng tới việc củng cố thế mạnh về dịch vụ này tại Việt Nam thông qua việc nâng cao mối quan hệ với các doanh nghiệp lớn và đáng chú ý trên thị trường, từ đó hỗ trợ hiệu quả khách hàng trong việc gặp gỡ và tìm hiểu doanh nghiệp. Các hội thảo đầu tư lớn cũng sẽ được duy trì đều đặn. Ngoài ra SSI sẽ tiếp tục là đơn vị tích cực nhất trên thị trường trong việc cùng doanh nghiệp triển khai các hoạt động nâng cao như: cập nhật kết quả kinh doanh của doanh nghiệp hàng quý (quarterly earnings call), các chuyến thăm doanh nghiệp theo ngành (sector tour), hoặc theo khẩu vị đầu tư (theme tour) v.v…, đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của khách hàng, từ đó tiếp tục đóng góp tích cực vào năng lực cạnh tranh của SSI.



Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Với việc xác định hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư là một trong những dịch vụ cốt lõi mang lại lợi thế cạnh tranh, SSI tiếp tục đưa ra những sản phẩm phân tích tốt hơn và phù hợp hơn với nhu cầu của nhà đầu tư. Việc cung cấp sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư cũng sẽ được chú trọng đẩy mạnh theo hướng nâng cao tính chủ động. Ngoài các báo cáo phân tích truyền thống, các dịch vụ như khuyến nghị chiến lượng đầu tư (investment strategy pitch), báo cáo ngành/ công ty (sector/company pitch), khuyến nghị mua – bán (buy/sell call) sẽ được thực hiện thường xuyên và chủ động hơn, qua đó nhanh chóng đưa thông tin tới khách hàng.

Ngoài ra, việc phối hợp bán chéo giữa Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức cùng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Quản lý quỹ sẽ được tập trung đẩy mạnh, từ đó đa dạng hóa các sản phẩm – dịch vụ cung cấp tới khách hàng và mang lại lợi thế cạnh tranh cho SSI.

Để thực hiện tốt các định hướng như trên, Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức SSI sẽ tập trung mở rộng đội ngũ song song với nâng cao chất lượng nhân sự một cách toàn diện. Theo đó từng thành viên sẽ được chú trọng bồi dưỡng nâng cao khả năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, phát triển mạng lưới khách hàng, hiểu biết về thị trường và doanh nghiệp v.v… từ đó có thể mang lại hiệu quả cao nhất. Việc bổ sung đội ngũ nhân sự và nâng cao trình độ về chuyên môn sẽ được thực hiện đồng thời, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của từng thành viên.





Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đặt mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư trên TTCK thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính lớn trên thế giới;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.

Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Khẳng định vị trí Công ty Chứng khoán có uy tín và tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn;
- Tổng tài sản tăng trưởng ổn định hàng năm;
- Cung cấp sản phẩm cấu trúc đa dạng, hiệu quả.



Đầu tư

Khẳng định vị trí Công ty Chứng khoán có uy tín và tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

Đầu tư Cổ phiếu

- Phân bổ tỷ trọng hợp lý của từng chiến lược đầu tư trong danh mục: giữa danh mục dài hạn và ngắn hạn; giữa danh mục tăng trưởng, giá trị và phòng thủ; giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và IPO/OTC. Tỷ trọng của từng chiến lược đầu tư được thay đổi tùy từng thời kỳ phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nền tảng kinh doanh của từng nhóm ngành, doanh nghiệp;
- Đầu tư vào những công ty có định giá hợp lý và mô hình quản trị công ty tốt.

Đầu tư Chứng khoán Phái sinh

- Xác định đầu tư linh hoạt, tập trung vào tạo lập thị trường giúp khách hàng có thể tiếp cận được các sản phẩm phái sinh (chứng quyền, quyền chọn v.v ...);
- Tập trung xây dựng các chiến thuật giao dịch định lượng và mua/bán tự động, tránh các yếu tố rủi ro chủ quan con người;
- Đẩy mạnh mảng phát hành, tạo lập thị trường chứng quyền; tham gia trở thành thành viên thành lập quỹ và nhà tạo lập thị trường cho các quỹ ETF trên thị trường.

Quản lý Quỹ

Mục tiêu trung, dài hạn của SSIAM là quản lý hiệu quả nguồn vốn ủy thác của nhà đầu tư, và tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững, thông qua:

- Tập trung nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro và chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Duy trì tiếp xúc liên tục với Nhà đầu tư để hiểu nhu cầu, cũng như xu hướng đầu tư trong tương lai để phát triển dòng sản phẩm phù hợp;
- Phát triển các kênh phân phối trong và ngoài nước;
- Hoàn thiện các sản phẩm hiện có & tiếp tục đi đầu trong phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư trong từng giai đoạn thị trường.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2021

Cùng với dự đoán tích cực về tiềm năng tăng trưởng kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam cũng được kỳ vọng có những bước phát triển mạnh mẽ trong năm 2021 trên tất cả các khía cạnh như giá trị giao dịch thị trường, sự hồi phục của dòng vốn nước ngoài, phát triển sản phẩm mới cũng như các nền tảng pháp lý có hiệu lực từ đầu năm tạo tiền đề cho nâng hạng thị trường. Bên cạnh đó, năm 2021 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh mãnh liệt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ nhóm công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, các nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại SSI được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung – dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững: chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với đặc thù của ngành tài chính, khủng hoảng từ một thành viên của thị trường sẽ dễ dàng ảnh hưởng sang các thành viên khác và ảnh hưởng tới toàn hệ thống nói chung, do đó tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của SSI để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường. Công ty không áp dụng các hình thức tăng trưởng nóng, mà thay vào đó chú trọng tới các giải pháp xây dựng và bảo vệ thị trường, giữ an toàn và hiệu quả cho nhà đầu tư lâu dài, dựa trên tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**.

Kế hoạch hành động 2021 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân

Phân tích hành vi tệp khách hàng hiện tại nhằm hướng đến cung cấp sản phẩm dịch vụ phù hợp với khẩu vị của từng phân khúc khách hàng

Thực hiện việc phân tích khách hàng dựa trên nhu cầu đầu tư, tài sản đầu tư, đặc tính đầu tư, vòng quay tài sản, kênh đầu tư (tự giao dịch hoặc thông qua môi giới)…, từ đó cung cấp đúng sản phẩm và kênh giao dịch mà khách hàng cần. Tận dụng và khai thác hiệu quả tài sản khách hàng đang quản lý, bổ sung những sản phẩm mới trong việc xây dựng danh mục phù hợp với khẩu vị đầu tư của khách hàng.

Thiết kế sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu và hành vi của khách hàng

Sẽ triển khai các sản phẩm margin, trái phiếu và đầu tư ứng với từng phân khúc khách hàng. Đồng thời xây dựng các công cụ và tiện ích hỗ trợ nhóm khách hàng tự giao dịch qua kênh trực tuyến.

Cập nhật và điều chỉnh chính sách khách hàng nhằm gia tăng cơ hội đầu tư của khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới

xây dựng các chính sách khách hàng thân thiết, áp dụng giảm phí hoặc hoàn trả phí giao dịch, các chương trình kích thích nhằm gia tăng giá trị giao dịch, gia tăng tài sản, gia tăng dư nợ ký quỹ của khách hàng.

Cập nhật và điều chỉnh chính sách môi giới nhằm thúc đẩy việc chăm sóc và phát triển khách hàng, tuyển dụng thêm nhiều môi giới mới

Triển khai chính sách môi giới hướng đến các bậc môi giới và tuyển dụng môi giới mới; xây dựng các chương trình thi đua mỗi tháng, mỗi quý và cả năm.

Xây dựng lại một chương trình huấn luyện đào tạo bài bản

Cho đội ngũ môi giới dựa trên "Lộ trình phát triển môi giới", tận dụng các công cụ đào tạo trực tiếp, trực tuyến, e-learning và thường xuyên tổ chức các buổi rèn luyện kỹ năng.

Xây dựng các sản phẩm liên quan đến đào tạo, phân tích, tư vấn đầu tư theo hướng hiện đại

Trực quan nhằm tạo hiệu ứng phù hợp với đối tượng nhà đầu tư trẻ tuổi.

Phát triển kênh giao dịch trực tuyến

Xây dựng kênh giao dịch trực tuyến chuyên biệt và độc lập hướng đến đối tượng các nhà đầu tư giao dịch trực tuyến ưa tiện lợi, khả năng chuyển đổi cao, kết hợp nhiều tiện ích thuận tiện cho đa nhu cầu, sinh động trong thể hiện nội dung, quy mô tài sản thường không cao, chi phí rẻ…

Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức

Các nhóm giải pháp tương ứng với hoạt động chính trong năm 2021 được xây dựng như sau:

Phát triển Khách hàng Tổ chức

- Chú trọng phát triển mạng lưới khách hàng tại thị trường Mỹ thông qua việc hợp tác với các đối tác tại thị trường này;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI, làm việc chặt chẽ hơn với các công ty môi giới toàn cầu để tiến tới hợp tác;
- Quyết liệt tiếp cận các tổ chức chưa có tài khoản tại SSI, cung cấp các dịch vụ phù hợp để tiến tới mở tài khoản;
- Tiếp cận mới các quỹ đầu tư toàn cầu và các quỹ đầu tư chuyên vào thị trường mới nổi đang quan tâm tới Việt Nam;
- Cải thiện quan hệ với các tổ chức khách hàng hiện tại của SSI;
- Nâng cao chất lượng và sản phẩm hiện tại;
- Mở rộng đội ngũ nhân sự đủ khả năng bao phủ hết số lượng khách hàng hiện tại và tiềm năng của SSI, song song với nâng cao trình độ nhân sự.

Giao dịch Khách hàng Tổ chức

- Triển khai hệ thống giao dịch mới, đào tạo nhân viên, nâng cao hiệu quả thực hiện giao dịch. Xúc tiến bán các sản phẩm giao dịch tự động DMA hay các giao dịch thuật toán.

Quan hệ Doanh nghiệp & Nhà đầu tư

- Thực hiện thành công lịch hoạt động trong năm 2021 bao gồm tổ chức 2- 3 hội thảo đầu tư, 6 – 8 các chuyến tham quan gặp gỡ doanh nghiệp theo ngành (sector tour), 300 – 400 cuộc gặp gỡ giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư theo yêu cầu của khách hàng;
- Nâng cao quan hệ với các công ty lớn, đặc biệt là các công ty mới niêm yết hoặc chuyển sàn.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI năm 2021 tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn hóa đội ngũ để nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung vào mảng công việc tư vấn như sau:

Mảng Thị trường Vốn: dự đoán và tìm kiếm cơ hội trên thị trường vốn, tập trung vào các hoạt động tư vấn chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, tư vấn huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ niêm yết, chào bán cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa v.v…

Mảng Thị trường Nợ: Dự đoán tiềm năng và cập nhật thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội tư vấn huy động vốn trên thị trường nợ cho khách hàng thông qua phát hành trái phiếu, tư vấn các khoản vay hợp vốn phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Sự ổn định từ các điều kiện kinh tế vĩ mô báo hiệu tiềm năng rất lớn cho hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính SSI trong năm 2021. Bên cạnh đó, trong một môi trường kinh doanh ngày càng mở và minh bạch như hiện tại, SSI cũng sẽ đối mặt với nhiều sự cạnh tranh trực tiếp và gián tiếp trên mảng hoạt động kinh doanh nguồn vốn và tài chính từ các đối thủ lớn có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, một sân chơi rộng mở sẽ giúp cho thị trường vận hành hiệu quả hơn, có nhiều cơ hội hơn cho hợp tác kinh doanh.

Trong bối cảnh với những thuận lợi và thách thức trên, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI luôn mong muốn tìm kiếm các nguồn lực mới, các cơ hội kinh doanh mới từ thị trường tài chính ngày càng phát triển và hoàn thiện của Việt Nam, cũng như học hỏi, phát triển trên nền tảng kinh nghiệm của thị trường thế giới để nhằm thỏa mãn nhu cầu về kết nối vốn ngày càng lớn từ trong nước và nước ngoài. Triển vọng về phát triển những mảng kinh doanh mới từ các sản phẩm tài chính, tiền tệ, chứng khoán đang ngày càng hiện hữu và SSI luôn khát khao được nắm bắt và tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới này trên thị trường nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng tiềm năng của SSI.

Năm 2021 sẽ là năm tiền đề để thị trường đưa vào vận hành các sản phẩm, dịch vụ mới, SSI đã chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, nguồn vốn, công nghệ để nắm bắt cơ hội này.

Bên cạnh đó, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng các sản phẩm hiện tại đang là nền tảng thế mạnh của SSI như: phát triển quan hệ với các định chế tài chính quốc tế, phát triển các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp & các sản phẩm cấu trúc theo nhu cầu riêng biệt cho các nhóm khách hàng có yêu cầu ngày càng cao trên thị trường v.v… hướng tới mục đích mang lại lợi nhuận và lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và bản thân SSI.

Để đảm bảo tốc độ tăng trưởng liên tục và bền vững, SSI cũng sẽ tiếp tục tìm kiếm, mở rộng danh mục đầu tư trái phiếu có chất lượng tín nhiệm tốt nhằm tận dụng cơ hội kinh doanh khi lãi suất đầu vào vẫn tiếp tục ở mặt bằng thấp và đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác với các định chế tài chính để duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh trái phiếu.

Hệ thống cho sản phẩm S-Bond sẽ tiếp tục được phát triển nhằm hỗ trợ giao dịch, quản lý tài khoản trái phiếu cho khách hàng được thuận tiện hơn nữa.

Quản lý Quỹ

Năm 2021 đánh dấu sự thay đổi về khung chính sách điều hành khi Luật Chứng khoán sửa đổi có hiệu lực, cùng với các Thông tư 98/2020/TT-BTC và 99/2020/TT-BTC đã góp phần định hình ngành quản lý quỹ một cách rõ nét hơn. SSIAM tiếp tục tận dụng những lợi thế sẵn có trên thị trường, mở rộng mạng lưới hợp tác với các đối tác phân phối trong nước và nước ngoài; mặt khác liên tục đánh giá hiệu quả sản phẩm hiện hữu và ra mắt những sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư cũng như thích ứng với những thay đổi của thị trường, chính sách.

Phát triển sản phẩm mới và đẩy mạnh quy mô các sản phẩm hiện tại

Bên cạnh hai quỹ thụ động ETF, và hai quỹ thành viên tư nhân (private equity) mới đã thành lập trong năm 2020, SSIAM sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường. Các dự án với các đối tác tiềm năng liên tục được triển khai, để lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất trong giai đoạn thị trường hiện nay. Công ty tiếp tục theo đuổi dự án quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và cân nhắc thời điểm phù hợp để giới thiệu ra thị trường.

Với các sản phẩm quỹ hiện tại, SSIAM tập trung đẩy mạnh quy mô để quỹ, danh mục hoạt động hiệu quả hơn. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục tập trung hướng đến tệp khách hàng là các công ty bảo hiểm. Trong thời gian qua, có khá nhiều Công ty Bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có nhu cầu ủy thác đầu tư vốn tại Công ty Quản lý Quỹ. Các Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ thường sử dụng sản phẩm danh mục ủy thác đầu tư tổ chức, còn Công ty Bảo hiểm nhân thọ thường thành lập các quỹ liên kết đơn vị nhằm tăng tính hấp dẫn với khách hàng. Đây là nguồn tài sản ổn định và dài hạn đối với các Công ty Quản lý Quỹ.

Phát triển kênh phân phối

SSIAM tiếp tục sử dụng kênh phân phối chính, truyền thống cho sản phẩm quỹ mở từ các công ty chứng khoán trong nước cũng như ngoài nước, và một số kênh giới thiệu khách hàng tiềm năng khác. Song song với đó là mở rộng phạm vi tiến tới phân phối qua ứng dụng trực tuyến từ các công ty fintech trong nước.

Nâng cấp hệ thống vận hành và cải thiện quy trình

Đối với hệ thống quản trị quỹ/danh mục, sau nhiều năm vận hành và nâng cấp, trong năm 2020 vừa qua, SSIAM bắt đầu làm việc với nhà cung cấp hệ thống mới, hệ thống quản trị kế toán, để giúp quy chuẩn hóa các quy trình trong quá trình hạch toán kế toán, tính toán giá trị tài sản ròng các quỹ và danh mục, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tốt hơn v.v… Hiện nay, việc đưa vào vận hành hệ thống quản trị kế toán này mới ở giai đoạn 01, Công ty sẽ triển khai nâng cấp trong năm 2021 các chức năng chuyên sâu hơn, nhằm hạn chế rủi ro vận hành do lỗi tác nghiệp thủ công để tăng độ chính xác và hiệu suất phát hành báo cáo tài sản các loại, gia tăng tiện ích dịch vụ cho khách hàng một cách tốt nhất.

Đầu tư

Thị trường năm 2021 được dự đoán sẽ có nhiều biến động, phụ thuộc vào các thông tin về việc kiểm soát dịch bệnh, các yếu tố vĩ mô, vi mô cũng như tác động của dòng tiền mới. SSI sẽ tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng và không nằm trong chiến lược đầu tư của Công ty. Danh mục giải ngân mới sẽ tập trung vào các ngành có yếu tố phục hồi hậu Covid, các công ty đầu ngành có mô hình quản trị tốt và tiềm năng tăng trưởng. Các cổ phiếu có tính thanh khoản cao, định giá hợp lý sẽ được tập trung hơn nhằm hưởng lợi kép từ dòng tiền mới trên thị trường và sự hồi phục của nền kinh tế. Tỷ trọng giữa các nhóm ngành cũng sẽ được linh hoạt phụ thuộc vào triển vọng tăng trưởng/ hồi phục từng giai đoạn.

Bên cạnh đó, Khối Đầu tư SSI tiếp tục phòng hộ rủi ro thông qua các công cụ trên thị trường phái sinh nhằm hạn chế rủi ro từ các biến động lớn trên thị trường. Thêm vào đó, SSI cũng sẽ đẩy mạnh thêm mảng phát hành và tạo lập chứng quyền nhằm giúp nhà đầu tư có thể tận dụng các biến động thị trường một cách hợp lý nhất.

Ngoài ra, việc tích cực kết hợp giữa các Khối Kinh doanh cũng được đẩy mạnh để tìm kiếm các cơ hội mới, tối ưu hóa lợi nhuận. SSI cũng đang nghiên cứu và phát triển xây dựng các sản phẩm mới giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận thị trường một cách tối ưu và an toàn trong năm 2021.



5 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

"Với hệ thống quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự mạnh, cùng chiến lược và kế hoạch hành động hiệu quả từ Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo để nắm bắt thời cơ, kịp thời ứng phó với những khó khăn và biến động bất ngờ của Thị trường Chứng khoán, năm 2020 tiếp tục là một năm chứng kiến sự tăng trưởng mạnh của SSI về số lượng khách hàng, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ nhưng các rủi ro được hạn chế ở mức thấp nhất. SSI đã gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận khi duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, thích ứng nhanh với mọi điều kiện làm việc trong thời gian dịch bệnh cũng như nhanh chóng quay trở lại hoạt động hiệu quả trong trạng thái "bình thường mới". Cũng trong năm 2020, SSI tự hào nằm trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam có đủ khả năng chi trả cổ tức với tỉ lệ lớn (16% cổ tức cổ phiếu và 10% cổ tức tiền mặt), đảm bảo nguồn thu nhập đinh kỳ ổn định cho Cổ đông."

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin chung

Năm 2020 Hội đồng Quản trị (HĐQT) SSI vẫn duy trì 06 thành viên, trong đó có hai thành viên độc lập là ông Ngô Văn Điểm và ông Phạm Viết Muôn. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Ngày 31/7/2020, ông Nguyễn Duy Hưng, Chủ tịch HĐQT đã thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, đồng thời HĐQT cũng bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Nam giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Việc bổ nhiệm này nhằm phân công lại nhiệm vụ, theo đó, Chủ tịch HĐQT tập trung phát triển chiến lược dài hạn, trong khi Tổng giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động, bám sát vào chiến lược đã đề ra, củng cố và khẳng định vị trí là Công ty Chứng khoán số 1 Việt Nam. Việc tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc không chỉ nhằm hướng tới kiện toàn mô hình quản trị theo chuẩn mực hiện đại, mà còn được kỳ vọng là thay đổi cần thiết trong bối cảnh có nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh hiện nay. Điều này sẽ giúp SSI giữ được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn, tiếp tục triển khai chiến lược hoạt động, chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mang tính tiên phong, đi kèm với vận dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động, mạng lại những giá trị tốt nhất cho Khách hàng, Cổ đông và Nhân viên công ty.

Danh sách chi tiết các thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

STT	Thành viên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2020 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2020 (*)(***)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	1962	6.783.400	1,330%	10.209.044	1,693%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ, Người được ủy quyền CBTT	1967	1.400.000	0,274%	1.512.000	0,25%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng Uỷ ban Kiểm toán *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1951	150.000	0,029%	148.800	0,024%
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, thành viên Uỷ ban Kiểm toán *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1954	40.000	0,008%	92.800	0,015%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1991	700.000	0,137%	1.044.000	0,173%
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1963	0	0,000%	0	0,000%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(**) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 01/01/2020

(***) Tỷ lệ được tính trên 602.945.613 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đa số các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
5	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
6	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.



Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Vai trò, trách nhiệm và hoạt động chung của Hội đồng Quản trị

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết và chỉ đạo Ban lãnh đạo thực hiện nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, và bằng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công bố thông tin theo quy định.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và quyền lợi của Người lao động, tôn trọng Đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 9 cuộc họp, thông qua 14 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đại dịch Covid-19 đã khiến các thành viên HĐQT phải thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tiếp xúc trực tiếp, nên phần lớn các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong đó, 100% các thành viên tham dự đủ 9/9 cuộc họp.



Chi tiết về các Nghị quyết đã được thông qua như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/2020/NQ-HĐQT	17/02/2020	Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2	03/2020/NQ-HĐQT	27/02/2020	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
3	04/2020/NQ-HĐQT	06/04/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐQT liên quan đến chào bán chứng quyền có bảo đảm
4	05/2020/NQ-HĐQT	02/06/2020	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
5	07/2020/NQ-HĐQT	07/07/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐQT liên quan đến chào bán chứng quyền có bảo đảm
6	08/2020/NQ-HĐQT	31/07/2020	Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc
7	09/2020/NQ-HĐQT	31/07/2020	Bổ nhiệm Tổng giám đốc
8	10/2020/NQ-HĐQT	09/10/2020	Phê chuẩn quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Nha Trang và Chi nhánh Vũng Tàu
9	11/2020/NQ-HĐQT	09/10/2020	Bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán
10	12/2020/NQ-HĐQT	09/10/2020	Mua lại cổ phiếu ESOP của nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ
11	13/2020/NQ-HĐQT	19/11/2020	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12	14/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Chào bán chứng quyền có bảo đảm
13	15/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng
14	16/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng

Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc:

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2019, soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro, chủ động rà soát hệ thống, đảm bảo an toàn;
- Phát triển và hoàn thiện sản phẩm dịch vụ chứng khoán phái sinh;
- Thực hiện phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ;
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức;
- Hoàn tất thủ tục đóng cửa chi nhánh Nha Trang và chi nhánh Vũng Tàu, chuyển sang hoạt động trực tuyến;
- Tiến hành mua lại cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của nhân viên nghỉ việc.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Năm 2019, HĐQT đã thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc Hội đồng quản trị ngày 25/10/2019 và đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và quy chế hoạt động. Tiểu ban Chiến lược Phát triển có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty. Năm 2020, Tiểu ban Chiến lược chính thức triển khai các dự án theo lộ trình đề ra.

Ngày 27/06/2020, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT được thành lập theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT cũng đã tiến hành bổ nhiệm các thành viên của Ủy ban Kiểm toán, là thành viên HĐQT độc lập, có chức năng kiểm tra, đánh giá độc lập hoạt động của Công ty. Chi tiết hoạt động của Ủy ban Kiểm toán sẽ được trình bày dưới đây.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán/ Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020, ĐHĐCĐ thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình hoạt động có Uỷ ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, và không còn Ban Kiểm soát. ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Nguyễn Văn Khải, Ông Đặng Phong Lưu và Bà Lê Cẩm Bình kể từ ngày 27/06/2020.

Ủy ban Kiểm toán được thành lập bao gồm 02 thành viên HĐQT độc lập là ông Ngô Văn Điểm (Trưởng ban) và ông Phạm Viết Muôn (Thành viên).

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Ngô Văn Điểm	Trưởng ban	09/10/2020	Tiến sĩ kinh tế, Cử nhân chính trị
2	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	09/10/2020	Tiến sĩ kinh tế

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 01 cuộc họp và Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành 02 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

Trong nhiệm kỳ của mình, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo cho Cổ đông việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2019;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty trong kỳ;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh;
- Thẩm tra báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong kỳ của Công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Từ tháng 10/2020 đến hết năm 2020, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện hoạt động giám sát như sau:

- Rà soát các hoạt động của Công ty, các báo cáo tài chính để có phương án, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm;
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và thực hiện các nội dung còn lại của Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 3 năm 2020.

Hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2020 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ và người có liên quan thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin trước và sau khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành đầy đủ.

Định hướng hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2021

Trong năm 2021, Ủy ban Kiểm toán sẽ tập trung vào những công việc sau:

- Hoàn thiện các văn bản liên quan đến hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, cơ chế phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận thuộc Khối Quản trị của Công ty để thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình;
- Phối hợp với kiểm toán độc lập rà soát phạm vi và nội dung công việc của kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.
- Tiến hành rà soát các hoạt động của Công ty, các báo cáo tài chính để có phương án, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của năm 2021.



Hoạt động của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của Pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.

Ngoài ra, trong năm 2020, Chủ tịch HĐQT SSI kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc tới hết ngày 30/7/2020. Việc kiêm nhiệm này đều được trình ĐHĐCĐ phê duyệt qua các kỳ đại hội. Từ 31/07/2020, ông nguyễn Duy Hưng đã thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, đồng thời HĐQT đã bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Nam giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty.

Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị

Đánh giá về hoạt động của Công ty

Năm 2020, dưới tác động của Đại dịch Covid-19, hầu hết các nền kinh tế thế giới đều rơi vào suy thoái và đạt tăng trưởng âm. Việt Nam mặc dù chịu ảnh hưởng từ đại dịch, thiên tai, nhưng vẫn là điểm sáng của kinh tế khu vực và thế giới khi đạt tăng trưởng năm 2020 ở mức 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng lại là mức cao hàng đầu thế giới. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, chất lượng tăng trưởng được nâng lên, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện. Đặc biệt năm 2020 cũng chứng kiến sự phát triển bùng nổ của thị trường chứng khoán trên tất cả các phương diện như giá trị giao dịch, số lượng nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường…

Năm 2020, SSI ghi nhận kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất với tổng doanh thu đạt 4.580 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế đạt 1.557,6 tỷ VNĐ, mức tăng trưởng trên 38,5% doanh thu và 40,8% lợi nhuận trước thuế so với năm 2019, đạt 179% kế hoạch về lợi nhuận. SSI có năm thứ 7 liên tiếp dẫn đầu thị phần môi giới tại HOSE, đạt 12,33%. Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản của SSI đạt 35.769,5 tỷ VNĐ tăng 32,3% so với mức đầu năm, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 9.872,8 tỷ VNĐ.

Để đạt được thành quả như trên, Ban Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ, nhân viên đã thực sự linh hoạt trong mọi hoạt động, đề ra nhiều giải pháp, phát triển các sản phẩm phù hợp nhằm đối phó với các diễn biến phức tạp của Đại dịch Covid-19 và thích ứng với tình trạng "bình thường mới" khi thị trường bùng nổ, như:

- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh, bảo toàn vốn qua các thời điểm thị trường khó khăn vì ảnh hưởng dịch bệnh;
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới, giúp nhà đầu tư có thêm nhiều lựa chọn đồng thời bảo toàn vốn trong giai đoạn thị trường có diễn biến không tốt, gặt hái hiệu quả đầu tư khi thị trường tăng trở lại, như các sản phẩm trái phiếu, chứng quyền có bảo đảm, quỹ ETF…
- Triển khai các chương trình xúc tiến thu hút khách hàng như: ưu đãi phí giao dịch, lãi suất cho vay v.v… nhằm thu hút thêm số lượng khách hàng mở tài khoản, nâng dư nợ cho vay, tăng trưởng doanh thu; khuyến khích khách hàng giao dịch trực tuyến; ra mắt dịch vụ mở tài khoản trực tuyến 100% ứng dụng công nghệ eKYC – giúp khách hàng mở tài khoản nhanh chóng mà không cần phải đến các chi nhánh, phòng giao dịch SSI trong bối cảnh hạn chế tiếp xúc, đi lại.
- Tiếp cận thêm các nguồn vay từ nước ngoài nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh lãi suất thấp và thời hạn ổn định;
- Đầu tư các dự án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch, các hệ thống an ninh mạng, ra mắt các công cụ trading điện tử phục vụ khách hàng;
- Tái cơ cấu mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch theo hướng tăng cường giao dịch điện tử
- Tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển đội ngũ, đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghiệp vụ…

Tháng 12/2020, SSI vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước trao tặng vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động và sáng tạo từ năm 2009 đến năm 2019 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. SSI là công ty chứng khoán đầu tiên đạt danh hiệu này. Đây chính là phần thưởng cao quý ghi nhận đánh giá của Nhà nước đối với những đóng góp của SSI cho sự phát triển bền vững của ngành chứng khoán nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Tập thể Công ty tiếp tục tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, trước hết là công tác từ thiện, quản trị công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của Nhà nước và lợi ích của Cổ đông, Khách hàng.

Bên cạnh đó, năm 2020 SSI cũng chứng kiến sự dịch chuyển của một bộ phận nhân sự do chính sách thu hút nhân sự của một số công ty trong ngành, đòi hỏi SSI phải kiện toàn hơn nữa chính sách nhằm giữ chân nhân sự, đồng thời tăng cường các hoạt động tuyển dụng, dự phòng nhân sự cho các vị trí quan trọng. Hệ thống công nghệ thông tin cũng cần liên tục nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về chuyển đổi số, nâng cao tỉ trọng khách hàng sử dụng các dịch vụ trực tuyến, song song với tăng cường bảo mật hệ thống.



Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chủ động nắm bắt tình hình, nhận rõ cơ hội, thách thức trong bối cảnh Đại dịch Covid-19 để đề ra các giải pháp phù hợp, vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, vừa bảo đảm kinh doanh.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng giám đốc, sự nỗ lực của tất cả các bộ phận, nhân viên SSI, niềm tin của nhà đầu tư, hoạt động của SSI trong năm 2020 được HĐQT đánh giá là thành công khi vượt qua giai đoạn khó khăn của 6 tháng đầu năm, và phục hồi tích cực, tăng trưởng tốt trong 6 tháng cuối năm – hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Nổi bật trong chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng giám đốc năm 2020 là đã xây dựng và vận hành thành công kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và phòng chống đại dịch như: Thành lập Ban chỉ đạo chống đại dịch gồm cấp quản lý của các Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, và Khối Quản trị hoạt động 24/24 để bám sát và kịp thời xử lý vấn đề phát sinh trong phòng, chống đại dịch; Bảo đảm môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, thực hiện đầy đủ 5K theo quy định không chỉ với nhân viên mà cả khách hàng; Xây dựng và vận hành làm việc online tại nhà và trực tiếp tại văn phòng phù hợp với diễn biến của dịch bệnh, không để công việc bị gián đoạn; Đảm bảo sự an toàn của hệ thống bằng việc tăng cường kết nối nội bộ, khách hàng, cơ quan chức năng.

Định hướng hoạt động 2021



Để tiếp tục các thành tựu đã đạt được của năm 2020 và hướng đến mục tiêu cao hơn trong năm 2021, HĐQT xác định một số định hướng cho Công ty năm 2021 như sau:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, phù hợp với trạng thái bình thường mới, xây dựng kịch bản ứng biến được với trường hợp xấu nhất về đại dịch có thể xảy ra;
- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin;
- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
- Tiếp tục minh bạch trong kinh doanh, bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của khách hàng, tăng thêm niền tin cho nhà đầu tư vào thị trường là động lực phát triển bền vững;
- Chuẩn bị tốt các điều kiện để đi đầu triển khai các sản phẩm mới được chấp thuận trong Luật Chứng khoán mới như thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, các sản phẩm giao dịch trong ngày, bán không có bảo đảm…
- Đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Quỹ hoạt động của HĐQT SSI được ĐHĐCĐ thông qua là 3 tỷ VNĐ cho năm tài chính 2020, theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2020 của Đại hội đồng Cổ đông.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiêm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/07/2020)		✓	✓		✓	✓
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (từ ngày 01/08/2020 trở đi)		✓	✓		✓	✓
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	✓		✓		✓	✓
4	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	✓		✓		✓	✓
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	✓			✓	✓	
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	✓					

Về thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của thành viên Ban Tổng giám đốc năm 2020

Năm 2020, Tổng thu nhập chi trả cho thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc SSI trong năm là 15.876.134.346 VNĐ. Trong đó, cụ thể về thù lao và tiền lương của từng thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/07/2020)	6.500.000.000	
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (từ ngày 01/08/2020 trở đi)	4.279.545.455	
Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên		
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên		
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên		300.000.000
Ông Hironori Oka	Thành viên		

Về chế độ tiền thưởng và phúc lợi theo kỳ của thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ,…) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).



QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan về hệ thống Quản trị Rủi ro của SSI

Năm 2020, sự lây lan rộng rãi của Đại dịch Covid-19 và những bất ổn kinh tế đã mang đến nhiều thách thức bất ngờ mà mỗi quốc gia, doanh nghiệp và từng người lao động đều không thể lường trước. Bên cạnh những tác động tới sức khỏe con người, Covid-19 còn gây ra gián đoạn trong kinh doanh và tiêu dùng trên toàn thế giới. Đây cũng là một năm chứng kiến nhiều biến động của TTCK Việt Nam dưới tác động của Đại dịch Covid-19, thị trường có diễn biến giảm mạnh vào nửa cuối tháng 3/2020 và sau đó có sự phục hồi tốt từ quý 3 và đặc biệt là quý 4 năm 2020. Giai đoạn nửa cuối tháng 3/2020, SSI đối diện với nhiều rủi ro từ hoạt động liên quan đến yếu tố dịch bệnh và đến rủi ro tín dụng từ việc thị trường giảm mạnh và thanh khoản thị trường thấp. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân sự mạnh, có chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo để nắm bắt thời cơ, cũng như kịp thời ứng phó với các khó khăn bất ngờ, năm 2020 tiếp tục là một năm chứng kiến sự tăng trưởng mạnh của SSI về số lượng khách hàng, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, các rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất, luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Đặc biệt, SSI tự hào đã gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận khi duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, thích ứng nhanh với mọi điều kiện làm việc trong thời gian dịch bệnh cũng như nhanh chóng quay trở lại hoạt động hiệu quả trong trạng thái "bình thường mới" khi dịch bệnh lắng xuống. Quan trọng hơn, sự an toàn tuyệt đối về sức khỏe của người lao động được đảm bảo.

Cụ thể, một số nhóm hành động ứng phó với các rủi ro do Đại dịch Covid-19 mang lại được áp dụng như sau:

- Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch để chủ động xây dựng kế hoạch, tiếp nhận, xử lý thông tin đối nội – đối ngoại, truyền thông các biện pháp giữ an toàn cho người thân và cộng đồng, đảm bảo thông tin đến Cán bộ Nhân viên được đầy đủ và xuyên suốt;
- Sẵn sàng phương án bảo vệ tài chính liên quan đến rủi ro sức khỏe cho Cán bộ Nhân viên.
- Chuyển đổi nhanh chóng từ hình thức làm việc trực tiếp sang trực tuyến thông qua nền tảng công nghệ hiện đại đã được chuẩn bị từ thời kỳ đầu. Các hoạt động tuyển dụng – đào tạo cũng được duy trì ổn định nhằm đảm bảo nhu cầu nguồn lực cũng như nhu cầu đào tạo, phát triển của Cán bộ Nhân viên.
- Tiên phong trong ngành chứng khoán thực hiện diễn tập đóng cửa hoàn toàn nơi làm việc trên quy mô lớn
- Kết nối và thúc đẩy hơn nữa văn hóa doanh nghiệp, tinh thần đoàn kết, hỗ trợ trong công việc giữa các thành viên trong giai đoạn giãn cách xã hội để đảm bảo chất lượng công việc cá nhân và toàn công ty.

Đối với hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) nói chung trong năm 2020, hệ thống chính sách, quy trình về quản trị rủi ro (QTRR) của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro tiếp tục được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của Công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ của Công ty, cụ thể như sau:

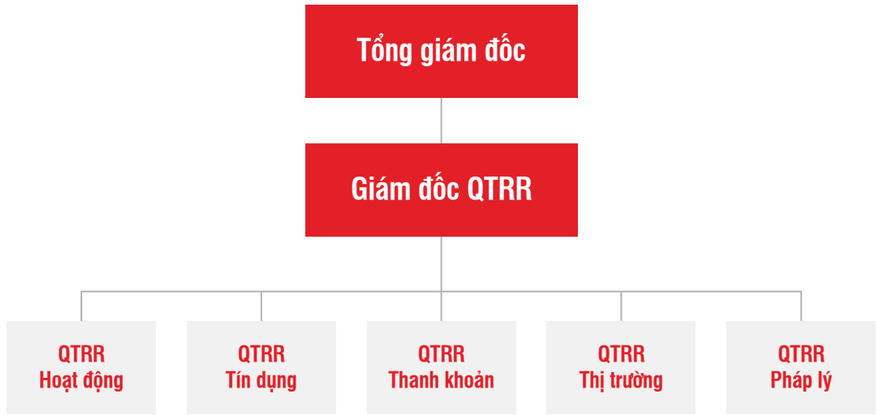
- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;

  Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;

- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Kiểm toán Nội bộ (KTNB).

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước

1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai.
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ.
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, KTNB, KSNB.
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật.
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới,…

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính.
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước.
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần.
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu.
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất, mức có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng giám đốc phê duyệt.

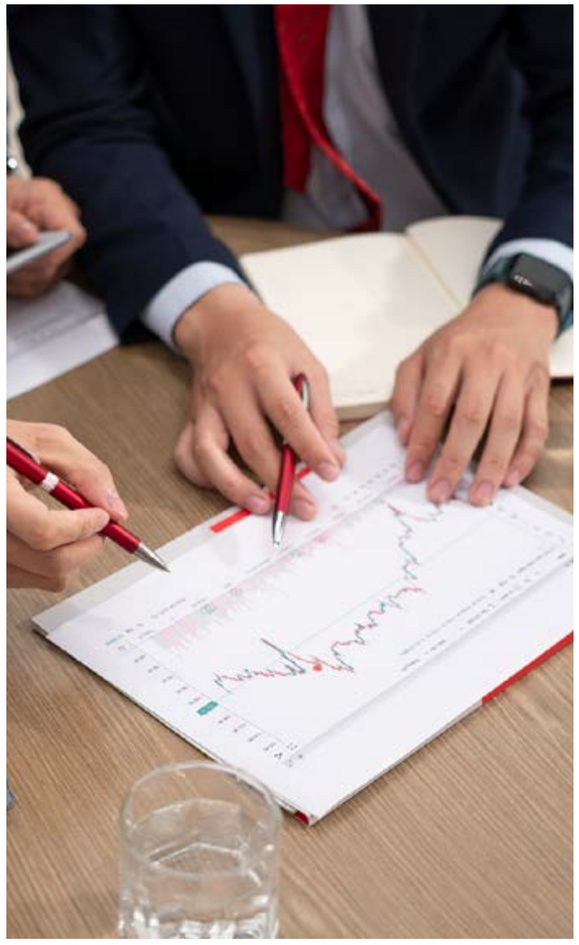
Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cả hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các Bộ phận Nghiệp vụ, các Bộ phận Kinh doanh - nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các Bộ phận Nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với Bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.



5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro,…

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- **Chấp nhận rủi ro:** Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro.
- **Tránh rủi ro:** Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty.
- **Giảm thiểu rủi ro:** Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai.
- **Chia sẻ rủi ro:** Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.
- **Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro** để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát





Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của SSI là: Rủi ro Thị trường, Rủi ro Tín dụng, Rủi ro Thanh khoản, Rủi ro Tuân thủ, Rủi ro Pháp lý, Rủi ro Hệ thống Công nghệ Thông tin, Rủi ro Thương hiệu, Rủi ro Quản trị Nguồn nhân lực. Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, không sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2020 sẽ được trình bày dưới đây.

Rủi ro thị trường



Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan trực tiếp/gián tiếp đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2020 đạt 9.872,8 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 35.769,5 tỷ VNĐ, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào và đặc biệt là giai đoạn cuối quý 4 năm 2020 với thanh khoản thị trường chứng khoán đạt mức kỷ lục và dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng bùng nổ và ghi nhận mức kỷ lục mới. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2020 không lớn nhưng Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của Chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán.

Trong năm 2020, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng, bên cạnh đó đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, có tiềm năng phát triển ổn định. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI sẽ cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Điều hành tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.



Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Năm 2020 thị trường chịu tác động mạnh bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong các tháng 3-4 (làn sóng dịch thứ nhất) và tháng 7-8 (làn sóng dịch thứ hai) với những biến động lớn bất ngờ. Dù vậy, với cách tiếp cận thận trọng xuyên suốt trải qua nhiều giai đoạn thị trường khác nhau trong quá khứ, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ rủi ro thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Kết quả là năm 2020 không phát sinh trường hợp nào khách hàng giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán do biến động thị trường gây rủi ro tín dụng cho Công ty.

Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Năm 2020, SSI tiếp tục duy trì vị thế số 1 thị trường về giá trị phát hành với 38 chứng quyền có bảo đảm phát hành mới, trong đó 28 mã chứng quyền đã hoàn thành việc đáo hạn trong cùng năm. Xét trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI luôn nằm trong top các nhà phát hành có chứng quyền được Nhà đầu tư lựa chọn giao dịch nhiều nhất.

Để duy trì được thành tích trên trong năm qua, SSI đã phối hợp nhịp nhàng giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo Nhà đầu tư có thể mua bán một cách dễ dàng các chứng quyền do SSI phát hành nhưng Công ty cũng quản trị được các rủi ro thị trường do biến động của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra SSI cũng thực hiện những phân tích, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể.

Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hằng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, và được báo cáo hàng ngày cho HOSE.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.



Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của Tổ chức Tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Tổ chức Tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 20 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.

- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.

- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - Tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
  - Hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
  - Hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
  - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ,…

- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...

- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...

- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Trong năm 2020, thị trường đã trải qua giai đoạn biến động giảm mạnh cả về chỉ số và thanh khoản vào nửa cuối tháng 3. Tuy nhiên, với chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, luôn chú trọng điều tiết chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường nên dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của SSI đã có biến động giảm vào quý 1 và quý 2 năm 2020 sau đó đã phục hồi mạnh mẽ vào quý 3 và 4 năm 2020. Đặc biệt, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đã lập kỷ lục mới tại thời điểm 31/12/2020 với tổng dư nợ là hơn 9.012,4 tỷ VNĐ, tuy nhiên, rủi ro đã được quản lý tốt, không phát sinh nợ xấu trong năm 2020.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

Rủi ro thanh khoản



Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của Nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các Nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 195 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở năm 2020, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho Nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục Ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi Nhà đầu tư bình quân hơn 2.994 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2020, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đã có sự bùng nổ vào giai đoạn cuối năm và thiết lập kỷ lục mới. Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn nhất thị trường, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2020 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 292% đến 331%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.

Tỷ lệ vốn khả dụng năm 2020	Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tỷ lệ	308%	313%	300%	310%	292%	326%	310%	300%	305%	300%	331%	309%

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kế toán	◆ Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng ◆ Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI ◆ Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	◆ Hàng ngày ◆ Hàng ngày ◆ Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	◆ Báo cáo dòng tiền đầu ngày ◆ Báo cáo kế hoạch dòng tiền	◆ Hàng ngày ◆ Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	◆ Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách ◆ Báo cáo thanh toán cổ tức ◆ Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh ◆ Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ ◆ Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư ◆ Báo cáo thanh toán bù trừ ◆ Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua ◆ Báo cáo nguồn cho vay margin còn lại	◆ Hàng ngày ◆ Khi có phát sinh ◆ Hàng ngày ◆ Hàng ngày và khi có phát sinh ◆ Khi có phát sinh ◆ Hàng ngày ◆ Khi có phát sinh ◆ Hàng ngày
Quản trị Rủi ro	◆ Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng ◆ Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản ◆ Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền, …)	◆ Hàng tháng ◆ Hàng ngày/Hàng tháng ◆ Hàng tháng

Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro xảy ra trong trường hợp công ty, nhân viên của công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ doanh nghiệp như vi phạm điều lệ công ty, quy trình nghiệp vụ, quy chế, và các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến công ty phải chịu các rủi ro liên quan về mặt pháp lý, tài chính, ảnh hưởng danh tiếng và hoạt động kinh doanh.



Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ, Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm có thể xảy ra.
- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động. Bên cạnh đó, các quy trình nội bộ cũng thường xuyên được kiểm tra, rà soát để đảm bảo cập nhật theo các quy định mới của pháp luật.
- Nâng cao ý thức tuân thủ, tinh thần tự giác của nhân viên bằng cách tăng cường đào tạo về tuân thủ, xây dựng phần mềm đào tạo tuân thủ để đảm bảo tất cả nhân viên có thể tham gia, nhanh chóng tiếp cận với các quy định pháp luật, chính sách nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng các kênh tuyên truyền, bao gồm cả trực tiếp, bảng tin, hệ thống nội bộ, để nhân viên hiểu về trách nhiệm và chủ động tuân thủ. Công tác đào tạo thực hiện bao gồm đào tạo bên ngoài, tham gia các hội thảo, và đào tạo nội bộ. Trong đó, nội dung đào tạo nội bộ được mở rộng từ các chủ đề tổng quan, điển hình như đào tạo quản lý rủi ro, KSNB, phòng chống rửa tiền, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm hành chính, hình sự liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; cũng như đào tạo về các quy trình, quy chế, hướng dẫn nghiệp vụ, các lĩnh vực chuyên môn thuế, kế toán,… Ngoài ra, Công ty thường xuyên cử các cán bộ chuyên trách đến tham gia các buổi hội thảo, đào tạo, đóng góp ý kiến hoặc phổ biến quy định pháp luật của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Duy trì và phát triển chặt chẽ hệ thống ba tuyến phòng thủ, trong đó đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện từ khâu đầu vào, các phòng nghiệp vụ, có sự đánh giá, phân tích của Bộ phận QTRR nhằm khoanh vùng, phân loại những rủi ro tuân thủ, và kiểm soát sau của Bộ phận KSNB và KTNB.
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu và chia sẻ thông tin đối với tất cả nhân viên của Công ty. Theo đó, tất cả các tài liệu nội bộ, quy trình nghiệp vụ hướng dẫn chi tiết và các văn bản pháp luật hiện hành đều được lưu trên thư viện tài liệu mạng nội bộ để toàn thể nhân viên có thể thuận tiện trong việc tra cứu, truy cập và tìm hiểu.
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty. Nghiêm khắc áp dụng kỷ luật đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Hàng năm, dựa vào các dữ kiện, đánh giá rủi ro và định hướng rủi ro, Bộ phận KSNB của Công ty sẽ lên chương trình và kế hoạch kiểm soát để đảm bảo việc kiểm soát được triển khai toàn diện, hạn chế được rủi ro. Năm 2020, với tình hình dịch Covid 19, KSNB đã thực hiện công việc kiểm soát phần lớn bằng hình thức trực tuyến (online) với 33 đợt kiểm soát độc lập tại các bộ phận nhằm mục tiêu kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan để đưa ra sự đảm bảo hợp lý về sự tuân thủ tại tất cả các bộ phận của Công ty. Bên cạnh đó, qua các đợt kiểm soát, dựa vào đánh giá phát triển, KSNB đưa ra các ý kiến tư vấn cho các bộ phận chỉnh sửa quy trình làm việc nhằm đảm bảo ngăn ngừa cũng như phát hiện kịp thời các rủi ro tiềm ẩn. Năm 2020, KSNB tăng cường trao đổi với các cấp quản lý nhằm đưa ra giải pháp xử lý ngay các rủi ro, sai sót một cách triệt để. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng giám đốc, Giám đốc các Khối phụ trách và Phòng Luật của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ. Định kỳ KSNB kết hợp cùng QTRR đã đưa các nội dung về QTRR và hệ thống KSNB đào tạo offline và online đảm bảo toàn bộ nhân viên luôn nâng cao ý thức phòng ngừa rủi ro và tuân thủ quy trình, quy định.



Năm 2020, Bộ phận KTNB đã thực hiện rà soát định kỳ hàng tháng đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và kiểm toán hàng quý đối với báo cáo tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các báo cáo có nội dung, thông tin trung thực, tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Việc KTNB được thực hiện bằng các hình thức kiểm toán thực tế tại đơn vị được kiểm toán, rà soát qua hình thức online đối với các thời điểm hạn chế đi lại do dịch bệnh, thực hiện bảng câu hỏi qua email và phỏng vấn điện thoại nhằm đáp ứng sự giám sát liên tục và kịp thời.

Kết quả KTNB cho thấy các đơn vị được kiểm toán đã tuân thủ tốt và có chiều hướng tích cực hơn năm trước. Các khuyến nghị của KTNB được các đơn vị liên quan tiếp thu và triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được KTNB theo dõi.

KTNB tiếp tục phát huy tốt vai trò phòng ngừa hạn chế rủi ro thông qua việc hỗ trợ các bộ phận rà soát các nghiệp vụ trước, trong và sau khi phát sinh. Việc phòng ngừa rủi ro còn được thực hiện thông qua việc KTNB tham gia đánh giá các tác động của các chính sách kế toán, thuế, tài chính mới ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Năm 2021, KTNB sẽ tiếp tục việc chuyển đổi của phương pháp KTNB nhằm tích hợp phương pháp kiểm toán hiệu quả hoạt động song song với phương pháp kiểm toán theo định hướng rủi ro.

Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2020 và tiếp tục thực hiện trong năm 2021 (bảng 1).

Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty, điển hình là Luật Chứng khoán 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Luật Đầu tư 61/2020/QH14, Bộ luật Lao động 45/2019/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn khác	◆ Cập nhật văn bản pháp luật mới liên quan các hoạt động, nghiệp vụ đến các phòng ban, kể cả các bản dự thảo và văn bản được ban hành chính thức. ◆ So sánh, đối chiếu sự thay đổi của các quy định pháp luật , đánh giá ảnh hưởng của các quy định đến hoạt động của các phòng ban. ◆ Thực hiện rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để có những sửa đổi phù hợp.
2	Sự mâu thuẫn hoặc chưa cụ thể của các quy định	◆ Tổng hợp các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có sự mâu thuẫn, hoặc không được hướng dẫn rõ ràng, cụ thể phát sinh trong hoạt động của các phòng ban nghiệp vụ; ◆ Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty; ◆ Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo.
3	Rủi ro trong quản lý hoạt động cho vay, các cam kết, thỏa thuận, phát sinh cạnh tranh không lành mạnh nguyên nhân xuất phát từ thay đổi của môi trường kinh doanh, đầu tư nước ngoài, dịch bệnh, thị trường chứng khoán điều chỉnh	◆ Thực hiện đầy đủ các cam kết, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết; thương lượng với Đối tác/Khách hàng để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trên tinh thần hợp tác và củng cố mối quan hệ kinh doanh lâu dài, cùng có lợi; ◆ Tuân thủ các chính sách liên quan đến phí, nghiệp vụ cho vay đối với Khách hàng, quản lý chặt hoạt động cho vay.
4	Xung đột lợi ích giữa Công ty – Đối tác/ Khách hàng - Nhân viên	◆ Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; ◆ Xây dựng và áp dụng các chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại; ◆ Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và những người có liên quan.
5	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền (PCRT), đặc biệt là nhận biết khách hàng và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ	◆ Ban hành quy định về PCRT, và hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác PCRT giữa các phòng ban có liên quan; Đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; ◆ Từ chối Khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của pháp luật; ◆ Chủ động phân loại độ rủi ro của Khách hàng trong phòng, chống rửa tiền; ng-hiêm túc việc kiểm tra, đối chiếu tất cả thông tin Khách hàng bao gồm cá nhân và tổ chức với danh sách đen, danh sách cảnh báo (PEP) của Cục PCRT; ◆ Chủ động thông tin, báo cáo cho cán bộ chịu trách nhiệm về PCRT ngay khi phát hiện giao dịch đáng ngờ; ◆ Áp dụng các phương thức nhận biết và xác minh Khách hàng trực tuyến (eKYC); ◆ Thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của Công ty để có những khuyến nghị, thay đổi phù hợp.

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
6	Nhân viên vi phạm quy trình nghiệp vụ	◆ Đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới, đào tạo định kỳ bắt buộc cho tất cả nhân viên; ◆ Bắt buộc thiết lập bước kiểm soát phê duyệt trong các quy trình xử lý công việc; ◆ Rà soát, cập nhật quy trình thường xuyên và khi phát hiện các vi phạm để hoàn thiện quy trình, giảm thiểu rủi ro; ◆ Tăng tần suất KSNB đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro; ◆ Áp dụng hình thức kỷ luật đối với nhân viên vi phạm theo quy định nội bộ của Công ty.
7	Rủi ro tuân thủ pháp luật và hợp đồng khi Công ty áp dụng các hình thức giao dịch trực tuyến khi tình hình dịch bệnh kéo dài và hiện vẫn đang diễn biến phức tạp	◆ Nghiên cứu các quy định về giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến có liên quan, đặc biệt trong các hoạt động như mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến, vấn đề ký hợp đồng điện tử, nhận biết và xác minh Khách hàng trực tuyến; ◆ Tham khảo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, các đối tác cung cấp dịch vụ trực tuyến uy tín, tin cậy để có được giải pháp tối ưu; ◆ Soạn thảo các quy trình liên quan để ràng buộc việc thực hiện một cách chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhân viên, và tạo thuận lợi để Khách hàng thực hiện giao dịch.

Trong năm 2020, cơ chế phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các phòng ban trong Công ty đã đưa ra các giải pháp đồng bộ cũng như nâng cao tần suất kiểm soát trong công tác quản lý. Từ đó góp phần giúp toàn thể nhân viên nâng cao ý thức tự giác, nghiêm túc tuân thủ, hạn chế các hành vi vi phạm có thể xảy ra và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành.



Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro xảy ra từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Đây là một rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín công ty. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do hành vi cố tình vi phạm các quy định pháp lý. Vì vậy, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh như sau:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động,… Phòng Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền đối với những quy định chưa được cụ thể, rõ ràng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các quy định, nhằm đảm bảo cho công tác tuân thủ pháp luật trong nội bộ doanh nghiệp được thực hiện đúng đắn và đầy đủ;
- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng… của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Phòng Luật.
- Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Phòng Luật với các luật sư có chứng chỉ hành nghề, các chuyên viên luật có kinh nghiệm cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết.
- Luật Chứng khoán mới đã được ban hành năm 2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021. Đồng thời, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn trong lĩnh vực chứng khoán cũng đã dần được ban hành. Các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, Phòng Luật đã ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Phòng Luật cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2020, toàn thể nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra, nên Công ty không phát sinh các trường hợp vi phạm các hạn mức rủi ro pháp lý.

Rủi ro thương hiệu

Là một trong những định chế tài chính hàng đầu, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị sản phẩm/ dịch vụ doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt với Công ty. Thương hiệu thường xuyên được liệt kê và đưa vào danh sách các rủi ro mới nổi trong các cuộc khảo sát về rủi ro lớn mà các tổ chức phải đối mặt. Đi cùng với niềm tin, thương hiệu đối với doanh nghiệp chiếm vị thế vô cùng quan trọng tuy nhiên cũng là yếu tố dễ chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài, vì vậy luôn tiềm ẩm các yếu tố về rủi ro. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn để nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty. Đặc biệt với SSI - doanh nghiệp kinh doanh trong ngành Tài chính – Chứng khoán – nơi mà sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Trong Khảo sát Quản lý Rủi ro Toàn cầu của Aon, danh tiếng được xếp hạng là rủi ro hàng đầu mà các công ty dịch vụ chuyên nghiệp phải đối mặt trong năm 2019 và 2020. Được đánh giá là mức độ rủi ro đứng thứ 2 trong bảng khảo sát và xếp thứ 5 tại Châu Á, rủi ro về thương hiệu và danh tiếng còn đặc biệt được những người trả lời khảo sát trong Ngành Giáo dục, Đầu tư, Tài chính, Dược và Hóa phẩm đánh giá là nguy cơ lớn nhất mà họ phải đối mặt. Trong một thế giới ngày càng kết nối và sử dụng nhiều dữ liệu, tin tức về tổn hại danh tiếng có thể lan truyền nhanh chóng thì mức độ tin cậy và tính bảo mật thông tin cần thiết ngày càng được nhấn mạnh và nâng cao hơn. Ngoài ra, danh tiếng của một thương hiệu được phơi bày có những đặc điểm vượt ra ngoài lĩnh vực quản lý rủi ro và liên quan đến văn hóa và đạo đức doanh nghiệp.



Thực tế cho thấy chỉ cần doanh nghiệp phải trải qua một sự kiện có liên quan đến danh tiếng của mình, điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và nhận diện của thương hiệu, và khi kết hợp với vòng tròn tin tức 24/7 của mạng xã hội sẽ đẩy các thương hiệu vào những hiệu ứng tiêu cực lâu dài trong cả nhận thức của xã hội và thị trường. Do đó, điều quan trọng là luôn phải có một kế hoạch ứng phó phù hợp với các lĩnh vực khác nhau và đồng thời, cần quản lý các tác động tức thời và giao tiếp một cách tế nhị và minh bạch với các bên liên quan như Nhân viên, Khách hàng và Công chúng. Chính vì vậy mà SSI luôn xem việc minh bạch từ hoạt động kinh doanh đến công bố thông tin là tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu của mình ngay từ những ngày đầu thành lập.

Thế giới ngày càng bất ổn định với nhiều sự kiện không thể lường trước được sẽ xảy ra. Do đó, rủi ro về thương hiệu là một vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của doanh nghiệp, khi mà doanh nghiệp luôn cần phải có sự chuẩn bị cho khủng hoảng trước khi nó xảy ra. Bất kể trong quá trình QTRR hay khi khủng hoảng về thương hiệu diễn ra, việc giữ thế chủ động là điều vô cùng cần thiết, mà ở đó các yếu tố quan trọng nhất như có cơ chế xử lý khủng hoảng ngay lập tức, nhận thức về tính trung thực, tính minh bạch, sự chủ động cũng như thể hiện trách nhiệm với xã hội là những yếu tố cần thiết hàng đầu. Tại SSI – một doanh nghiệp được định giá thương hiệu lên đến 32,9 triệu USD và trong 5 năm liền từ 2016 đến 2020 là công ty chứng khoán duy nhất nằm trong top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam và top 50 thương hiệu dẫn đầu do tạp chí Forbes Việt Nam công bố; chúng tôi luôn nhận thức rõ những rủi ro có thể xảy ra cho thương hiệu của Công ty, hiểu được tầm quan trọng về vai trò của lãnh đạo và quản trị là phải lường trước và ngăn chặn các hành vi có thể gây tổn hại, từ đó xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách lâu dài với nhiều giải pháp cụ thể qua từng năm.

Danh tiếng của một thương hiệu ảnh hưởng trực tiếp từ cách thức truyền tải những giá trị của Công ty. Chính vì thế, việc truyền đạt các giá trị của Công ty là rất quan trọng, khả năng giao tiếp và thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị của một công ty là yếu tố thúc đẩy danh tiếng hàng đầu. Trước hết là về mặt thống nhất về thông điệp và hình ảnh. SSI hiểu rằng, thương hiệu không chỉ đơn thuần là các hình ảnh, thông tin của Công ty trên các kênh truyền thông đại chúng và nội bộ, mà còn bao gồm chính các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và Khách hàng. Vì thế, tại SSI, mỗi cá nhân, mỗi mắt xích trong tập thể lớn đều là một "đại sứ thương hiệu" để lan tỏa thương hiệu và thông điệp của mình đến Khách hàng và đại chúng. Để làm được điều này SSI luôn cố gắng để những thông điệp đều có sự thống nhất theo đúng chiến lược của Công ty với tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư" cùng định hướng luôn xây dựng SSI là định chế tài chính minh bạch. Trong năm 2020, SSI đã tiến hành rà soát và kiểm định lại hệ thống nhận diện thương hiệu và lên kế hoạch đẩy mạnh cũng như mở rộng các bước thay đổi phù hợp với hoàn cảnh và định hướng mới của Công ty, nhằm củng cố và bảo vệ tốt hơn hình ảnh và giá trị thương hiệu, đồng thời tạo sự nhất quán cho các sản phẩm trí tuệ và dịch vụ của Công ty. Sự thay đổi này cũng tương thích với những phát triển đồng bộ trong hệ thống các sản phẩm đang ngày càng hoàn thiện và mở rộng của SSI.

Trong năm 2020, đã có đến hơn 70.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI, tương đương 54,5% thị phần thảo luận của toàn thị trường. Trong đó, trên báo chí chính thống có gần 700 tin/bài viết về thương hiệu SSI và gần 9.000 các bài báo trích dẫn báo cáo, nhận định từ chuyên gia của SSI. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của các Cổ đông và Nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI. Để có được niềm tin của Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thống nhất, để đưa đến cho Nhà đầu tư và Cổ đông những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc. Điều đó không chỉ thể hiện trách nhiệm mà còn là sự tôn trong giá trị đầu tư của các Cổ đông, Khách hàng. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của Nhà đầu tư, của Khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này không chỉ giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, đây còn là nguồn thông tin quý giá để SSI nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.



Những sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về danh tiếng thông qua việc con người có thể làm cho các tin tức phát tán nhanh hơn, dễ dàng và ít tốn kém hơn. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà một cuộc khủng hoảng về thương hiệu có thể bắt nguồn chỉ bằng một bài viết của một nhân sự trong công ty hoặc chỉ bằng một video ngắn về một sản phẩm lỗi hay từ sự không hài lòng của một khách hàng quen về những trải nghiệm không tốt của một dịch vụ khách hàng. SSI nhận thức được rằng các sự kiện liên quan đến hình ảnh thương hiệu thường đi cùng với rất ít hoặc không có các dự báo trước, vì vậy Công ty luôn cần phải chủ động và xem QTRR thương hiệu là một phần của chiến lược và kế hoạch của Công ty để có thể đưa ra các phản hồi và kế hoạch cho những sự kiện phát sinh bất ngờ. SSI luôn chủ động tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng; các quy trình, quy định, quy chế cụ thể là điều hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, yếu tố linh hoạt và chủ động khi có vấn đề phát sinh đến từ các yếu tố bên ngoài luôn được SSI quán triệt và áp dụng xuyên suốt trong các hoạt động truyền thông của mình. Điều này là vô cùng quan trọng, nhất là khi xã hội và thị trường luôn có sự thay đổi liên tục về phương thức hoạt động hay các yếu tố về dịch bệnh vẫn đang là những vấn đề thách thức nổi cộm không chỉ trong năm 2020 mà cả những năm tiếp theo.



Về kế hoạch truyền thông, hàng năm, SSI đều hoạch định rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. Về các quy định, quy chế, trong năm qua, SSI đã ban hành hàng loạt các văn bản khác nhau như: Quy định về báo cáo và công bố thông tin; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin trên báo chí; Nguyên tắc quản trị sự cố truyền thông; Quy trình sử lý sự cố rò rỉ thông tin (Data leak); Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Tất cả những văn bản này góp phần không nhỏ vào việc định hướng, hướng dẫn người SSI xử lý đúng, tránh và giảm các tác động tiêu cực do sự cố thương hiệu xảy ra.

Bên cạnh việc lên được một hệ quy trình, quy chế hợp lý, việc tuyên truyền để toàn bộ thành viên nắm bắt, thấu hiểu, ghi nhớ và thực hiện theo quy định cũng được SSI triển khai song song. Thông qua hệ thống Elearning, SSI đã triển khai các khóa học như: Khóa học Quản trị rủi ro kiểm soát tuân thủ, bao gồm các nội dung về Đạo đức nghề nghiệp, Phòng chống rửa tiền, Phòng chống rủi ro gian lận; Khóa học đào tạo hội nhập về lịch sử hình thành, các tôn chỉ, mục đích, văn hóa của SSI; Khóa học Đào tạo thương hiệu SSI; Khóa học Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và Khóa đào tạo về trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực chứng khoán. Đây là tiền đề để giúp cho bản thân mỗi người SSI đều nắm vững thông tin, từ đó có cách làm việc, hành xử phù hợp nhất trong mọi trường hợp, giảm thiểu rủi ro cho Công ty và cho chính bản thân.

Rủi ro hệ thống và an toàn thông tin



Năm 2020 trở thành một năm đầy thách thức đối với tất cả các quốc gia trên thế giới do sự bùng phát của Đại dịch Covid-19. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho làm việc tại nhà đã trở thành một yêu cầu thiết yếu đối với các tổ chức nói chung, và SSI nói riêng. Đây cũng là một trong những chủ đề quan trọng trong kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty. Với hạ tầng sẵn có ban đầu chủ yếu cho Công nghệ Thông tin SSI hỗ trợ hệ thống 24/7, Công ty đã nhanh chóng mở rộng để đáp ứng được các yêu cầu truy cập từ xa cũng như giám sát an ninh thông tin cho toàn bộ trên 900 cán bộ, nhân viên. Các hệ thống và dữ liệu phục vụ công việc hàng ngày được sử dụng thông qua ứng dụng web và công nghệ điện toán đám mây. Song song với đó là bộ công cụ hỗ trợ cho cán bộ, nhân viên làm việc từ xa như: Microsoft Teams, SharePoint Online, OneDrive, Cisco Webex, Hệ thống SSI Video Conference, Hệ thống VPNs… Các hoạt động đào tạo, truyền thông cho toàn bộ cán bộ, nhân viên về việc sử dụng hệ thống được triển khai liên tục. SSI cũng thực hiện diễn tập làm việc trực tuyến hoàn toàn cho 3 trụ sở lớn của Công ty, bao gồm cả Hội sở chính. Điều này giảm thiểu đáng kể những ảnh hưởng của dịch bệnh, ngay cả trong những thời điểm có tới 90% nhân sự SSI làm việc tại nhà.

Trong năm 2020, SSI đã đầu tư nâng cấp hệ thống tường lửa cũng như xây dựng các kịch bản để phòng chống tấn công DDoS. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành điều chỉnh chính sách truy cập internet cũng như chuẩn bị hạ tầng công nghệ bảo mật để giám sát và thực thi chính sách này. Về bảo mật cho thiết bị đầu cuối, SSI đã triển khai Hệ thống phát hiện và phản hồi các mối nguy hại tại điểm cuối (EDR), tiến hành phân lớp dữ liệu để quản lý dữ liệu và thông tin trong tổ chức. Song song với đó là việc xây dựng hệ thống quản lý log và sự kiện tập trung để giám sát an toàn thông tin.

Bên cạnh đó, hệ thống chính sách Công nghệ Thông tin, truyền thông về bảo mật thông tin và quản lý tuân thủ cũng được triển khai trong năm 2020. Công việc tiến hành kiểm thử bảo mật thông tin trước khi đưa ứng dụng vào môi trường sản xuất cũng là yêu cầu bắt buộc. Việc tuân thủ các cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) cũng được đảm bảo khi xử lý các sự kiện an ninh thông tin.

Trọng tâm của Công nghệ Thông tin SSI trong năm 2021 là thích ứng với công nghệ mới để phát hiện và chủ động ứng phó với các mối đe dọa bằng cách triển khai tri thức an ninh mạng (Threat Intelligence) và chủ động săn tìm các mối đe dọa (Threat Hunting), từ đó có thể chủ động ngăn chặn sớm các mối đe dọa mới nhất, phức tạp, giảm thiểu ảnh hưởng đến hoạt động của SSI. Song song với đó là việc tiếp tục cập nhật các chính sách về bảo mật cũng như công tác đào tạo thông qua truyền thông nội bộ để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo mật thông tin trong tổ chức.

Rủi ro quản trị nguồn nhân lực

Đối với SSI, nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, là nhân tố tạo nên giá trị khác biệt của Công ty. SSI tiếp tục chú trọng vào việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Năm 2020, quản trị nhân sự tại SSI tiếp tục đối mặt với những thách thức mới, cơ hội mới do bối cảnh kinh doanh mang lại. Khi thị trường nguồn nhân lực cung chưa đủ đáp ứng cầu, các công ty liên tục phải tuyển nhân viên từ đối thủ hoạt động cùng ngành, và bổ sung nhiều nhân sự mới phục vụ những mảng hoạt động kinh doanh mới; việc cạnh tranh về mặt lương thưởng tăng cao, tỷ lệ nghỉ việc, nhảy việc cao là một điều khó tránh khỏi. Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, việc đảm bảo thu nhập, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho mỗi cán bộ, nhân viên là trọng tâm trong công tác quản trị nguồn nhân năm 2020.

Đứng trước những thách thức trong việc duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. SSI hướng tới một hệ thống QTRR nguồn nhân lực toàn diện với các mục tiêu:

Hạng mục quản trị rủi ro	Mục tiêu hướng tới
Chiến lược nhân sự	◆ Đảm bảo chiến lược nhân sự được kết nối với chiến lược chung của SSI và kế hoạch hành động của từng Khối, Bộ phận tạo ra giá trị cho tổ chức; ◆ Thích ứng và linh hoạt với những biến động của rủi ro hoạt động, thị trường nguồn lực; ◆ Đảm bảo hoạch định và sử dụng nguồn lực của tổ chức phù hợp, hiệu quả theo từng giai đoạn; ◆ Đảm bảo các hoạt động quản trị phát triển tổ chức dài hạn, quản trị được rủi ro trong các giai đoạn chuyển giao đội ngũ.
Chính sách của Nhà nước và Pháp luật Lao động Việt Nam	◆ Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước liên quan tới lao động; ◆ Quản trị các rủi ro liên quan tới Người lao động khi chính sách mới của Nhà nước ban hành.
Chính sách nhân sự	◆ Tuân thủ các mô hình QTRR chung tại SSI, và đồng bộ với các chính sách liên quan để tạo ra hiệu quả.
Vận hành	◆ Thiết lập các công cụ và hệ thống quản lý thông tin nhân sự hiệu quả, chính xác; ◆ Xây dựng mô hình dự phòng (back-up) ở các Bộ phận khi có rủi ro về nhân sự; ◆ Tối ưu các thủ tục nhân sự, giảm thiểu các rủi ro do thủ tục vận hành; ◆ Vận dụng đúng đắn Luật Lao động vào quản lý; ◆ Truyền thông các thông điệp quản trị đúng đắn, rõ ràng, minh bạch.
Tài chính	◆ Hiệu quả chi phí nhân sự; ◆ Đãi ngộ đúng người, gắn đãi ngộ với thành tích và kết quả thực hiện công việc

Theo đó, Công ty đã lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.

Hoạt động quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Lương thưởng và chế độ phúc lợi	Ảnh hưởng tài chính	◆ Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi; ◆ Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định.
		◆ Kiểm soát ngân sách để đảm bảo chính sách được duyệt không vượt quá ngân sách đã định;
Tuyển dụng	Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng	◆ Quy trình và tiêu chí sàng lọc xét chọn hồ sơ và tuyển dụng cần được tuân thủ áp dụng với tất cả các ứng viên tiềm năng.
	Tuyển chọn sai đối tượng	◆ Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc.
	Uy tín và danh tiếng tuyển dụng	◆ Thực hiện đúng những điều kiện/ cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Môi trường làm việc	◆ Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp; ◆ Năm 2020 khi Đại dịch Covid-19 bùng phát, SSI đã cung cấp nước rửa tay kháng khuẩn, khẩu trang y tế tới nhân viên, khách hàng khi đến công ty làm việc ngay từ thời điểm đầu. Định kỳ theo tuần, các văn phòng được phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Máy lọc không khí được trang bị như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho cán bộ nhân viên; ◆ Tuân thủ theo Luật an toàn, vệ sinh lao động Nhà nước ban hành.
	Sức khỏe người lao động	◆ Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết; ◆ Tuân thủ luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế để đảm bảo cho người lao động trong các trường hợp được hưởng đầy đủ quyền lợi theo từng chế độ được nhà nước quy định, đặc biệt là các chế độ ốm đau, thai sản… ◆ Duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động với quyền lợi cao, cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo và hỗ trợ về mặt tài chính cho người lao động đủ điều kiện khám chữa bệnh trọng điều kiện tốt. Một điểm vượt trội của chương trình bảo hiểm bổ sung SSI đó là có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến dịch bệnh mà Covid-19 không phải một ngoại lệ; ◆ Đặc biệt với năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, sức khỏe của người lao động luôn được đặt lên hàng đầu. Khi Việt Nam phát hiện bệnh nhân đầu tiên nhiễm Covid-19, Công ty đã ngay lập tức triển khai các phương án cho 50%, thậm chí có những thời điểm là 90% nhân sự làm việc tại nhà để đảm bảo an toàn cho người lao động, tuân thủ quy định giãn cách xã hội của Nhà nước và vẫn song song duy trì được hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Quản lý nhân viên	Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/ đào tạo cần thiết để thực hiện công việc	◆ Tất cả các nhân viên trong Công ty đều được đào tạo định hướng nhằm cung cấp các thông tin đầu vào sơ bộ hỗ trợ nhân viên khi bắt đầu làm việc. Trong suốt quá trình làm việc các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo (on-the-job training) và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
	Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc	◆ Tất cả vị trí trong công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống Đánh giá Hiệu quả Công việc (PMS) và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhân viên Môi giới được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm.
	Dự phòng nhân sự	◆ Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa hoặc thay thế tạm thời trong trường hợp vắng mặt.
	Thiếu hụt nhân sự	◆ Mở rộng đa dạng hình thức và kênh tuyển dụng với mô tả và yêu cầu của mỗi vị trí rõ ràng; ◆ Củng cố chính sách đãi ngộ tổng thể khuyến khích và gắn kết quyền lợi người lao động với kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chính sách lương, thưởng và chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi; ◆ Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ để xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc; xây dựng đội ngũ kế cận.
	Vi phạm quy tắc đạo đức	◆ Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm.
	Bảo mật thông tin cá nhân	◆ Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền; ◆ Mọi nhân viên đều được ký Hợp đồng Lao động và Thỏa thuận Bảo mật đầy đủ khi làm việc tại doanh nghiệp.
Đối với nhân viên nghỉ việc	Thất thoát tài sản của Công ty	◆ Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin).
	Danh tiếng Công ty	◆ Tiến hành phỏng vấn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của công ty.



Đối với SSI, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. SSI đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Bộ phận Nhân sự cũng thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ: Tuyển dụng, Đào tạo, Điều chuyển, Bổ nhiệm.

Bên cạnh đó, kênh Truyền thông Nội bộ được duy trì để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự.Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, SSI tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.

Kế hoạch 2021

Trong năm 2021, hoạt động QTRR sẽ tiếp tục được nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như thực tế kinh doanh của SSI.

Với đội ngũ nhân sự, hệ thống mạng lưới chi nhánh, cũng như số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là một loạt các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ, dự kiến trong năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, từ yếu tố bên ngoài liên quan đến dịch bệnh Covid-19 và từ con người.

Bên cạnh đó, các yếu tố rủi ro, biến động bất ngờ từ bên ngoài như dịch bệnh Covid-19, từ các thảm họa tự nhiên, chiến tranh làm cho rủi ro thị trường tăng cao, và có thể dẫn tới những đợt biến động giá mạnh trên toàn thị trường, hoặc tại một số cổ phiếu hay nhóm ngành cụ thể. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn tới rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, chứng khoán phái sinh, và chi phí phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm cũng sẽ tăng cao.

Với sự tăng trưởng mạnh của dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ bên cạnh đó nguồn vốn còn được phân bổ cho một số hoạt động kinh doanh khác nhau một cách linh hoạt để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, thì vẫn tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2021 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa cùng với việc tiếp tục tiến hành các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình. Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Bộ phận QTRR sẽ phối hợp với Bộ phận Đầu tư đưa ra ý kiến đánh giá và cảnh báo rủi ro cho các hoạt động đầu tư Giấy tờ có giá.

Bộ phận QTRR sẽ phối hợp với Bộ phận Kinh doanh Chứng quyền tiến hành hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm cũng như giảm thiểu chi phí phòng ngừa rủi ro.

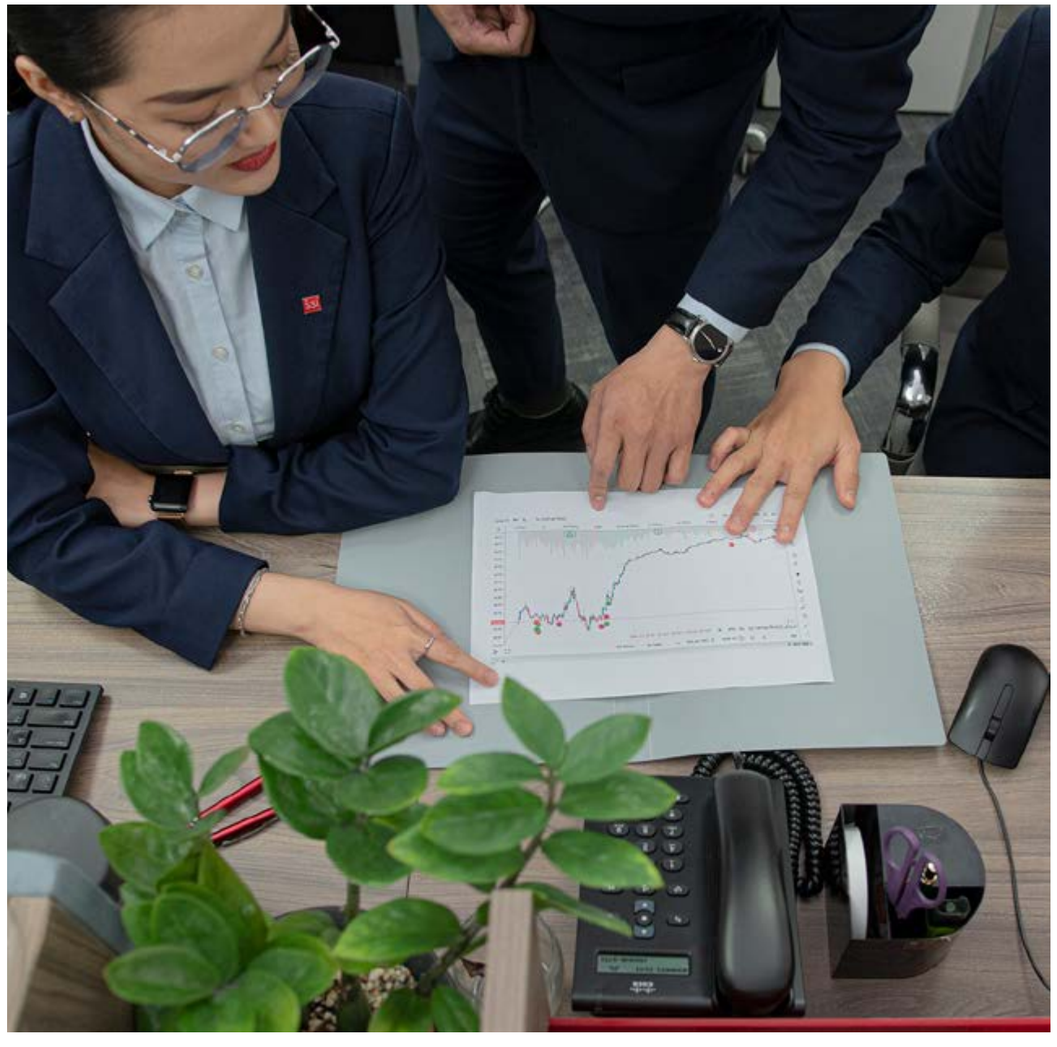
Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo Công ty luôn có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ và không xảy ra rủi ro thanh khoản, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác.

Khó khăn khi thực hiện hoạt động QTRR

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp Lãnh đạo cũng như Nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đang phát triển trên thế giới cũng như dần được xem trọng hơn tại Việt Nam, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn đa chiều, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn cần cải thiện.

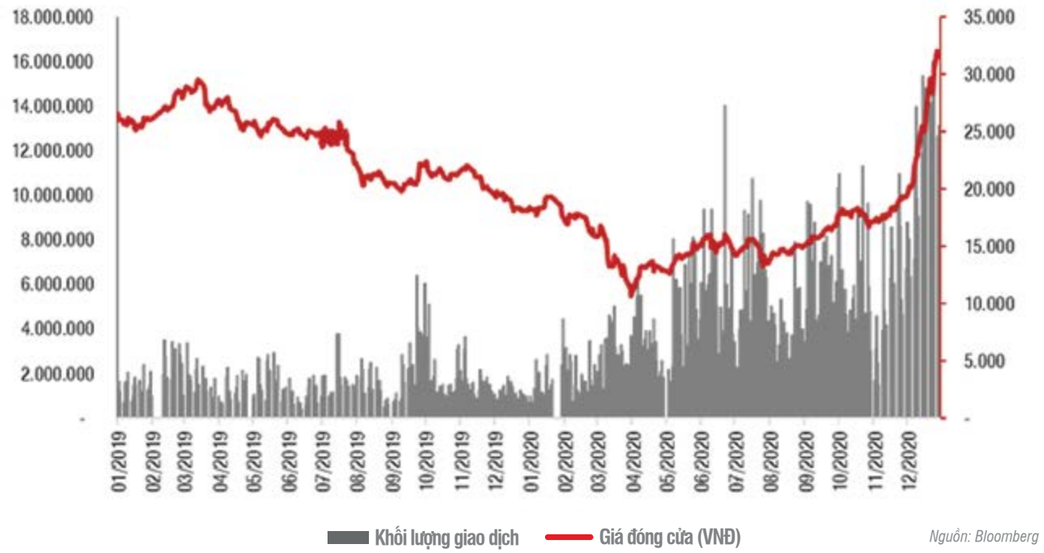
Thế giới cũng như Việt Nam đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang việc áp dụng Công nghệ (Chuyển đổi số) vào trong mọi hoạt động kinh doanh nên sẽ phát sinh nhiều hơn các rủi ro mới liên quan đến hệ thống công nghệ mà đòi hỏi nhà QTRR phải có kiến thức sâu hơn về công nghệ. Bên cạnh đó, các rủi ro ngoài khả năng dự đoán của con người như thiên tai, dịch bệnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn gây ra các rủi ro đột ngột và khó chống đỡ.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu năm 2020

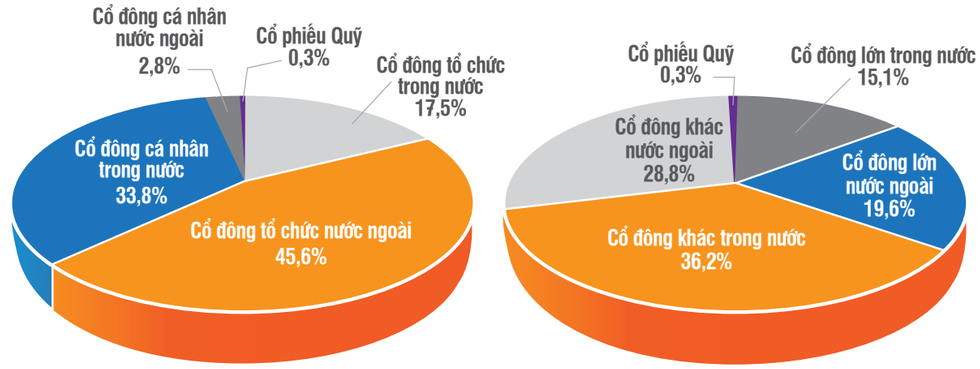
Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2019 - 2020



Nguồn: Bloomberg

Mã chứng khoán niêm yết	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2020)	602.945.613 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2020)	599.014.915 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2020)	3.930.698 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2020)	33.100 VNĐ/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	20/07/2020
Ngày đăng ký cuối cùng	21/07/2020
Ngày thực hiện thanh toán	31/07/2020
Chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu	16% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 16 cổ phiếu mới)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	09/04/2020
Ngày đăng ký cuối cùng	10/04/2020
Số lượng cổ phiếu đã phân phối	82.881.929 cổ phiếu
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP năm 2019	100.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	15/01/2020
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Tạm ứng cổ tức năm 2020	Không có tạm ứng cổ tức năm 2020

Cơ cấu Cổ đông



Số liệu tại ngày 08/12/2020

Nguồn: SSI

Thông tin cổ đông lớn *(Sở hữu từ 5% trở lên)*

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	55.905.882	9,27%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	118.294.620	19,62%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	35.326.713	5,86%
Tổng cộng			**209.527.215**	**34,75%**

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 602.945.613 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 08/12/2020.
Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.

Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư năm 2020

Với mục tiêu "tối đa hóa lợi ích cổ đông", SSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận thêm nhiều nhà đầu tư tiềm năng trong năm, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Bảo vệ quyền lợi và tối đa hóa lợi ích cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi Cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các Cổ đông luôn được công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho Cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử SSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của Cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của Cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sỡ hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông. Đặc biệt trong năm 2020, Công ty đã tiến hành thành công đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vào tháng 03/2020, và cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 10% vào cuối tháng 7. SSI tự hào là một trong số rất ít các doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 có đủ khả năng chi trả cổ tức với tỉ lệ lớn, cũng như duy trì tỉ lệ cổ tức tiền mặt ổn định trong nhiều năm, đảm bảo thu nhập cho cổ đông đặc biệt trong khủng hoảng kinh tế do Đại dịch Covid-19.

Minh bạch hóa thông tin & chủ động kết nối với cộng đồng đầu tư

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư, tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trong năm 2020, những nỗ lực thích ứng nhanh với thời cuộc, tiên phong hướng dẫn chuyển đổi số của SSI đã mang lại hiệu quả, sự hài lòng và tiện lợi cho Cổ đông. Minh chứng rõ ràng nhất chính là việc tổ chức thành công ĐHĐCĐ với hình thức trực tuyến của Công ty. Với hơn 20.000 cổ đông, cơ cấu đa dạng, bao gồm cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước, ĐHĐCĐ trực tuyến của SSI đảm bảo mọi Cổ đông với thiết bị kết nối internet đơn giản đều có cơ hội tham gia theo dõi, thảo luận và thực hiện bầu cử/ biểu quyết trên hệ thống online. Điều này đã giúp xoá bỏ những khó khăn, thu hẹp khoảng cách địa lý và thu hút sự chú ý của giới đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để họ tham dự ĐHĐCĐ, đặc biệt trong bối cảnh hạ chế đi lại do Đại dịch Covid-19. Rào cản về ngôn ngữ cũng được SSI tính đến và tiến hành song song 2 ngôn ngữ Anh – Việt, đem lại nhiều sự lựa chọn cho cổ đông.

Bên cạnh đó, trong năm vừa qua, Công ty tiếp tục duy trì nhiều cuộc họp trực tuyến với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v…

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng cổ đông qua email và qua sự kiện cập nhật kết quả kinh doanh dành cho các Quỹ đầu tư (earnings call), giúp Cổ đông và Nhà đầu tư tiềm năng dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những bản tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang Thông tin Điện tử SSI tại địa chỉ www.ssi.com.vn với giao diện hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật, là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp Nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v… từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng nhà đầu tư nước ngoài tại một số thị trường trọng điểm.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với Công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như “Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN”, hay tài liệu “Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất” do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, 4 khía cạnh mà SSI đã thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây là: Quyền của Cổ đông (đạt 21/21 tiêu chí cấp 1), Đối xử bình đẳng với Cổ đông (đạt 15/15 tiêu chí cấp 1), Vai trò với các bên liên quan (đạt 11/13 tiêu chí cấp 1) và Công bố thông tin minh bạch (đạt 31/32 tiêu chí cấp 1). Sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, SSI đã chủ động xây dựng Quy chế về Quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành rộng rãi trong năm 2018. Quy chế này được tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, theo đó có quy định chi tiết về quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng với Cổ đông trong các hoạt động, cùng các vấn đề liên quan tới thành viên HĐQT/BKS và hoạt động của HĐQT/ BKS.

Đối với khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, năm 2020 SSI đã có những thay đổi tích cực, đạt nhiều tiêu chí hơn so với những năm trước đó. Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt và thành lập Tiểu ban Kiểm toán thay thế cho Ban kiểm soát, đồng thời bổ nhiệm 02 thành viên HĐQT độc lập là trưởng ban và thành viên của Tiểu ban này. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty này không những đáp ứng được yêu cầu của các quy định pháp luật, mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Cùng với Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược Phát triển được thành lập năm 2019 với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. Đặc biệt cũng trong năm 2020, HĐQT SSI chính thức thông qua quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Nam giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 01/08/2020. Ông Nguyễn Duy Hưng tiếp tục giữ cương vị Chủ tịch HĐQT và trực tiếp phụ trách Tiểu ban Chiến lược Phát triển. Việc bổ nhiệm này nhằm phân công lại nhiệm vụ, theo đó, Chủ tịch HĐQT tập trung phát triển chiến lược dài hạn, Tổng giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động, bám sát vào chiến lược đã đề ra, củng cố và khẳng định vị trí công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Việc tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc không chỉ nhằm hướng tới kiện toàn mô hình quản trị theo chuẩn mực hiện đại, mà còn được kỳ vọng là thay đổi cần thiết trong bối cảnh có nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh hiện nay. Điều này sẽ giúp SSI giữ được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn, tiếp tục triển khai chiến lược hoạt động, chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mang tính tiên phong, đi kèm với vận dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động, mạng lại những giá trị tốt nhất cho Khách hàng, Cổ đông và Nhân viên công ty.

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, và Thư ký Công ty đều đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Đại diện phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty cũng đã hoàn tất “Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3” (DCP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức tháng 8/2019.

6 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Với tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công", SSI luôn coi việc đem lại hiệu quả tối ưu và lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Đối tác, Cộng sự, Cổ đông và Cộng đồng chính là thành công của Công ty. Đặc biệt, trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều thử thách đến từ biến động kinh tế vĩ mô, Thị trường Chứng khoán dự báo sẽ tiếp tục dao động trong biên độ rộng, cùng sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các công ty chứng khoán trong và ngoài nước, hơn bao giờ hết SSI cần lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế."

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**, SSI luôn coi việc đem lại hiệu quả tối ưu và lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Đối tác, Cộng sự, Cổ đông và Cộng đồng chính là thành công của Công ty. SSI nhận thức được rằng, một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ tập trung vào những mục tiêu phát triển đơn lẻ, ngắn hạn mà không quan tâm tới sự tăng trưởng dài hạn đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều thử thách đến từ biến động kinh tế vĩ mô, TTCK dự báo sẽ tiếp tục dao động trong biên độ rộng trong những năm vừa qua, cùng sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các công ty chứng khoán trong và ngoài nước, hơn bao giờ hết SSI cần lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Vì vậy, định hướng chiến lược trong dài hạn của SSI chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty song hành cùng với sự phát triển bền vững của Thị trường Tài chính Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho Xã hội, bên cạnh đó không bỏ qua vai trò của từng cá nhân trong Công ty trong công cuộc bảo vệ môi trường.

Năm 2020, SSI tiếp tục triển khai định hướng chiến lược phát triển bền vững nói trên, cân đối giữa các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường và ghi nhận những thành tích tốt. Kết quả kinh doanh vượt trội, đạt 166% kế hoạch về doanh thu và 179% kế hoạch về lợi nhuận khiến Công ty tiếp tục nằm trong nhóm Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho ngân sách Nhà nước và tạo ra giá trị bền vững cho Cổ đông. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của kinh tế - xã hội như: hoạt động tư vấn doanh nghiệp huy động vốn được triển khai mạnh mẽ, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng Thị trường Chứng khoán và tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới, nâng cấp những sản phẩm hiện có nhằm nâng cao sự hài lòng Khách hàng. Việc làm và đãi ngộ hợp lý cho Người lao động được đảm bảo như khi dịch bệnh chưa xảy ra, giúp nhân viên và gia đình duy trì điều kiện sống ổn định; các hoạt động đào tạo – tuyển dụng cũng được chú trọng, duy trì và ngay lập tức chuyển đổi hình thức từ trực tiếp sang trực tuyến. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị công ty hiệu quả theo chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, lấy sự minh bạch là phương châm trong hoạt động giúp SSI quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ tốt, đảm bảo quyền lợi và công bằng cho Cổ đông. Với cam kết "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng", năm 2020 SSI cũng chủ động chung tay cùng Cộng đồng trong các hoạt động phòng, chống, cũng như khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh; song song với đầu tư và xây dựng các chương trình phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính không trực tiếp có tác động tới môi trường, SSI tự nhận thức được mình cần phải có những đóng góp cho môi trường vì một tương lai bền vững, thông qua tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường; dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

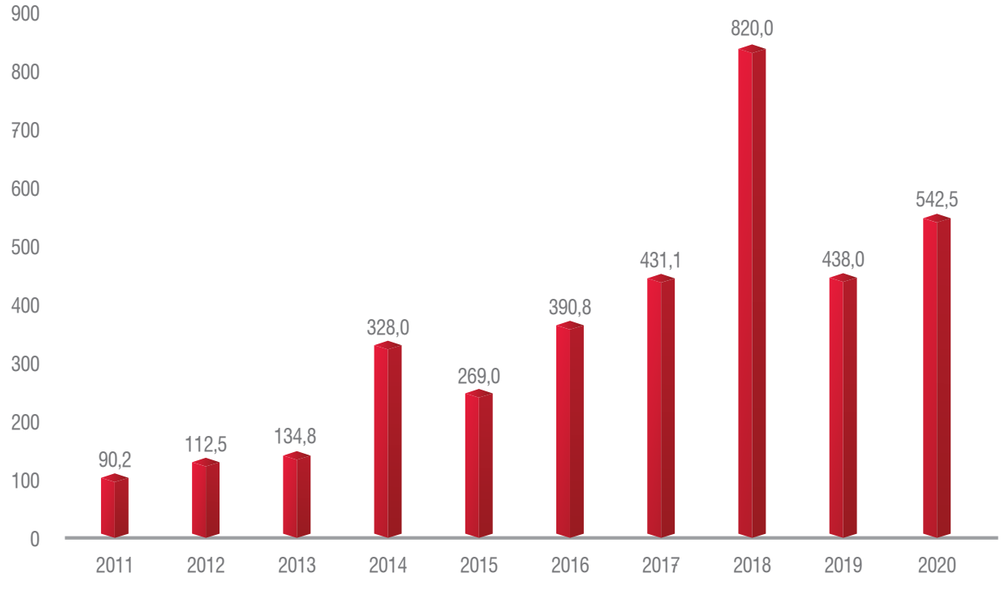
Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) là bức tranh tổng quát thể hiện các công bố, xem xét và đánh giá lại hoạt động phát triển bền vững của SSI theo định hướng chiến lược đối với các vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được lập độc lập thay vì tích hợp cùng báo cáo thường niên SSI, theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) – phiên bản mới nhất **GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi**. Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được SSI chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố, đánh giá các đóng góp về mặt kinh tế, môi trường, xã hội; một phần giúp ban lãnh đạo xác định rõ kế hoạch hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của Cổ đông, Nhà đầu tư; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.

Phần tiếp theo của Báo cáo Thường niên chỉ trình bày một số hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội – cộng đồng nổi bật của SSI trong năm 2020.

Tích cực xây dựng Thị trường & Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là công ty dẫn đầu trong ngành chứng khoán.

Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 10 năm liên tiếp

Chủ động tham gia xây dựng thị trường



Với vị thế là Công ty Chứng khoán số 1 phát triển song hành cùng TTCK Việt Nam, trong nhiều năm qua, SSI không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan, mà còn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường.

Trong năm 2020, Công ty đã tham gia đóng góp ý kiến cho các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 cũng như Luật Doanh nghiệp 2020 và nhiều dự thảo văn bản pháp luật khác nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho TTCK cụ thể: Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019; Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh; Nghị định về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng; Thông Tư hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư thay thế Thông tư 87/2017/TT ngày 15/8/2017 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính; Thông tư hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; Thông tư Hướng dẫn giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp,chứng quyền có bảo đảm được niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; Thông tư về hoạt động của Công ty Chứng khoán; Thông tư hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên TTCK.

Bên cạnh đó, SSI và SSIAM đều là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, với đại diện tham gia Ban chấp hành Hiệp hội, là thành viên nòng cốt tại các Câu lạc bộ trực thuộc như Câu lạc bộ Luật, Câu lạc bộ Tư vấn Đầu tư, Câu lạc bộ Đào tạo. Công ty cũng là thành viên tích cực của Ban công tác Thị trường Vốn, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Câu lạc bộ Quản lý Quỹ Việt Nam, Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thông qua việc đóng góp ý kiến đối với các văn bản Luật, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật và tham gia vào các tổ chức, hiệp hội nêu trên, SSI có thể chủ động đóng góp, đưa ra các giải pháp mới giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn. Những giải pháp này liên quan đến nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư cá nhân về TTCK Việt Nam, định hướng nhà đầu tư hướng tới tư duy đầu tư dài hạn thông qua đầu tư vào các chứng chỉ quỹ mở hoặc những kênh đầu tư mang tính chất tích lũy tài sản; cùng các cơ quan quản lý định hướng sản phẩm mới và đa dạng các kênh phân phối.

Tích cực chia sẻ thông tin thị trường, cơ hội đầu tư thông qua truyền thông & các hội thảo

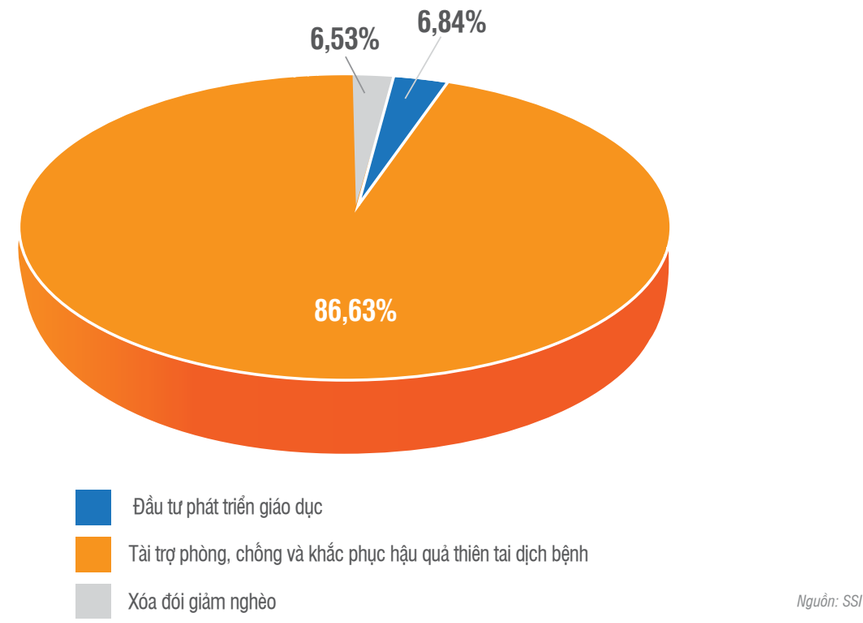
Hoạt động dựa trên nguyên tắc bảo vệ khách hàng tránh thất thoát tài sản, xây dựng một TTCK minh bạch, năm 2020, SSI tiếp tục tổ chức các chuỗi hội thảo trực tuyến, cũng như tích cực chia sẻ thông tin thị trường thông qua các cơ quan truyền thông.

Năm 2020 là một năm đặc biệt, với sự tham gia rầm rộ của đối tượng nhà đầu tư mới có tên gọi nhà đầu tư F0. Để việc chào đón đối tượng này được hiệu quả, ngoài những tiện ích mới được Công ty giới thiệu, SSI đã và đang tiếp tục đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí và truyền thông trong và ngoài nước để tăng cường nhận thức của Cộng đồng về các vấn đề liên quan đến thị trường, đóng góp sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam. Công ty luôn chủ động liên hệ cùng các cơ quan báo chí để kịp thời chia sẻ các báo cáo vĩ mô, báo cáo thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, báo cáo ngành do đội ngũ Chuyên gia Phân tích SSI thực hiện. Bên cạnh đó, công ty cũng định kỳ tham gia vào các bản tin tài chính của các cơ quan truyền thông lớn như VTV1, Thời báo tài chính, Truyền hình Quốc hội v.v… nhằm kịp thời đưa tin, xây dựng lòng tin cho Nhà đầu tư vào thị trường, đặc biệt là vào những giai đoạn thị trường có nhiều biến động. Năm 2020, số lượng tin bài SSI xuất bản và phối hợp cùng các cơ quan thông tấn báo chí lớn nhất trên thị trường, với gần 11.000 bài báo, đặc biệt chú trọng vào các phần nhận định thị trường.

Hoạt động vì Cộng đồng

100 tỷ VNĐ là con số ngân sách mà SSI đã dành cho các hoạt động cộng đồng trong 21 năm qua. Nỗ lực khởi xướng, tài trợ và đóng góp vào nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tập trung vào các hoạt động mang tính bền vững, có tác động lâu dài cho sự phát triển của nhiều tỉnh thành, địa phương Việt Nam. Từ năm 2006 đến 2019, xấp xỉ 57% dành cho tài trợ phát triển giáo dục thông qua các hoạt động xây trường, hỗ trợ các em học sinh nghèo vượt khó, tài trợ học bổng, tặng xe đạp v.v…; đi đầu triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân sản xuất kinh doanh như tặng bò, tặng lợn, thiết bị định vị cho ngư dân. Năm 2020 là một năm đầy thách thức cho toàn xã hội nói chung và nhiều tỉnh thành nói riêng không chỉ vì Đại dịch Covid-19 hoành hành, mà nhiều địa phương còn chịu mất mát to lớn do thiên tai bão lũ gây ra. Chính vì thế, sự chung tay của mỗi doanh nghiệp với cộng đồng là một cách để giảm thiểu được phần nào sự mất mát, xoa dịu những nỗi đau của người dân địa phương.

Phân bổ chi phí hoạt động cộng đồng của SSI năm 2020



Nguồn: SSI

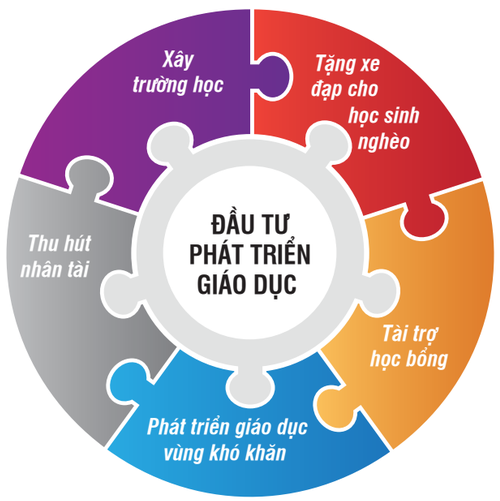
Tài trợ và khắc phục hậu quả dịch bệnh

Là đơn vị luôn tiên phong trong việc đồng hành cùng Chính phủ trước những vấn đề nóng của xã hội, khi Đại dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam, SSI đã ngay lập tức tài trợ 5 tỷ VNĐ tới các đơn vị, cá nhân đang trực tiếp làm công tác phòng chống dịch, chữa trị bệnh, những khu vực đang phải cách ly, và những trường hợp đang được điều trị bệnh cần sự giúp đỡ. Bên cạnh tài trợ trực tiếp bằng tiền, SSI song hành cùng các địa phương hướng về các đối tượng chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh giai đoạn hậu giãn cách thông qua tổ chức cây ATM tặng gần 60 tấn gạo cho nhiều địa phương trải dài các miền trong năm 2020. Với quyết tâm đồng lòng cùng Chính phủ và hưởng ứng lời kêu gọi “không để ai bị bỏ lại phía sau trong cuộc chiến với dịch Covid-19”, để cổ vũ kiều bào ta ở nước ngoài gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch, Công ty đã tài trợ 150.000 khẩu trang vải kháng khuẩn cho Ủy ban người Việt Nam tại nước ngoài của Bộ ngoại giao.

Đầu tư phát triển giáo dục

Đây là ưu tiên hàng đầu của SSI trong tôn chỉ Hoạt động vì cộng đồng. SSI tin rằng ươm mầm giáo dục chính là bước đi đúng đắn nhất để Việt Nam có những thế hệ kế cận vững chắc cho tương lai đất nước.

Chính vì vậy, hỗ trợ đầu tư phát triển giáo dục được SSI thực hiện qua nhiều hoạt động phong phú và hiệu quả.



Các dự án xây trường

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để tiếp tục mở rộng, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước.



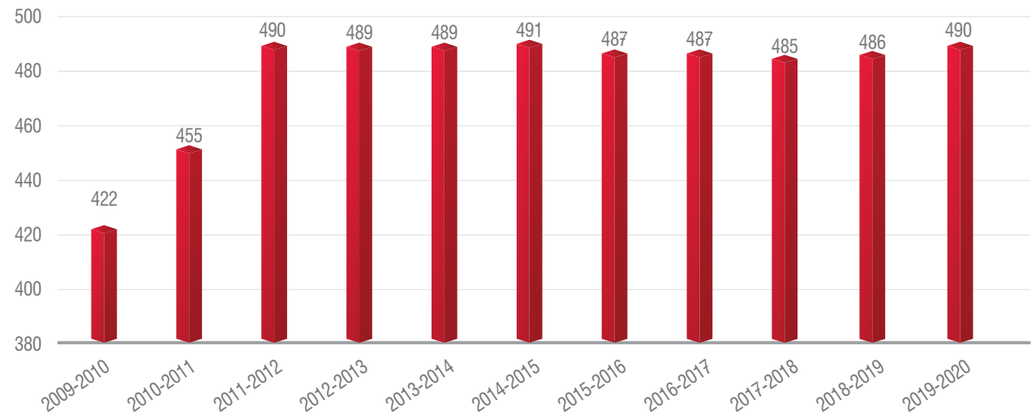
5 Trường Trung học Phổ thông Dân tộc Nội trú tại các tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Bắc Kạn, Lào Cai.

1 Trường Phổ Thông Dân tộc Nội Trú THCS& THPT tại Bắc Hà, Lào Cai

4 Trường Mầm Non, Trung học cũng là nơi tránh lũ tại các tỉnh Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Đức Thọ (Hà Tĩnh)

Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục cho địa phương, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vốn thiếu thốn các điều kiện học tập hơn so với các khu vực khác.

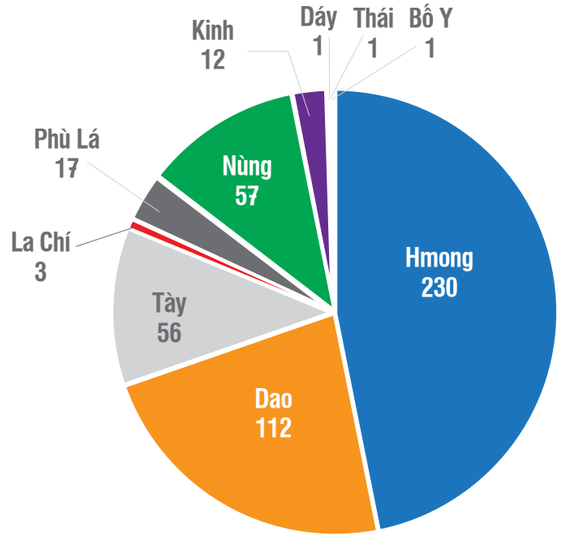
Tổng số lượng học sinh qua các năm trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà



Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà

Kể từ ngày thành lập, Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà đã có những từng bước hoàn thiện sứ mệnh giáo dục của mình và là ngôi nhà lớn thứ 2 của tỉnh Lào Cai dành cho học sinh dân tộc thiểu số sinh sống và học tập cấp THCS, THPT. Tại đây rất nhiều học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (Dao, Giáy, Hmông, La Chi, Nùng, Phù Lá, Tày, Thái, Bố Y), các em kiên trì theo học đến hết cấp, số lượng học sinh giữa các khối đồng đều và nhiều em đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp, một số em còn tham gia chương trình vừa học vừa làm tại địa phương. Không chỉ là cánh cửa mở ra tương lai đối với từng em học sinh, đây còn là những bước đi nền tảng đầu tiên cho việc đem lại nguồn nhân lực được đào tạo bài bản cho địa phương trong tương lai.

Tỷ lệ học sinh các dân tộc trong trường HKI năm học 2020-2021



Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà

Số học sinh đi học đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp trong 5 năm học gần đây nhất

Năm học	Số học sinh tốt nghiệp THPT	Học sinh tốt nghiệp vào đại học	Học sinh tốt nghiệp vào cao đẳng	Học sinh tốt nghiệp được học trung cấp và đào tạo nghề	Số học sinh được đào tạo sau khi tốt nghiệp THPT
2015-2016	70	10	5	5	35 (50%)
2016-2017	70	10	10	20	55 (78,6%)
2017- 2018	68	7	16	14	47 (69,1%)
2018 – 2019	68	7	17	20	44 (64,7%)
2019-2020	70	10	19	22	51 (73%)

Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà



Phát triển thu hút nhân tài

Với nhận thức phát triển xã hội luôn phải đi kèm với phát triển giáo dục, và một nền kinh tế muốn phát triển phải đặt giáo dục hàng đầu. Trong nhiều năm qua, việc ươm mầm cho các ước mơ đến trường còn được SSI kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH thông qua việc trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi., SSI đã tài trợ gần 1.3 tỷ VNĐ trong 4 năm cho các sinh viên 6 trường đại học lớn tại Hà Nội để các em có thể yên tâm tiếp tục học tập, rèn luyện, sẽ có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau. Năm 2020, SSI lại tiếp tục cuộc hành trình ươm mầm nhân tài khi tài trợ học bổng thạc sĩ cho một số học viên cao học viện John Von Neumann – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Với phương châm dành nhiều quan tâm đến thế hệ kế cận của đất nước, đặt biệt là nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, SSI đã dành ra ngân sách trên 500 triệu VNĐ trong năm 2020 để tài trợ cho các cuộc thi dành cho sinh viên tại các trường đại học lớn như: Cuộc thi Bản lĩnh Nhà đầu tư cho sinh viên Học viện Ngân hàng Hà Nội, Cuộc thi Đấu trường Tài chính cho sinh viên Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, hay Cuộc thi Nhà đầu tư sinh viên với Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng thời, SSI cũng hỗ trợ các trường đại học tại Hà Nội, Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh đưa ứng dụng giao dịch chứng khoán giả lập iWin, ứng dụng mô phỏng giao dịch thị trường chứng khoán cơ sở và phái sinh, vào chương trình học liên quan đến tài chính – chứng khoán. Công ty tích cực đồng hành cùng Quỹ hỗ trợ Tài năng trẻ Việt Nam, với mục tiêu giúp đỡ các tài năng trẻ tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như phát hiện, cổ vũ và hỗ trợ đối với những thanh thiếu niên có năng khiếu, tạo nguồn đào tạo nhân tài trên các lĩnh vực, nhất là đối với những tài năng trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh đó, SSI trong nhiều năm đã đồng hành cùng Hội Thanh niên – Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ, đinh hướng nghề nghiệp và chung tay phát triển những ý tưởng kinh doanh của các bạn sinh viên để có thể áp dụng vào thực tế. Công ty là nhà tài trợ thường niên cho Cuộc thi VietChallenge để ủng hộ sứ mệnh nuôi dưỡng và phát triển các công ty khởi nghiệp có tính đột phá, cạnh tranh cao, góp phần giải quyết các thách thức của nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Từ năm 2015 đến 2020, SSI cũng đồng hành cùng Chương trình “Vòng tay nước Mỹ” – Hội thảo nghề nghiệp thường niên của Hội Thanh niên - Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ. Không chỉ tài trợ chi phí để các em có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, Công ty còn cử các lãnh đạo cao cấp tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Các hoạt động này không chỉ thể hiện được trách nhiệm của SSI với thế hệ doanh nghiệp trẻ mà còn là hành động trực tiếp đóng góp vào lời kêu gọi xây dựng Quốc gia khởi nghiệp của Chính phủ Việt Nam. Từ những bước đi nhỏ bé, Công ty tiếp tục có những kế hoạch hỗ trợ, đầu tư trong những năm tới để hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam.

Các chương trình tài trợ giáo dục cho các khu vực khó khăn

Đối với hoạt động phát triển giáo dục ở các khu vực khó khăn, SSI càng dành sự quan tâm sâu sắc. Đặc biệt đối với những trường học ở các tỉnh vùng cao phía Bắc – địa bàn gặp nhiều bất lợi do địa hình và khí hậu khắc nghiệt, SSI thường xuyên quan tâm bằng những chương trình thiết thực, phần nào giúp học sinh và thầy cô giáo khắc phục những khó khăn trong học tập, giảng dạy và cuộc sống như tài trợ áo ấm, chăn đệm, thực phẩm cho học sinh và giáo viên trường PTDT Bán trú THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Động ,tỉnh Bắc Giang; Tài trợ kinh phí xây nhà ăn bán trú cho trường Trường tiểu học Gia Phú 5, Thôn Nậm Trà, Xã Gia Phú, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai v.v…

Một trong những hoạt động được SSI tham gia trong nhiều năm chính là đồng hành cùng với Báo Công an Nhân dân tặng xe đạp cho các em thiếu nhi vùng sâu vùng xa, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo hiếu học trên địa bàn cả nước. Với điều kiện sinh hoạt, học tập còn thiếu thốn, nhiều em học sinh phải đi bộ những quãng đường hơn mười cây số với ước mơ tiếp cận được







con chữ. Song song với việc tạo điều kiện cho các em thiếu nhi có phương tiện để đi học, SSI trong năm 2020 đã tăng cường tài trợ cho Đoàn cơ sở cùng Thông tấn xã tặng tủ sách cho nhiều trường học nhằm phát triển văn hóa đọc, nâng cao dân trí và thổi luồng ánh sáng tri thức đến cộng đồng. Cùng với đó, SSI luôn có đóng góp vào các chương trình tài trợ để tuyên dương những bạn học sinh, sinh viên tiêu biểu và đặc biệt là các thanh niên dân tộc thiểu số xuất sắc tiêu biểu hằng năm như một lời khẳng định sự đóng góp đầu tư cho thế hệ trẻ của SSI là rất đúng đắn, và quan trọng hơn tất cả là thành quả của sự ươm mầm cho một thế hệ tương lai tươi sáng.

Phòng chống, khắc phục thiên tai

Việt Nam có địa hình biến đổi phức tạp từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, trải dài bên thềm lục địa biển Đông nên thường xuyên đối mặt với những thách thức thiên tai. Hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai luôn là ưu tiên của Đảng và Chính phủ trong công cuộc xây dựng đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phòng chống thiên tai, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động tài trợ phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước. Một dự án nổi bật được SSI bắt đầu thực hiện là Chương trình Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai và Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 9 tỉnh duyên hải miền Trung.

Những chương trình tài trợ từ SSI là sự ủng hộ thiết thực đối với các địa phương, giúp người dân và cơ quan chức năng trên địa bàn kịp thời ứng phó trước những thách thức thiên tai thường xuyên rình rập.



Trong 2020, tiếp tục thực hiện phong trào " Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau" do Thủ tướng chính phủ phát động và lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận tổ quốc về việc vận động ủng hộ xây dựng nhà ở cho người ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, SSI đã tài trợ tỉnh Hà Tĩnh 10 tỷ đồng để xây dựng nhà cộng đồng chống lũ cho bà con, tạo điều kiện và động lực để người dân vươn lên thoát nghèo và cùng với chính quyền xây dựng một khối đại đoàn kết dân tộc ngày một vững mạnh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Những dự án xây nhà chống lũ cộng đồng, nhà chống lũ cho dân tại Hà Tĩnh là một ví dụ, không chỉ giúp người dân có thêm địa điểm an toàn khi mùa lũ hàng năm về mà còn góp phần tạo lập không gian sinh hoạt văn hoá, nâng cao đời sống người dân.

Xóa đói giảm nghèo, chung tay khắc phục các khó khăn

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, SSI luôn quan tâm đến các vấn đề hỗ trợ cộng đồng nhằm giúp cho người dân có thêm kiến thức và cải tạo môi trường lao động, sản xuất kinh tế. Cũng chính vì vậy mà trong nhiều năm liền, các hoạt động xóa đói giảm nghèo luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của SSI. Những dự án mà SSI lựa chọn luôn là những dự án mang tính giá trị bền vững, giúp cho địa phương và người dân có thêm nguồn lực để phát triển kinh tế, có thể kể đến như xây dựng và đầu tư hơn 5,3 tỷ VNĐ cho Chương trình Bê tông hóa các tuyến đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Mỹ Hạnh Nam – huyện Đức Hòa – tỉnh Long An, góp phần giúp xã thực hiện một trong những tiêu chí quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới (2017 – 2020) ; tặng hơn 3300 con lợn nái giống 9 huyện biên giới tỉnh Cao Bằng phát triển kinh tế gia đình (2018) v.v…

Nếu những năm trước là SSI tập trung hỗ trợ bà con bám biển bằng cách tài trợ máy định vị cho tàu cá, hỗ trợ ngư dân v.v... thì riêng trong năm 2020, Công ty tập trung vào những dự án nhằm phát triển cộng đồng tại những khu vực chịu nhiều thiên tai và ảnh hưởng bởi dịch bệnh với tổng kinh phí tài trợ hơn 2 tỷ VNĐ. Không chỉ giúp người dân các địa phương xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả của thiên tai và dịch bệnh đồng thời phát triển kinh tế, SSI còn dành sự quan tâm đặc biệt đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm, SSI đều phối hợp với Trung tâm phát huy Bình An thuộc tổ chức Bạn trẻ em đường phố (FFSC) tặng quà và tổ chức tiệc vui trung thu cho các em kém may mắn ở TP. HCM do Trung tâm bảo trợ. Năm 2020, thông qua Trung tâm, SSI đã ủng hộ cho các em hàng ngàn phần quà bánh, hàng trăm phần gạo và nước mắm, góp phần mang đến cho các em ở xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh một mùa Trung thu rộn ràng niềm vui.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2020

THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.029.456.130.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp và một (01) công ty liên kết.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Viết Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019

Ban Kiểm soát và Ủy Ban kiểm toán

Các thành viên Ban Kiểm soát và Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên	Được bầu ngày 20 tháng 4 năm 2018

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã thông qua việc thay đổi cơ cấu quản lý tổ chức Công ty theo mô hình hoạt động có Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị và không còn Ban Kiểm soát. ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm toàn bộ thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 27 tháng 6 năm 2020.

Theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 10 năm 2020, Hội đồng quản trị đã quyết định bổ nhiệm các thành viên của Ủy ban Kiểm toán gồm có:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Ngô Văn Điểm	Trưởng Ủy ban	Được bầu ngày 09 tháng 10 năm 2020
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	Được bầu ngày 09 tháng 10 năm 2020

Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 8 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/22067128-HN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 89, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bà **Đặng Phương Hà**
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Bà **Trần Thị Thu Hiền**
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

B01-CTCK/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**29.040.031.499.577**	**22.290.867.181.933**
110	**I. Tài sản tài chính**		**28.888.812.866.430**	**22.255.950.496.752**
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	363.251.901.483	1.040.782.610.354
111.1	*1.1. Tiền*		*231.971.207.727*	*260.631.829.536*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*131.280.693.756*	*780.150.780.818*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	13.252.453.509.081	4.315.244.773.067
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	5.591.644.622.570	10.721.931.457.865
114	4. Các khoản cho vay	7.4	9.226.158.205.627	5.359.342.228.084
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	185.676.629.818	760.042.115.504
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(48.240.749.680)	(41.167.505.065)
117	7. Các khoản phải thu		386.397.528.485	350.542.969.287
117.1	*7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính*	*9*	*304.395.057.166*	*330.068.529.950*
117.2	*7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*9*	*82.002.471.319*	*20.474.439.337*
117.4	*7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*82.002.471.319*	*20.474.439.337*
118	8. Trả trước cho người bán	9	199.102.556.297	10.347.795.737
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	28.545.600.378	43.254.069.829
122	10. Các khoản phải thu khác	9	5.199.604.454	3.903.875.134
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(301.376.542.083)	(308.273.893.044)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**	**10**	**151.218.633.147**	**34.916.685.181**
131	1. Tạm ứng		9.485.824.434	8.518.495.603
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		757.153.145	1.265.969.684
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		26.367.151.317	20.490.357.667
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.091.082.550	967.194.260
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		112.517.421.701	3.674.667.967

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.729.496.508.663**	**4.753.247.842.980**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		6.249.810.538.455	4.238.855.852.478
212	1. Các khoản đầu tư	11	6.249.810.538.455	4.238.855.852.478
212.1	*1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*		*5.464.741.128.665*	*3.444.540.512.534*
212.3	*1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*		*785.069.409.790*	*794.315.339.944*
220	II. Tài sản cố định		148.288.324.557	147.012.729.467
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	98.435.823.134	96.560.532.972
222	*1.1. Nguyên giá*		*228.179.821.517*	*205.908.680.507*
223a	*1.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(129.743.998.383)*	*(109.348.147.535)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	49.852.501.423	50.452.196.495
228	*2.1. Nguyên giá*		*139.400.618.752*	*128.489.848.227*
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(89.548.117.329)*	*(78.037.651.732)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**196.767.751.014**	**205.776.532.750**
231	1. Nguyên giá		277.373.066.215	278.276.169.317
232a	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(80.605.315.201)	(72.499.636.567)
240	**IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	**15**	**43.076.046.646**	**29.450.054.289**
250	**V. Tài sản dài hạn khác**		**91.553.847.991**	**132.152.673.996**
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	16	17.467.595.615	28.140.461.156
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	17	25.668.947.928	37.088.043.669
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	13.417.304.448	31.924.169.171
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**35.769.528.008.240**	**27.044.115.024.913**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**25.896.730.955.921**	**17.643.055.244.708**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		**25.823.378.537.838**	**16.409.540.660.284**
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	23.351.486.249.171	15.550.226.155.457
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*23.351.486.249.171*	*15.550.226.155.457*
315	2. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	22	1.146.531.254.012	-
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23	217.446.795.784	30.254.764.400
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	24	31.320.947.588	30.031.870.403
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.702.194.419	5.121.736.077
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	112.846.025.401	59.461.134.912
323	7. Phải trả người lao động		27.144.111.212	27.172.101.519
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		6.885.052	398.826.652
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	80.266.400.011	98.991.141.743
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		81.615.385	335.220.000
328	11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.508.975.000	1.231.190.000
329	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	622.409.550.039	343.356.873.373
331	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		228.627.534.764	262.959.645.748
340	**II. Nợ phải trả dài hạn**		**73.352.418.083**	**1.233.514.584.424**
345	1. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	22	-	1.105.937.946.170
351	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	28	52.987.159.357	51.187.159.357
356	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	18	20.365.258.726	76.389.478.897
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**9.872.797.052.319**	**9.401.059.780.205**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**9.872.797.052.319**	**9.401.059.780.205**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.138.044.019.034	5.224.760.213.535
411.1	*1.1. Vốn góp của chủ sở hữu*		*6.029.456.130.000*	*5.100.636.840.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*6.029.456.130.000*	*5.100.636.840.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*29.470.756.034*	*29.470.756.034*
411.3	*1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn*		*113.779.095.785*	*113.779.095.785*
411.5	*1.4. Cổ phiếu quỹ*		*(34.661.962.785)*	*(19.126.478.284)*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	(4.722.276.606)	259.495.169.033
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		39.377.296.810	40.382.194.252
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		522.187.344.649	477.303.674.335
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		437.679.749.965	392.796.079.651
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	29.1	2.676.816.162.826	2.941.467.041.881
417.1	*6.1 Lợi nhuận đã thực hiện*		*2.660.148.273.194*	*3.194.600.794.526*
417.2	*6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*16.667.889.632*	*(253.133.752.645)*
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		63.414.755.641	64.855.407.518
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**35.769.528.008.240**	**27.044.115.024.913**

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		4.158.365.047	3.769.847.570
005	Ngoại tệ các loại	30.1		
	USD		*6.464.712,88*	*6.838.499,50*
	EUR		*123,41*	*34.334,41*
	GBP		*129,64*	*37.140,64*
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	29.4	599.014.915	508.054.676
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	29.4	3.930.698	2.009.008
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.2	955.105.300.000	996.565.190.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	30.3	10.481.380.000	10.480.260.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	30.4	19.521.900.000	2.370.800.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.5	5.723.795.030.000	4.689.910.260.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		290.000	60.000
014	Chứng quyền (số lượng)		79.533.420	6.440.710
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	30.6	56.041.719.348.000	47.970.765.433.700
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*46.235.417.609.100*	*40.264.432.904.400*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*637.211.680.000*	*609.448.260.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*7.585.201.590.000*	*6.311.732.090.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*292.252.970.000*	*457.518.280.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*1.291.635.498.900*	*327.633.899.300*
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30.7	625.891.680.000	382.623.990.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*573.756.680.000*	*330.441.990.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*51.990.000.000*	*52.037.000.000*
022.4	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ*		*145.000.000*	*145.000.000*
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30.8	1.232.619.088.600	278.568.854.100
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	30.9	51.572.580.000	35.217.990.000

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	30.10	38.864.880.000	97.275.710.000
026	Tiền gửi của khách hàng		4.812.384.222.934	2.531.793.630.697
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	4.372.810.873.724	2.065.881.233.987
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	30.11	407.563.136.036	415.120.594.227
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	19.711.153.662	3.790.098.239
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30.12	12.299.059.512	47.001.704.244
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.13	4.780.374.009.760	2.481.001.828.214
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*4.203.647.551.737*	*1.986.051.905.846*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*576.726.458.023*	*494.949.922.368*
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	30.14	95.000	46.112.406.060
034	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30.15	12.298.964.512	889.298.184

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

B02-CTCK/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.779.378.324.384	699.017.696.118
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*680.564.940.707*	*342.884.965.809*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*		*687.399.813.784*	*247.811.017.254*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*31.4*	*394.982.988.385*	*82.344.443.777*
01.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*16.430.581.508*	*25.977.269.278*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.4	850.012.190.191	991.168.158.800
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.4	525.089.898.914	677.893.533.729
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	31.4	232.822.214.148	83.305.018.553
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		797.332.768.673	582.055.105.212
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		32.749.530.273	28.835.160.883
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		10.815.655.122	11.896.315.358
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		36.844.064.402	33.598.654.678
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		54.335.094.105	59.178.614.910
11	10. Thu nhập hoạt động khác	33	47.421.327.751	68.029.860.956
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**4.366.801.067.963**	**3.234.978.119.197**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.003.133.839.651	382.539.570.887
21.1	*1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*537.916.604.389*	*133.240.447.325*
21.2	*1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*		*405.750.139.075*	*232.329.833.598*
21.3	*1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*2.992.990.085*	*2.045.881.138*
21.4	*1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*56.474.106.102*	*14.923.408.826*
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		13.351.221.324	93.932.433
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	32	444.411.131	11.501.372.858
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		23.565.226.687	11.147.672.149
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	625.814.988.058	555.493.733.108
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34	8.317.086.067	15.040.853.528
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34	18.976.542.088	21.502.445.834
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	34	32.491.874.038	27.540.046.739
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	34	39.188.162.483	17.444.386.941
32	10. Chi phí hoạt động khác	34,35	136.512.419.528	128.703.913.660
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**1.901.795.771.055**	**1.171.007.928.137**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		28.659.748.695	435.548.098
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		12.996.728.146	20.355.221.628
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		13.701.612.484	-
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		153.395.462.497	45.715.512.161
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**36**	**208.753.551.822**	**66.506.281.887**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		12.458.888.106	19.611.726.414
52	2. Chi phí lãi vay		829.431.323.089	804.176.964.572
55	3. Chi phí tài chính khác		95.254.840.329	14.832.880.334
60	**Cộng chi phí tài chính**	**37**	**937.145.051.524**	**838.621.571.320**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**38**	**184.156.140.350**	**193.238.253.772**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**1.552.457.656.856**	**1.098.616.647.855**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		5.273.691.839	7.067.722.985
72	Chi phí khác		178.063.632	160.809.383
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**39**	**5.095.628.207**	**6.906.913.602**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**1.557.553.285.063**	**1.105.523.561.457**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.271.395.655.560	1.096.044.544.091
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		286.157.629.503	9.479.017.366
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**40**	**301.621.466.108**	**198.426.585.426**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.1	267.248.078.434	178.677.854.956
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	40.2	34.373.387.674	19.748.730.470
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**1.255.931.818.955**	**907.096.976.031**
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		1.257.372.470.832	909.201.424.728
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		83.436.396.535	63.212.220.608
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(1.440.651.877)	(2.104.448.697)
300	**XI. THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41.42	(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**(264.217.445.639)**	**(18.305.849.993)**
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
402	Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		-	-
500	**XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**1.173.936.074.297**	**845.989.204.120**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	43	1.955	1.430
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	44	1.936	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty, sau khi trình bày lại, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

B03b-CTCK/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**1.557.553.285.063**	**1.105.523.561.457**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(851.455.330.268)**	**(678.421.272.086)**
03	Khấu hao TSCĐ		52.843.245.737	42.893.121.783
04	Các khoản dự phòng		621.466.516	11.018.850.000
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(44.551.479.388)	17.056.026.742
06	Chi phí lãi vay		829.431.323.088	804.176.964.572
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(764.452.541.360)	(774.694.168.490)
08	Dự thu tiền lãi		(924.978.788.358)	(778.607.342.006)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(368.556.503)	(264.724.687)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**475.518.411.116**	**247.834.697.715**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		462.224.245.177	247.253.242.424
13	(Hoàn nhập)/lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay		(57.055.385)	487.522.858
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		13.351.221.324	93.932.433
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(932.193.919.274)**	**(338.723.940.585)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(703.830.395.292)	(273.788.286.532)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(227.713.523.982)	(64.935.654.053)
21	Lãi khác		(650.000.000)	-
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**249.422.446.637**	**336.213.046.501**
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(8.102.003.145.355)	(729.085.956.938)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(557.961.407.547)	4.229.718.616.954
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(3.866.815.977.543)	607.308.957.855
34	Giảm tài sản tài chính AFS		21.534.578.342	78.382.883.185
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		25.673.472.784	(32.459.239.600)
37	Giảm/(tăng) phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		14.695.260.532	(13.207.552.407)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(189.797.939.746)	7.289.774.317
40	Tăng các tài sản khác		(109.301.266.026)	(3.197.509.012)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(20.841.702.356)	4.016.053.385
42	Giảm chi phí trả trước		5.532.176.405	4.098.023.681
43	Thuế TNDN đã nộp		(241.876.959.980)	(188.842.598.770)
44	Lãi vay đã trả		(786.712.994.161)	(785.493.060.119)
46	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(21.855.684.883)	13.783.587.876
47	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(391.941.600)	337.843.700
48	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		28.021.945.639	(381.456.456)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
49	Giảm phải trả người lao động		(28.038.880)	(15.641.179.696)
51	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		440.444.778.883	(1.174.336.966.748)
52	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		875.074.126.310	759.147.775.250
	Tiền lãi đã thu		*863.450.756.377*	*758.905.743.250*
	Tiền thu khác		*11.623.369.933*	*242.032.000*
53	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.406.850.916)	(48.988.451.366)
60	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(12.273.595.123.461)**	**3.048.662.591.592**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(59.039.058.233)	(66.733.065.297)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		1.551.381.817	195.590.907
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(6.500.000.000.000)	(14.361.716.475.830)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		10.129.251.671.300	7.535.549.999.996
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		706.398.742.493	689.687.634.935
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**4.278.162.737.377**	**(6.203.016.315.289)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	-
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(15.535.484.501)	(10.392.739.400)
73	Tiền vay gốc		128.576.092.718.449	99.271.540.327.215
73.2	*Tiền vay khác*		*128.576.092.718.449*	*99.271.540.327.215*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(120.743.657.624.735)	(95.172.222.925.624)
74.3	*Tiền chi trả gốc vay khác*		*(120.743.657.624.735)*	*(95.172.222.925.624)*
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(598.997.932.000)	(506.668.467.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**7.317.901.677.213**	**3.582.256.195.191**
90	**(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**(677.530.708.871)**	**427.902.471.494**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**1.040.782.610.354**	**612.880.138.860**
101.1	Tiền		260.896.554.224	309.402.953.426
101.2	Các khoản tương đương tiền		780.150.780.818	300.016.438.018
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(264.724.688)	3.460.747.416
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**363.251.901.483**	**1.040.782.610.354**
103.1	Tiền		232.339.764.230	260.896.554.224
103.2	Các khoản tương đương tiền		131.280.693.756	780.150.780.818
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(368.556.503)	(264.724.688)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		175.004.650.211.723	111.778.721.464.215
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(175.052.653.309.811)	(116.443.977.480.681)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		179.140.089.460.808	142.304.726.898.463
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD ((giảm)/tăng)		(7.557.458.194)	(195.785.169.452)
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(173.690.555.564.960)	(136.436.782.295.947)
09	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(24.601.768.778)	(24.180.754.186)
12	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		258.519.494.358	1.146.416.738.816
13	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3.347.300.472.909)	(2.880.802.190.594)
20	**Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm**		**2.280.590.592.237**	**(751.662.789.366)**
30	**II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG**		**2.531.793.630.697**	**3.283.456.420.063**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.531.793.630.697	3.283.456.420.063
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.481.001.828.214	3.277.099.541.551
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		415.120.594.227	610.905.763.675
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		3.790.098.239	4.553.932.668
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		47.001.704.244	1.802.945.844
40	**III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20 + 30)**		**4.812.384.222.934**	**2.531.793.630.697**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		4.812.384.222.934	2.531.793.630.697
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	4.780.374.009.760	2.481.001.828.214
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		407.563.136.036	415.120.594.227
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	19.711.153.662	3.790.098.239
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	30.12	12.299.059.512	47.001.704.244

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

B04-CTCK/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019	Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.235.152.952.935	5.224.760.213.535	(10.392.739.400)	-	913.283.805.499	-	5.224.760.213.535	6.138.044.019.034
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*29.2*	*5.100.636.840.000*	*5.100.636.840.000*	-	-	*928.819.290.000*	-	*5.100.636.840.000*	*6.029.456.130.000*
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		*29.470.756.034*	*29.470.756.034*	-	-	-	-	*29.470.756.034*	*29.470.756.034*
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn		*113.779.095.785*	*113.779.095.785*	-	-	-	-	*113.779.095.785*	*113.779.095.785*
1.4. Cổ phiếu quỹ		*(8.733.738.884)*	*(19.126.478.284)*	*(10.392.739.400)*	-	*(15.535.484.501)*	-	*(19.126.478.284)*	*(34.661.962.785)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		412.057.165.307	477.303.674.335	65.246.509.028	-	44.883.670.314	-	477.303.674.335	522.187.344.649
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		327.549.570.623	392.796.079.651	65.246.509.028	-	44.883.670.314	-	392.796.079.651	437.679.749.965
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		277.801.019.026	259.495.169.033	99.860.975.189	(118.166.825.182)	30.859.762.724	(295.077.208.363)	259.495.169.033	(4.722.276.606)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		41.038.039.125	40.382.194.252	-	(655.844.873)	-	(1.004.897.442)	40.382.194.252	39.377.296.810
6. Lợi nhuận chưa phân phối		2.795.105.924.402	2.941.467.041.881	1.177.293.799.693	(1.030.932.682.214)	1.746.848.419.947	(2.011.499.299.002)	2.941.467.041.881	2.676.816.162.826
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*29.1*	*3.056.176.268.973*	*3.194.600.794.526*	*901.594.482.802*	*(763.169.957.249)*	*992.892.632.395*	*(1.527.345.153.727)*	*3.194.600.794.526*	*2.660.148.273.194*
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*29.1*	*(261.070.344.571)*	*(253.133.752.645)*	*275.699.316.891*	*(267.762.724.965)*	*753.955.787.552*	*(484.154.145.275)*	*(253.133.752.645)*	*16.667.889.632*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		66.959.856.215	64.855.407.518	-	(2.104.448.697)	-	(1.440.651.877)	64.855.407.518	63.414.755.641
TỔNG CỘNG		**9.155.664.527.633**	**9.401.059.780.205**	**1.397.255.053.538**	**(1.151.859.800.966)**	**2.780.759.328.798**	**(2.309.022.056.684)**	**9.401.059.780.205**	**9.872.797.052.319**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019	Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	277.801.019.026	259.495.169.033	99.860.975.189	(118.166.825.182)	30.859.762.724	(295.077.208.363)	259.495.169.033	(4.722.276.606)
TỔNG CỘNG		**277.801.019.026**	**259.495.169.033**	**99.860.975.189**	**(118.166.825.182)**	**30.859.762.724**	**(295.077.208.363)**	**259.495.169.033**	**(4.722.276.606)**

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.029.456.130.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 909 người (31 tháng 12 năm 2019: 966 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.029.456.130.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 9.872.797.052.319 VND, và tổng tài sản là 35.769.528.008.240 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UB-CK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 38/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2013	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh số 4557/UB-CK-QLQ ngày 24 tháng 7 năm 2018	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	343 tỷ VND	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) công ty liên kết sở hữu gián tiếp được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 20 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 21). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.163.585.800.000

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của Công ty là 1.255.931.818.955 VND, tăng 38% (tương ứng mức tăng 348.834.842.924 VND) so với năm 2019, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường tăng mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng ở mức 37%, tương ứng với mức tăng 215.277.663.461 VND, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới chỉ tăng 13% tương ứng với giá trị là 70.321.254.950 VND.
- Thị trường chứng khoán tăng mạnh vào nửa cuối năm 2020, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 155% tương ứng với mức tăng là 1.080.360.628.266 VND so với năm 2019, trong khi lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL chỉ tăng với giá trị 620.594.268.764 VND. Lãi từ tài sản tài chính AFS tăng 179% tương ứng mức tăng 149.517.195.595 VND so với cùng kỳ.

1. Cơ sở trình bày

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán việt nam

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT- BTC.

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc

  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;

- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn lũy kế;

- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);

- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.15 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.18 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.19 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp lãi suất thực tế. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.22.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.24 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.25 Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.26 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.27 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.28 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.30 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.31 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.32 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền	231.971.207.727	260.631.829.536
Tiền mặt tại quỹ	*1.523.360.961*	*263.347.161*
Tiền gửi ngân hàng	*230.447.846.766*	*260.368.482.375*
Các khoản tương đương tiền	131.280.693.756	780.150.780.818
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	*131.280.693.756*	*780.150.780.818*
Tổng cộng	**363.251.901.483**	**1.040.782.610.354**

Trong số các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có 100.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành.

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	**1.048.063.784**	**160.562.587.330.717**
Cổ phiếu	433.562.076	12.294.701.615.521
Trái phiếu	465.340.856	129.056.721.430.923
Chứng khoán khác	149.160.852	19.211.164.284.273
b. Của nhà đầu tư	**20.339.274.504**	**849.165.380.917.561**
Cổ phiếu	19.775.837.851	419.196.549.053.985
Trái phiếu	19.106.000	2.055.264.967.636
Chứng khoán khác	544.330.653	427.913.566.895.940
Tổng cộng	**21.387.338.288**	**1.009.727.968.248.278**

7. Các loại tài sản tài chính

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu và chứng khoán khác niêm yết (1)	**1.509.746.467.717**	**1.546.091.942.060**	**1.672.963.319.466**	**1.447.285.043.650**
HPG	95.660.359.949	103.497.375.450	179.508.676.258	183.250.791.000
FPT	73.847.343.900	79.197.605.100	159.446.563.013	178.218.144.500
ELC	87.623.997.200	37.700.705.870	191.238.144.589	52.962.725.140
PLX	88.242.019.220	93.835.942.200	370.076.019.330	341.475.456.000
TDM	62.363.706.603	59.603.855.000	57.128.699.880	46.585.619.000
MWG	32.119.701.765	32.753.739.700	2.769.525.621	2.707.386.000
OPC	169.857.155.480	203.169.116.500	163.914.646.949	157.071.600.000
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	900.032.183.600	936.333.602.240	548.881.043.826	485.013.322.010
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**497.988.719.529**	**525.040.743.600**	**147.825.259.973**	**148.166.359.500**
HPG	119.366.528.685	129.145.682.100	18.404.132.189	18.814.335.000
FPT	23.445.299.072	25.143.917.700	25.783.439.996	28.818.914.300
VHM	73.445.353.414	78.661.550.000	15.560.689.439	15.196.160.000
MBB	40.205.038.732	41.310.001.000	24.218.098.386	23.022.979.200
STB	56.953.396.377	59.450.144.000	-	-
Cổ phiếu khác	184.573.103.249	191.329.448.800	63.858.899.963	62.313.971.000
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) chưa niêm yết	**54.082.228.373**	**34.525.310.285**	**399.114.275.313**	**386.642.357.221**
CCQ SSIBF	-	-	40.000.000.000	47.085.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	54.082.228.373	34.525.310.285	359.114.275.313	339.557.357.221
Trái phiếu chưa niêm yết (2)	**2.282.847.114.683**	**2.282.847.114.683**	**791.847.533.546**	**791.847.533.546**
Chứng chỉ tiền gửi (3)	**8.863.948.398.453**	**8.863.948.398.453**	**1.541.303.479.150**	**1.541.303.479.150**
Tổng cộng	**13.208.612.928.755**	**13.252.453.509.081**	**4.553.053.867.448**	**4.315.244.773.067**

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có 1.800.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 18.000.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 6.500 trái phiếu có giá trị mệnh giá là 2.000.000.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(3) Trong số Chứng chỉ tiền gửi thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 336 chứng chỉ tiền gửi có giá trị mệnh giá là 8.750.000.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.2 Tài sản tài chính AFS

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	**-**	**-**	**251.088.814.728**	**591.104.213.600**
HAH	-	-	26.089.965.620	11.392.969.200
Cổ phiếu niêm yết khác	-	-	224.998.849.108	579.711.244.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**	**178.515.646.904**	**168.937.901.904**
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300
CTCP ConCung	55.073.516.809	55.073.516.809	42.241.999.000	42.241.999.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	82.864.726.598	77.194.191.709	82.864.726.604	73.286.981.604
Tổng cộng	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**	**429.604.461.632**	**760.042.115.504**

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	5.591.644.622.570	10.721.931.457.865

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có 5.200.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 292.550.000.000 VND được dùng để đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành.

7.4 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (4)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (4)
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	9.012.433.408.635	8.982.336.808.955	5.285.813.165.409	5.255.659.510.344
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	213.422.988.773	213.422.988.773	49.029.062.675	49.029.062.675
Các khoản khác (3)	301.808.219	301.808.219	24.500.000.000	24.500.000.000
Tổng cộng	**9.226.158.205.627**	**9.196.061.605.947**	**5.359.342.228.084**	**5.329.188.573.019**

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 8.842.174.140.000 VND và 6.038.522.587.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 27.102.717.665.700 VND và 16.095.323.713.650 VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ký gửi bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu.

(4) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá		
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	**13.208.612.928.755**	**129.157.925.401**	**(85.317.345.075)**	**13.252.453.509.081**	**4.553.053.867.448**	**36.744.185.844**	**(274.553.280.225)**	**4.315.244.773.067**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết	1.509.746.467.717	101.897.135.034	(65.551.660.691)	1.546.091.942.060	1.672.963.319.466	25.940.820.150	(251.619.095.966)	1.447.285.043.650
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	497.988.719.529	27.260.790.367	(208.766.296)	525.040.743.600	147.825.259.973	3.718.365.694	(3.377.266.167)	148.166.359.500
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	54.082.228.373	-	(19.556.918.088)	34.525.310.285	399.114.275.313	7.085.000.000	(19.556.918.092)	386.642.357.221
Trái phiếu chưa niêm yết	2.282.847.114.683	-	-	2.282.847.114.683	791.847.533.546	-	-	791.847.533.546
Chứng chỉ tiền gửi	8.863.948.398.453	-	-	8.863.948.398.453	1.541.303.479.150	-	-	1.541.303.479.150
AFS	**191.347.164.707**	-	**(5.670.534.889)**	**185.676.629.818**	**429.604.461.632**	**354.712.424.223**	**(24.274.770.351)**	**760.042.115.504**
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	251.088.814.728	354.712.424.223	(14.697.025.351)	591.104.213.600
Cổ phiếu chưa niêm yết	191.347.164.707	-	(5.670.534.889)	185.676.629.818	178.515.646.904	-	(9.577.745.000)	168.937.901.904
Tổng cộng	**13.399.960.093.462**	**129.157.925.401**	**(90.987.879.964)**	**13.438.130.138.899**	**4.982.658.329.080**	**391.456.610.067**	**(298.828.050.576)**	**5.075.286.888.571**

8. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(30.096.599.680)	(30.153.655.065)
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(18.144.150.000)	(11.013.850.000)
Tổng cộng	**(48.240.749.680)**	**(41.167.505.065)**

9. Các tài sản tài chính khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	304.395.057.166	330.068.529.950
Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính không có khả năng thu hồi	*290.268.582.666*	*296.897.416.150*
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	82.002.471.319	20.474.439.337
3. Trả trước cho người bán	199.102.556.297	10.347.795.737
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	28.545.600.378	43.254.069.829
Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp	*11.232.959.417*	*10.992.959.417*
5. Các khoản phải thu khác	5.199.604.454	3.903.875.134
Trong đó phải thu khác khó đòi	-	*388.517.477*
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(301.376.542.083)	(308.273.893.044)
Tổng cộng	**317.868.747.531**	**99.774.816.943**

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập/ xử lý nợ trong năm	Số dự phòng cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	290.268.582.666	296.897.416.150	-	(6.628.833.484)	290.268.582.666	296.897.416.150
Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh	*290.268.582.666*	*296.897.416.150*	-	*(6.628.833.484)*	*290.268.582.666*	*296.897.416.150*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	11.232.959.417	10.987.959.417	120.000.000	-	11.107.959.417	10.992.959.417
Công ty Cổ phần bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	*10.000.000*	*5.000.000*	-	-	*5.000.000*	*10.000.000*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	*240.000.000*	-	*120.000.000*	-	*120.000.000*	-
Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân	*10.982.959.417*	*10.982.959.417*	-	-	*10.982.959.417*	*10.982.959.417*
Phải thu khác khó đòi	-	388.517.477	-	(388.517.477)	-	388.517.477
Tiền bán tài sản	-	*309.521.422*	-	*(309.521.422)*	-	*309.521.422*
Phải thu khác	-	*78.996.055*	-	*(78.996.055)*	-	*78.996.055*
Tổng cộng	**301.501.542.083**	**308.273.893.044**	**120.000.000**	**(7.017.350.961)**	**301.376.542.083**	**308.278.893.044**

10. Tài sản ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	9.485.824.434	8.518.495.603
Chi phí trả trước ngắn hạn	26.367.151.317	20.490.357.667
Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	*519.052.110*	*932.251.405*
Chi phí trả trước dịch vụ	*25.848.099.207*	*19.558.106.262*
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.091.082.550	967.194.260
Tài sản ngắn hạn khác	112.517.421.701	3.674.667.967
Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Công ty	*111.567.248.001*	*2.559.929.467*
Khác	*950.173.700*	*1.114.738.500*
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	757.153.145	1.265.969.684
Tổng cộng	**151.218.633.147**	**34.916.685.181**

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)			5.464.741.128.665	3.444.540.512.534
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm			*2.000.415.894.298*	-
Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn			*3.464.325.234.367*	*3.444.540.512.534*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			785.069.409.790	794.315.339.944
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	*20,09%*	*20,05%*	*785.069.409.790*	*794.315.339.944*
Tổng cộng			**6.249.810.538.455**	**4.238.855.852.478**

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có 102.400 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 3.400.000.000.000 VND và 2.000.000.000.000 VND tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 32.880.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 328.801.200.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	**794.315.339.944**	**764.280.760.972**
Mua trong năm	-	20.997.297.749
Thanh lý một phần công ty liên kết trong năm	(25.550.058.810)	-
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	-	(22.288.820.220)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	(7.822.160.099)	(7.343.844.372)
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm	20.537.702.917	42.258.531.653
Phần chia sẻ lãi trong năm	*20.537.702.917*	*42.258.531.653*
Điều chỉnh khác	3.588.585.838	(3.588.585.838)
Số cuối năm	**785.069.409.790**	**794.315.339.944**

12. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	181.494.262.176	21.616.657.300	2.797.761.031	205.908.680.507
Tăng trong năm	22.438.440.073	9.291.580.000	527.104.800	32.257.124.873
Mua trong năm	*22.438.440.073*	*9.291.580.000*	*527.104.800*	*32.257.124.873*
Giảm trong năm	(5.253.205.020)	(4.354.764.000)	(378.014.843)	(9.985.983.863)
Thanh lý, nhượng bán	*(4.994.408.035)*	*(4.354.764.000)*	*(378.014.843)*	*(9.727.186.878)*
Giảm khác	*(258.796.985)*	-	-	*(258.796.985)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	198.679.497.229	26.553.473.300	2.946.850.988	228.179.821.517
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	94.937.311.048	12.708.726.433	1.702.110.054	109.348.147.535
Tăng trong năm	26.658.703.451	1.873.598.290	459.563.514	28.991.865.255
Hao mòn trong năm	*26.658.703.451*	*1.873.598.290*	*459.563.514*	*28.991.865.255*
Giảm trong năm	(5.115.179.964)	(3.292.440.396)	(188.394.047)	(8.596.014.407)
Thanh lý, nhượng bán	*(4.994.408.035)*	*(3.292.440.396)*	*(188.394.047)*	*(8.475.242.478)*
Giảm khác	*(120.771.929)*	-	-	*(120.771.929)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	116.480.834.535	11.289.884.327	1.973.279.521	129.743.998.383
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	86.556.951.128	8.907.930.867	1.095.650.977	96.560.532.972
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	82.198.662.694	15.263.588.973	973.571.467	98.435.823.134

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	64.280.536.169	67.368.365.334

13. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	118.592.587.885	9.897.260.342	128.489.848.227
Tăng trong năm	14.959.668.029	41.800.000	15.001.468.029
Mua mới	*14.700.871.044*	*41.800.000*	*14.742.671.044*
Tăng khác	*258.796.985*	-	*258.796.985*
Giảm trong năm	(2.745.266.704)	(1.345.430.800)	(4.090.697.504)
Thanh lý, nhượng bán	*(2.745.266.704)*	*(1.345.430.800)*	*(4.090.697.504)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	130.806.989.210	8.593.629.542	139.400.618.752
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	70.570.860.962	7.466.790.770	78.037.651.732
Tăng trong năm	14.864.382.975	736.780.126	15.601.163.101
Hao mòn trong năm	*14.743.611.046*	*736.780.126*	*15.480.391.172*
Tăng khác	*120.771.929*	-	*120.771.929*
Giảm trong năm	(2.745.266.704)	(1.345.430.800)	(4.090.697.504)
Thanh lý, nhượng bán	*(2.745.266.704)*	*(1.345.430.800)*	*(4.090.697.504)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	82.689.977.233	6.858.140.096	89.548.117.329
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	48.021.726.923	2.430.469.572	50.452.196.495
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	48.117.011.977	1.735.489.446	49.852.501.423

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	56.348.978.356	59.110.101.921

14. Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Nhà và đất
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	278.276.169.317
Giảm trong năm	(903.103.102)
Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*(903.103.102)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	277.373.066.215
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	72.499.636.567
Tăng trong năm	8.370.989.310
Hao mòn trong năm	*8.370.989.310*
Giảm trong năm	(265.310.676)
Đánh giá tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*(265.310.676)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	80.605.315.201
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	205.776.532.750
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	196.767.751.014

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9.323.685.000 VND.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển phần mềm	16.491.752.828	3.275.760.471
Chi phí xây dựng cơ bản khác	26.584.293.818	26.174.293.818
Tổng cộng	**43.076.046.646**	**29.450.054.289**

16. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, đặt cọc của Công ty	17.467.595.615	28.140.461.156

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn	25.668.947.928	37.088.043.669

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất, chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì và bảo hành các phần mềm của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

18. Tài sản/ phải trả thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản/ phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết trong năm tạm thời không được khấu trừ thuế	1.426.060.000	-
Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn thanh toán tạm thời chịu thuế	-	17.813.844.969
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	23.798.599	319.221.853
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	2.773.984.204	4.597.640.704
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.193.461.645	9.193.461.645
Tổng cộng	**13.417.304.448**	**31.924.169.171**
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(4.613.022.047)	(4.123.557.772)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	25.831.585.081	7.348.834.147
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(948.258.278)	70.942.484.845
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	94.953.970	2.221.717.677
Tổng cộng	**20.365.258.726**	**76.389.478.897**

19. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
Tổng cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

20. Các tài sản đã cầm cố, thế chấp

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại và Chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn	**16.360.550.000.000**	**11.508.078.180.000**	
Tài sản tài chính FVTPL - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 7.1)*	10.768.000.000.000	1.382.178.180.000	Các khoản vay ngắn hạn
Cổ phiếu niêm yết	*18.000.000.000*	*82.178.180.000*	
Trái phiếu chưa niêm yết	*2.000.000.000.000*	-	
Chứng chỉ tiền gửi	*8.750.000.000.000*	*1.300.000.000.000*	
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	4.400.000.000.000	9.740.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	800.000.000.000	300.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	292.550.000.000	85.900.000.000	Chứng quyền
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng *(Thuyết minh số 5)*	100.000.000.000	-	Chứng quyền
Dài hạn	**5.728.801.200.000**	**3.588.801.200.000**	
Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	3.400.000.000.000	3.400.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm *(Thuyết minh số 11)*	2.000.000.000.000	-	Các khoản vay ngắn hạn
Đầu tư vào công ty liên kết - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	328.801.200.000	188.801.200.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tổng cộng	**22.089.351.200.000**	**15.096.879.380.000**	

21. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay thấu chi	Dưới 7,4	5.679.096.155.457	72.952.932.718.449	73.424.367.624.735	5.207.661.249.171
Vay ngắn hạn	Dưới 7,4	9.871.130.000.000	55.622.440.000.000	47.349.745.000.000	18.143.825.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		-	*8.124.000.000.000*	*3.074.000.000.000*	*5.050.000.000.000*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		*3.400.000.000.000*	*14.098.000.000.000*	*13.186.000.000.000*	*4.312.000.000.000*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		*2.932.000.000.000*	*7.352.000.000.000*	*16.599.000.000.000*	*3.685.000.000.000*
Ngân hàng Sinopac (1)		*1.418.130.000.000*	*1.443.740.000.000*	*1.585.045.000.000*	*1.276.825.000.000*
Các ngân hàng khác		*2.121.000.000.000*	*14.604.700.000.000*	*12.905.700.000.000*	*3.820.000.000.000*
Tổng cộng		**15.550.226.155.457**	**28.575.372.718.449**	**120.774.112.624.735**	**23.351.486.249.171**

Khoản vay tín chấp có gốc ngoại tệ tại ngân hàng Sinopac có giá trị tại thời điểm cuối năm là 55.000.000 USD, khoản vay này đã được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm.

22. Trái phiếu chuyển đổi (*)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị trái phiếu chuyển đổi phát hành	**1.150.000.000.000**	**1.150.000.000.000**
Cấu phần vốn chủ sở hữu	113.779.095.785	113.779.095.785
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu (1)	1.036.220.904.215	1.036.220.904.215
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu vào cấu phần nợ gốc		
Số đầu năm	*69.717.041.955*	*32.099.487.319*
Số phân bổ tăng trong năm	*40.593.307.842*	*37.617.554.636*
Số cuối năm (2)	*110.310.349.797*	*69.717.041.955*
Cấu phần nợ gốc tại ngày cuối năm = (1) + (2)	**1.146.531.254.012**	**1.105.937.946.170**

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.150 tỷ VND và kỳ hạn 3 năm, lãi suất phát hành 4%/năm và trả lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Đại Hội đồng Cổ đông. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty cho đến khi đáo hạn trái phiếu, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Số lượng trái phiếu chuyển đổi mỗi lần không ít hơn 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành và số lần chuyển đổi không nhiều hơn 03 lần. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Việc hạch toán các cấu phần vốn chủ sở hữu và cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, với lãi suất chiết khấu sử dụng để xác định cấu phần nợ gốc ban đầu và chi phí lãi trái phiếu là 7,76%/năm. Phần chênh lệch giữa chi phí lãi trái phiếu theo lãi suất chiết khấu và lãi danh nghĩa phải trả được định kỳ phân bổ vào cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

Ngày 05 tháng 2 năm 2021, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty thông báo về việc chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi được phát hành ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Điều 2 Nghị quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thành cổ phiếu phổ thông theo yêu cầu của Trái chủ, cụ thể như sau: Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 1.150.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 VND với giá chuyển đổi là 24.541 VND/cổ phiếu (đã được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng) và số lượng cổ phần phát hành để chuyển đổi trái phiếu là 46.859.491 cổ phần. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ và các Điều khoản và điều kiện trái phiếu để hoàn tất thủ tục thực hiện chuyển đổi trái phiếu nêu trên.

(*) Số dư phải trả trái phiếu chuyển đổi được phân loại lại là ngắn hạn theo thời hạn đáo hạn còn lại tại thời điểm cuối năm.

23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	24.517.864.977	-
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)	192.928.930.807	30.254.764.400
Tổng cộng	**217.446.795.784**	**30.254.764.400**

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành
MBB/8M/SSI/C/EU/Cash-08	3.000.000	861.500
MBB/5M/SSI/C/EU/Cash-08	3.000.000	1.131.100
FPT/5M/SSI/C/EU/Cash-08	5.000.000	1.221.280
FPT/8M/SSI/C/EU/Cash-08	5.000.000	1.293.650
STB/5M/SSI/C/EU/Cash-08	5.000.000	2.408.300
STB/8M/SSI/C/EU/Cash-08	5.000.000	1.691.700
HPG/6M/SSI/C/EU/Cash-06	1.800.000	9.880
HPG/7.5M/SSI/C/EU/Cash-06	1.800.000	1.524.900
HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-06	1.800.000	1.696.160
MWG/5M/SSI/C/EU/Cash-07	6.000.000	452.650
PNJ/5M/SSI/C/EU/Cash-07	6.000.000	171.100
VHM/5M/SSI/C/EU/Cash-07	10.000.000	4.487.600
VJC/5M/SSI/C/EU/Cash-07	9.000.000	1.331.520
VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-07	7.800.000	3.981.710
TCB/8M/SSI/C/EU/Cash-09	5.000.000	919.340
VPB/8M/SSI/C/EU/Cash-09	5.000.000	122.720
VRE/8M/SSI/C/EU/Cash-09	5.000.000	816.980
TCB/5M/SSI/C/EU/Cash-09	7.000.000	654440
VPB/5M/SSI/C/EU/Cash-09	7.000.000	445.450
VRE/5M/SSI/C/EU/Cash-09	7.000.000	1.444.600
Tổng cộng	**106.200.000**	**26.666.580**

24. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công Nghệ Cao LOTTE-HPT Việt Nam	860.250.000	-
Công ty CP Truyền Thông Cho Ô	969.792.764	-
Công ty TNHH Công Nghệ Giao Dịch Việt Nam	368.241.390	368.241.390
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	5.234.858.764	5.999.696.699
Horizon Software Asia Ltd	-	1.341.670.993
N2N-AFE (Hong Kong) Limited ("N2N-AFE")	771.689.751	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	15.222.592.400	-
Phải trả tiền thanh toán chứng quyền khi đáo hạn	-	12.004.444.390
Phải trả người bán khác	7.893.522.519	10.317.816.931
Tổng cộng	**31.320.947.588**	**30.031.870.403**

25. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	569.127.417	1.186.696.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.954.590.638	30.583.472.184
Thuế thu nhập cá nhân	50.683.348.938	23.278.156.755
Thuế nhà thầu	5.638.958.408	4.412.809.874
Tổng cộng	**112.846.025.401**	**59.461.134.912**

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
I	**Thuế**	**59.461.134.912**	**595.863.832.918**	**542.478.942.429**	**112.846.025.401**
1	Thuế giá trị gia tăng	1.186.696.099	7.770.170.094	8.387.738.776	569.127.417
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.583.472.184	267.248.078.434	241.876.959.980	55.954.590.638
	(Thuyết minh số 40.1)				
3	Các loại thuế khác	27.690.966.629	320.845.584.390	292.214.243.673	56.322.307.346
	Thuế thu nhập cá nhân	*6.340.491.762*	*60.544.785.344*	*50.619.962.197*	*16.265.314.909*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*16.937.664.993*	*208.603.480.899*	*191.123.111.863*	*34.418.034.029*
	Thuế môn bài	-	*18.000.000*	*18.000.000*	-
	Thuế khác (thuế nhà thầu)	*4.412.809.874*	*51.679.318.147*	*50.453.169.613*	*5.638.958.408*
II	**Các khoản phải nộp khác**	-	**41.193.833**	**41.193.833**	-
	Tổng cộng	**59.461.134.912**	**595.905.026.751**	**542.520.136.262**	**112.846.025.401**

26. Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	13.427.133.997
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	19.166.666.665	19.166.666.665
Chi phí lãi vay phải trả	54.403.160.401	52.269.483.284
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	1.034.451.585	918.878.038
Phí dịch vụ	693.000.000	765.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	4.455.046.986	6.735.623.994
Các khoản khác	514.074.374	5.708.355.765
Tổng cộng	**80.266.400.011**	**98.991.141.743**

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (2)	605.525.111.581	304.165.194.916
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	9.022.941.174	8.826.384.206
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	*8.341.645.750*	*8.136.432.750*
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	*681.295.424*	*689.951.456*
Phải trả khác	2.861.497.284	25.365.294.251
Tổng cộng	**622.409.550.039**	**343.356.873.373**

(1) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

(2) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

28. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	12.890.045.591
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	9.277.932.564	9.277.932.564
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.800.000.000	-
Tổng cộng	**52.987.159.357**	**51.187.159.357**

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu và phần doanh thu chưa thực hiện khác.

29. Vốn chủ sở hữu

29.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	2.660.148.273.194	3.194.600.794.526
Lợi nhuận chưa thực hiện	16.667.889.632	(253.133.752.645)
Lỗ chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành	*(11.075.622.863)*	*(236.325.785.752)*
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*27.743.512.495*	*(16.807.966.893)*
Tổng cộng	**2.676.816.162.826**	**2.941.467.041.881**

29.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm	**5.100.636.840.000**	**29.470.756.034**	**113.779.095.785**	**(19.126.478.284)**	**259.495.169.033**	**40.382.194.252**	**477.303.674.335**	**392.796.079.651**	**2.941.467.041.881**	**64.855.407.518**	**9.401.059.780.205**
Lợi nhuận sau thuế									1.255.931.818.955		1.255.931.818.955
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019	100.000.000.000										100.000.000.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 16% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019	828.819.290.000								828.819.290.000		
Cổ tức bằng tiền 2019 (10%)									(600.936.363.000)		(600.936.363.000)
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS và khác					(264.217.445.639)						(264.217.445.639)
Mua Cổ phiếu quỹ				(15.535.484.501)							(15.535.484.501)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% LNST theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”)							44.883.670.314		44.883.670.314		
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ								44.883.670.314	44.883.670.314		
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty phát sinh trong năm						(1.004.897.442)					(1.004.897.442)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành									(7.822.160.099)		(7.822.160.099)
Tăng khác									5.321.803.840		5.321.803.840
Lợi ích cổ đông không kiểm soát									1.440.651.877	(1.440.651.877)	
Số cuối năm	**6.029.456.130.000**	**29.470.756.034**	**113.779.095.785**	**(34.661.962.785)**	**(4.722.276.606)**	**39.377.296.810**	**522.187.344.649**	**437.679.749.965**	**2.676.816.162.826**	**63.414.755.641**	**9.872.797.052.319**

29.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2020 và 1/1/2019)	3.194.600.794.526	3.056.176.268.973
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2020 và 31/12/2019)	(114.781.779.068)	(291.415.975.045)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	992.892.632.395	901.594.482.802
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	4.072.711.647.853	3.666.354.776.730
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(97.589.500.727)	(255.115.227.249)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	*(44.883.670.314)*	*(65.246.509.028)*
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	*(44.883.670.314)*	*(65.246.509.028)*
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	-	*(91.345.112.639)*
Các khoản khác làm giảm lợi nhuận chưa phân phối	*(7.822.160.099)*	*(33.277.096.554)*
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(1.429.755.653.000)	(508.054.730.000)
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	*(828.819.290.000)*	-
Trả cổ tức bằng tiền	*(600.936.363.000)*	*(508.054.730.000)*
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	**2.545.366.494.126**	**2.903.184.819.481**

29.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**602.945.613**	**510.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**602.945.613**	**510.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	602.945.613	510.063.684
Cổ phiếu phổ thông	*602.945.613*	*510.063.684*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(3.930.698)**	**(2.009.008)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(3.930.698)	(2.009.008)
Cổ phiếu phổ thông	*(3.930.698)*	*(2.009.008)*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**599.014.915**	**508.054.676**
Cổ phiếu phổ thông	*599.014.915*	*508.054.676*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

30. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

30.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	6.464.712,88	6.838.499,50
EUR	123,41	34.334,41
GBP	129,64	37.140,64

30.2 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	593.689.600.000	720.893.810.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	346.801.200.000	270.979.380.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	14.614.500.000	4.692.000.000
Tổng cộng	**955.105.300.000**	**996.565.190.000**

30.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.481.380.000	9.480.260.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	**10.481.380.000**	**10.480.260.000**

30.4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	19.521.900.000	2.370.800.000

30.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	-	40.000.000.000
Cổ phiếu	73.795.030.000	458.255.460.000
Trái phiếu	5.650.000.000.000	4.191.654.800.000
Tổng cộng	**5.723.795.030.000**	**4.689.910.260.000**

30.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	46.235.417.609.100	40.264.432.904.400
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	637.211.680.000	609.448.260.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	7.585.201.590.000	6.311.732.090.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	292.252.970.000	457.518.280.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.291.635.498.900	327.633.899.300
Tổng cộng	**56.041.719.348.000**	**47.970.765.433.700**

30.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	573.756.680.000	330.441.990.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	51.990.000.000	52.037.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	145.000.000	145.000.000
Tổng cộng	**625.891.680.000**	**382.623.990.000**

30.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	1.232.619.088.600	278.568.854.100

30.9 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	51.572.580.000	35.217.990.000

30.10 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	38.864.880.000	97.275.710.000

30.11 Tiền gửi Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.372.810.873.724	2.065.881.233.987
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*4.041.299.586.482*	*1.864.381.591.249*
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*331.511.287.242*	*201.499.642.738*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	407.563.136.036	415.120.594.227
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	19.711.153.662	3.790.098.239
Tổng cộng	**4.800.085.163.422**	**2.484.791.926.453**

30.12 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	95.000	46.112.406.060
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	12.298.964.512	889.298.184
Tổng cộng	**12.299.059.512**	**47.001.704.244**

30.13 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.780.374.009.760	2.481.001.828.214
Của Nhà đầu tư trong nước	*4.203.647.551.737*	*1.986.051.905.846*
Của Nhà đầu tư nước ngoài	*576.726.458.023*	*494.949.922.368*
Tổng cộng	**4.780.374.009.760**	**2.481.001.828.214**

30.14 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	95.000	46.112.406.060

30.15 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	12.298.964.512	889.298.184

31. Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính

31.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
I	**LÃI BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**237.240.518**		**4.324.277.183.837**	**4.035.116.428.454**	**289.160.755.383**	**158.961.949.737**
	DBC	4.356.510	28.629	124.724.045.500	99.648.121.527	25.075.923.973	-
	FPT	9.960.210	51.696	514.905.748.000	487.308.269.477	27.597.478.523	38.162.140.654
	FUESSVFL	57.579.080	10.114	582.366.449.820	568.521.134.376	13.845.315.444	-
	HPG	34.763.700	28.689	997.332.026.500	919.455.048.520	77.876.977.980	1.785.568.441
	MBB	10.649.290	19.678	209.554.024.000	203.286.729.009	6.267.294.991	14.837.622.636
	Chứng quyền do Công ty phát hành	72.703.580		204.083.414.473	145.731.793.160	58.351.621.313	26.850.758.356
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	47.228.148		1.691.311.475.544	1.611.165.332.385	80.146.143.159	77.325.859.650
2	**Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**53.078.133**		**390.633.397.054**	**345.034.210.318**	**45.599.186.736**	**39.844.827.102**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**63.950.000**		**6.930.948.800.000**	**6.928.328.700.000**	**2.620.100.000**	**21.409.429.381**
4	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**20.734.126**		**90.589.909.144.314**	**90.392.159.023.726**	**197.750.120.588**	**105.093.840.589**
5	**Lãi vị thế của hợp đồng CKPS**	-		-	-	**145.434.778.000**	**17.574.919.000**
	Tổng cộng	**375.002.777**		**102.235.768.525.205**	**101.700.638.362.498**	**680.564.940.707**	**342.884.965.809**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
II	**LỖ BÁN**						
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**186.039.869**		**3.216.791.092.856**	**3.616.170.376.175**	**(399.379.283.319)**	**(97.150.462.630)**
	PLX	8.919.670	46.984	419.078.347.040	506.984.910.509	(87.906.563.469)	(962.663.005)
	ELC	4.798.440	7.112	34.128.599.900	103.614.147.389	(69.485.547.489)	(372.229.209)
	GEX	5.412.440	18.127	98.109.470.500	132.829.783.121	(34.720.312.621)	(19.321.421.061)
	MBB	16.046.720	17.647	283.173.169.290	306.053.022.953	(22.879.853.663)	(790.693.057)
	MWG	2.514.250	81.055	203.793.463.000	231.531.642.117	(27.738.179.117)	(3.944.484.844)
	Chứng quyền do Công ty phát hành	85.282.490		404.407.236.617	468.348.507.940	(63.941.271.323)	(22.034.933.298)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	63.065.859		1.774.100.806.509	1.866.808.362.146	(92.707.555.637)	(49.724.038.156)
2	**Trái phiếu niêm yết**	**147.950.000**		**15.563.192.750.000**	**15.565.568.300.000**	**(2.375.550.000)**	**(2.263.320.000)**
3	**Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết**	**260.187**		**4.468.559.829.907**	**4.517.190.563.977**	**(48.630.734.070)**	**(26.886.894.695)**
4	**Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS**	-		-	-	**(87.531.037.000)**	**(6.939.770.000)**
	Tổng cộng	**334.250.056**		**23.248.543.672.763**	**23.698.929.240.152**	**(537.916.604.389)**	**(133.240.447.325)**

31.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
I	**Loại FVTPL**	**13.208.612.928.755**	**13.252.453.509.081**	**43.840.580.326**	**(237.809.094.383)**	**281.649.674.709**
1	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết**	**1.509.746.467.717**	**1.546.091.942.060**	**36.345.474.343**	**(225.678.275.818)**	**262.023.750.161**
	HPG	95.660.359.949	103.497.375.450	7.837.015.501	3.742.114.742	4.094.900.759
	FPT	73.847.343.900	79.197.605.100	5.350.261.200	18.771.581.487	(13.421.320.287)
	ELC	87.623.997.200	37.700.705.870	(49.923.291.330)	(138.275.419.449)	88.352.128.119
	PLX	88.242.019.220	93.835.942.200	5.593.922.980	(28.600.563.330)	34.194.486.310
	MWG	32.119.701.765	32.753.739.700	634.037.935	(62.139.621)	696.177.556
	OPC	169.857.155.480	203.169.116.500	33.311.961.020	(6.843.046.949)	40.155.007.969
2	**Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác**	**962.395.890.203**	**995.937.457.240**	**33.541.567.037**	**(74.410.802.698)**	**107.952.369.735**
	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**497.988.719.529**	**525.040.743.600**	**27.052.024.071**	**341.099.527**	**26.710.924.544**
	HPG	119.366.528.685	129.145.682.100	9.779.153.415	410.202.811	9.368.950.604
	FPT	23.445.299.072	25.143.917.700	1.698.618.628	3.035.474.304	(1.336.855.676)
	VHM	73.445.353.414	78.661.550.000	5.216.196.586	(364.529.439)	5.580.726.025
	MBB	40.205.038.732	41.310.001.000	1.104.962.268	(1.195.119.186)	2.300.081.454
	STB	56.953.396.377	59.450.144.000	2.496.747.623	-	2.496.747.623
	Cổ phiếu khác	184.573.103.249	191.329.448.800	6.756.345.551	(1.544.928.963)	8.301.274.514
3	**Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**54.082.228.373**	**34.525.310.285**	**(19.556.918.088)**	**(12.471.918.092)**	**(7.084.999.996)**
4	**Trái phiếu chưa niêm yết**	**2.282.847.114.683**	**2.282.847.114.683**	-	-	-
5	**Chứng chỉ tiền gửi**	**8.863.948.398.453**	**8.863.948.398.453**	-	-	-
II	**Loại AFS**	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**	**(5.670.534.889)**	**330.437.653.872**	**(336.108.188.761)**
1	**Cổ phiếu niêm yết**	-	-	-	**340.015.398.872**	**(340.015.398.872)**
	HAH	-	-	-	(14.696.996.420)	14.696.996.420
	Cổ phiếu niêm yết khác	-	-	-	354.712.395.292	(354.712.395.292)
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**191.347.164.707**	**185.676.629.818**	**(5.670.534.889)**	**(9.577.745.000)**	**3.907.210.111**
	Tổng cộng	**13.399.960.093.462**	**13.438.130.138.899**	**38.170.045.437**	**92.628.559.489**	**(54.458.514.052)**

31.3 Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
1	MBB/8M/SSI/C/EU/Cash-08	6.261.687.812	6.754.160.000	(492.472.188)	-	(492.472.188)
2	MBB/5M/SSI/C/EU/Cash-08	7.206.410.064	8.290.963.000	(1.084.552.936)	-	(1.084.552.936)
3	STB/5M/SSI/C/EU/Cash-08	11.011.513.180	12.523.160.000	(1.511.646.820)	-	(1.511.646.820)
4	HPG/7.5M/SSI/C/EU/Cash-06	31.630.685.425	37.512.540.000	(5.881.854.575)	-	(5.881.854.575)
5	HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-06	36.688.765.280	43.913.582.400	(7.224.817.120)	-	(7.224.817.120)
6	VHM/5M/SSI/C/EU/Cash-07	9.885.429.341	14.450.072.000	(4.564.642.659)	-	(4.564.642.659)
7	VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-07	10.468.861.951	9.994.092.100	474.769.851	-	474.769.851
8	TCB/8M/SSI/C/EU/Cash-09	8.360.035.849	9.974.839.000	(1.614.803.151)	-	(1.614.803.151)
9	VRE/5M/SSI/C/EU/Cash-09	7.694.559.628	8.884.290.000	(1.189.730.372)	-	(1.189.730.372)
10	Chứng quyền khác	34.731.318.135	40.631.232.307	(5.899.914.172)	11.053.860.452	(16.953.774.624)
	Tổng cộng	**163.939.266.665**	**192.928.930.807**	**(28.989.664.142)**	**11.053.860.452**	**(40.043.524.594)**

31.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	394.982.988.385	82.344.443.777
Từ tài sản tài chính HTM	850.012.190.191	991.168.158.800
Từ các khoản cho vay và phải thu	525.089.898.914	677.893.533.729
Từ tài sản tài chính AFS	232.822.214.148	83.305.018.553
Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS	*5.108.690.166*	*18.369.364.500*
Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại	*227.713.523.982*	*64.935.654.053*
SGN	*159.274.198.599*	*51.809.222.037*
TDM	-	*12.905.000.000*
DHC	*67.588.180.691*	-
Khác	*851.144.692*	*221.432.016*
Tổng cộng	**2.002.907.291.638**	**1.834.711.154.859**

32. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(57.055.385)	487.522.858
Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi	(6.628.833.484)	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.130.300.000	11.013.850.000
Tổng cộng	**444.411.131**	**11.501.372.858**

33. Thu nhập hoạt động khác

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	9.340.048.636	8.383.712.004
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	6.028.021	4.606.607.925
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	14.714.128.742	23.061.556.213
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	8.025.053.814	10.584.008.522
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ hỗ trợ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	15.336.068.538	21.393.976.292
Tổng cộng	**47.421.327.751**	**68.029.860.956**

34. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	625.814.988.058	555.493.733.108
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	8.317.086.067	15.040.853.528
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	39.188.162.483	17.444.386.941
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	18.976.542.088	21.502.445.834
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	32.491.874.038	27.540.046.739
Chi phí hoạt động khác *(Thuyết minh số 35)*	136.512.419.528	128.703.913.660
Tổng cộng	**861.301.072.262**	**765.725.379.810**

Tổng hợp chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ theo khoản mục chi phí

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	159.007.766.177	142.308.930.113
Chi phí hoạt động lưu ký	30.971.915.108	27.540.046.739
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	361.319.420.123	253.733.279.209
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	21.285.785.688	19.400.612.506
Chi phí vật tư văn phòng	1.037.171.759	1.413.938.351
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.339.553.278	3.084.138.780
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	38.935.760.497	32.030.259.414
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	120.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.156.976.839	162.354.319.704
Chi phí về vốn	62.313.196.801	86.949.168.790
Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ	3.044.576.928	7.450.772.590
Chi phí khác	33.768.949.064	29.454.913.614
Tổng cộng	**861.301.072.262**	**765.725.379.810**

35. Chi phí hoạt động khác

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	17.916.078.746	18.414.593.655
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	431.788.418	1.073.519.394
Chi phí hoạt động khác của công ty Quản lý quỹ	3.107.450.126	4.104.373.596
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	52.012.163.236	69.948.815.774
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	-	2.971.506.848
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	18.838.847.221	18.576.262.108
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	120.000.000	5.000.000
Trích lập chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	*120.000.000*	*5.000.000*
Chi phí khác	44.086.091.781	13.609.842.285
Tổng cộng	**136.512.419.528**	**128.703.913.660**

36. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	28.659.748.695	435.548.098
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.996.728.146	20.355.221.628
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết *(Thuyết minh số 11)*	20.537.702.917	42.258.531.653
Lãi từ giảm tỷ lệ sở hữu công ty liên kết	13.701.612.484	-
Doanh thu khác về đầu tư	132.857.759.580	3.456.980.508
Tổng cộng	**208.753.551.822**	**66.506.281.887**

37. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	12.458.888.106	19.611.726.414
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	86.595.617.907	84.890.283.968
Chi phí lãi vay ngắn hạn	742.835.705.182	719.286.680.604
Chi phí tài chính khác	95.254.840.329	14.832.880.334
Tổng cộng	**937.145.051.524**	**838.621.571.320**

38. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	61.723.594.024	76.729.652.344
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	4.908.142.224	5.311.515.200
Chi phí văn phòng phẩm	1.124.064.601	1.283.880.742
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.289.024.639	3.189.011.065
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.212.662.753	9.650.426.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.406.368.697	84.253.347.664
Chi phí khác	8.492.283.412	12.820.420.379
Tổng cộng	**184.156.140.350**	**193.238.253.772**

39. Thu nhập và chi phí khác

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.273.691.839	7.067.722.985
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	*508.340.052*	*292.051.076*
Thu nhập khác	*4.765.351.787*	*6.775.671.909*
Chi phí khác	(178.063.632)	(160.809.383)
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	*(153.893.526)*	-
Chi phí khác	*(24.170.106)*	*(160.809.383)*
Tổng cộng	**5.095.628.207**	**6.906.913.602**

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	**1.557.553.285.063**	**1.105.523.561.457**
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	**(235.324.618.850)**	**(272.210.616.028)**
Các khoản điều chỉnh tăng	660.894.521.153	339.363.886.958
Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết cuối năm	*7.130.300.000*	-
Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ cuối năm	-	*89.069.224.845*
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán trong năm	*177.477.561.574*	-
Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*405.750.139.075*	*232.329.833.598*
Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	*56.474.106.102*	*14.923.408.826*
Dự phòng các khoản cho vay cuối năm	*118.992.995*	*1.596.109.265*
Chi phí không được khấu trừ	*904.905.475*	*1.445.310.424*
Chênh lệch từ thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên BCTC hợp nhất so với BCTC riêng	*7.386.059.328*	-
Các khoản điều chỉnh tăng do đã bổ sung tại quyết toán thuế	*5.652.456.604*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(896.219.140.003)	(611.574.502.986)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	*(67.204.924.604)*	*(49.332.814.426)*
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm	-	*(5.048.000.000)*
Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ đầu năm	*(89.069.224.845)*	*(148.448.708.075)*
Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay đầu năm	*(1.596.109.265)*	*(30.675.918.324)*
Chi phí dự phòng chứng khoán trong năm	-	*(3.591.426.522)*
Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*(687.399.813.784)*	*(247.811.017.254)*
Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	*(16.430.581.508)*	*(25.977.269.278)*
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	*(5.281.957.439)*	*(6.054.588.936)*
Các khoản điều chỉnh giảm do đã bổ sung tại quyết toán thuế	-	*(7.078.359.289)*
Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	*(8.698.825.641)*	*(45.297.869.229)*
Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	*(20.537.702.917)*	*(42.258.531.653)*
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**1.322.228.666.213**	**833.312.945.429**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**264.445.733.242**	**166.662.589.086**
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	**2.493.238.522**	**10.962.040.405**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	30.583.472.184	40.748.215.998
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	309.106.670	1.053.225.465
Thuế TNDN đã trả trong năm	(241.876.959.980)	(188.842.598.770)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**55.954.590.638**	**30.583.472.184**

40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	31.924.169.171	51.848.120.587
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do tăng/(giảm) chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	1.426.060.000	(1.009.600.000)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	(17.813.844.969)	(11.875.896.646)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay	(295.423.254)	(5.815.961.812)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí tạm thời chịu thuế	(1.823.656.500)	(1.222.492.958)
Số cuối năm	**13.417.304.448**	**31.924.169.171**
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	76.389.478.897	78.373.614.743
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(489.464.276)	(1.717.646.385)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	18.482.750.934	(679.292.238)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(71.890.743.123)	(1.808.914.900)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	(2.126.763.706)	2.221.717.677
Số cuối năm	**20.365.258.726**	**76.389.478.897**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do (trích lập)/hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(1.426.060.000)	1.009.600.000
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	17.813.844.969	11.875.896.646
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	295.423.254	5.815.961.812
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế	1.823.656.500	1.222.492.958
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(489.464.276)	(1.717.646.385)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL và đánh giá giảm phải trả chứng quyền	16.355.987.227	1.542.425.439
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**34.373.387.674**	**19.748.730.470**

41. Lũy kế thu nhập toàn diện khác

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	259.495.169.033	(49.855.142.981)	(214.362.302.658)	(4.722.276.606)

42. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	5.321.803.840	329.650.000
Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	5.321.803.840	329.650.000
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(272.039.605.738)	(51.582.946.547)
Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán và khác	(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	(7.822.160.099)	(7.343.844.372)
Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	(22.288.820.220)
Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	-	(3.644.431.962)
Tổng cộng	**(266.717.801.898)**	**(51.253.296.547)**

43. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ theo tỷ lệ 7%. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	1.173.936.074.297	845.989.204.120
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	600.489.827	591.654.887
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.955	1.430

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2019 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2020.

44. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập 7%, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VND	1.173.936.074.297	845.989.204.120
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VND	86.593.307.842	83.617.554.636
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm	*86.593.307.842*	*83.617.554.636*
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VND	1.260.529.382.139	929.606.758.756
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	651.181.285	635.600.976
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	1.936	(**)

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành với giả định toàn bộ trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm SSI phát hành trái phiếu trong năm 2018;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP cho người lao động của Công ty với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận phát hành ESOP theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty, sau khi trình bày lại, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

45. Những thông tin khác

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ gần 20% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	2.179.108.456	(2.179.108.456)	-	2.178.923.656
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(8.428.883.852.000)	8.428.883.852.000	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	8.859.326.298.000	(8.859.326.298.000)	-	14.076.545.772
	Hợp đồng quản lý tiền gửi	(81.385.797.725)	(6.299.151.023.588)	6.150.819.930.278	(229.716.891.035)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	(322.230.808)	(41.610.551.343)	41.311.303.403	(621.478.748)	(41.610.551.343)
	Chi phí mua hàng hóa	(12.474.000)	(4.689.505.403)	4.701.979.403	-	(4.689.505.403)
	Lãi trái phiếu	-	8.864.383.557	(8.864.383.557)	-	1.960.273.968
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	759.843.222.775	27.538.301.792	(36.784.231.942)	750.597.292.625	20.537.702.917
	Phải trả khác	-	(196.076.717)	196.076.717	-	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	331.873.577	(331.873.577)	-	331.586.677
	Phí quản lý danh mục	16.653.336	199.840.080	(199.840.080)	16.653.336	199.840.080
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	2.136.298.475	5.290.716.500	(3.787.014.975)	3.640.000.000	4.809.742.272
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Giao dịch bán chứng khoán	-	20.874.938.052.000	(20.874.938.052.000)	-	56.667.260.750
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(21.899.095.936.000)	21.899.095.936.000	-	-
	Ứng trước phí dịch vụ	-	178.906.200	-	178.906.200	-
	Cổ tức SSI	-	(55.905.882.000)	55.905.882.000	-	-
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	568.063.320	(568.063.320)	-	517.406.838
	Phí hoa hồng phải trả	(441.585.274)	(6.111.691.776)	4.687.488.684	(1.865.788.366)	(6.111.691.776)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	2.493.793.273	4.169.049.357	(4.613.882.080)	2.048.960.550	4.169.049.358
	Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ	3.583.632.573	3.753.727.616	(3.697.525.896)	3.639.834.293	3.663.059.468
	Cổ tức SSI	-	(118.294.620.000)	118.294.620.000	-	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	374.686.911	(374.686.911)	-	374.686.911
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	9.719.182.684	(9.719.182.684)	-	14.411.731
	Cổ tức SSI	-	(1.000.002.000)	1.000.002.000	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	150.863.905	(150.863.905)	-	150.840.705
	Cổ tức SSI	-	(35.326.713.000)	35.326.713.000	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	829.390.548	(829.390.548)	-	828.957.844
	Giao dịch bán chứng khoán	-	20.106.887.900	(20.106.887.900)	-	118.887.900
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(20.584.179.000)	20.584.179.000	-	-
	Cổ tức SSI	-	(19.790.644.000)	19.790.644.000	-	-
	Phí quản lý danh mục	-	114.045.062	(107.336.528)	6.708.534	80.502.396
	Thu nhập chi trả cho Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	-	-	-	-	(15.876.134.346)

Thù lao của từng thành viên HĐQT và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

Họ tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6.500.000.000	-
	Tổng giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 01 tháng 8 năm 2020)		
Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng giám đốc	4.279.545.455	-
	Tổng giám đốc (từ ngày 01 tháng 8 năm 2020)		
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	-	-
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	-	-
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-

45.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1)	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2020						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.378.399.664.618	2.048.002.526.693	1.029.488.952.274	27.506.404.337	97.430.763.702	4.580.828.311.624
2. Các chi phí trực tiếp	842.422.354.690	1.355.082.231.972	552.810.252.609	18.237.019.696	70.567.027.242	2.839.118.886.209
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	125.226.175.440	18.820.757.543	11.914.902.281	9.189.391.404	19.004.913.684	184.156.140.352
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**410.751.134.488**	**674.099.537.178**	**464.763.797.384**	**79.993.237**	**7.858.822.776**	**1.557.553.285.063**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
1. Tài sản bộ phận	9.232.293.798.160	14.811.594.746.607	11.145.128.560.060	57.468.007.697	13.671.427.226	35.260.156.539.750
2. Tài sản phân bổ	184.544.848.970	27.736.005.242	17.558.899.601	13.542.335.241	28.007.394.726	271.389.483.780
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	237.981.984.710
Tổng tài sản	**9.416.838.647.130**	**14.839.330.751.849**	**11.162.687.459.661**	**71.010.342.938**	**41.678.821.952**	**35.769.528.008.240**
4. Nợ phải trả bộ phận	2.173.948.026.776	9.838.271.216.524	13.463.058.112.646	1.896.281.678	6.644.664.873	25.483.818.302.497
5. Nợ phân bổ	174.075.359.330	26.162.502.535	16.562.758.454	12.774.059.457	26.418.495.710	255.993.175.486
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	156.919.477.938
Tổng công nợ	**2.348.023.386.106**	**9.864.433.719.059**	**13.479.620.871.100**	**14.670.341.135**	**33.063.160.583**	**25.896.730.955.921**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1)	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2019						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.317.173.493.995	826.923.548.800	1.030.775.564.521	33.835.686.808	99.843.829.945	3.308.552.124.069
2. Các chi phí trực tiếp	790.452.757.653	445.549.377.105	702.516.927.748	20.094.454.051	51.176.792.284	2.009.790.308.841
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	119.807.717.339	25.577.113.132	15.459.060.301	7.729.530.151	24.664.832.848	193.238.253.771
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**406.913.019.003**	**355.797.058.563**	**312.799.576.472**	**6.011.702.606**	**24.002.204.813**	**1.105.523.561.457**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
1. Tài sản bộ phận	5.365.175.232.762	6.122.949.379.716	14.906.970.252.591	68.636.216.870	26.391.132.359	26.490.122.214.298
2. Tài sản phân bổ	168.988.848.584	38.158.772.261	21.805.012.721	10.902.506.360	32.707.519.081	272.562.659.007
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	281.430.151.608
Tổng tài sản	**5.534.164.081.346**	**6.161.108.151.977**	**14.928.775.265.312**	**79.538.723.230**	**59.098.651.440**	**27.044.115.024.913**
4. Nợ phải trả bộ phận	1.997.469.537.515	691.799.021.437	14.484.195.452.339	6.790.837.095	11.318.800.163	17.191.573.648.549
5. Nợ phân bổ	180.128.955.830	40.674.280.349	23.242.445.914	11.621.222.957	34.863.668.870	290.530.573.920
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	160.951.022.239
Tổng công nợ	**2.177.598.493.345**	**732.473.301.786**	**14.507.437.898.253**	**18.412.060.052**	**46.182.469.033**	**17.643.055.244.708**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

45.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	84.436.215.870	85.837.981.908
Trên 1 - 5 năm	252.641.648.524	211.181.283.215
Trên 5 năm	214.408.573.656	237.301.561.200
Tổng cộng	**551.486.438.050**	**534.320.826.323**

45.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	3.314.249.856.844	1.471.953.895.995
Hà Nội	1.830.245.872.903	693.070.387.246
Nguyễn Công Trứ	578.943.894.086	164.726.833.452
Mỹ Đình	179.395.516.971	92.306.572.669
Hải Phòng	73.748.491.144	34.099.825.325
Vũng Tàu	-	27.434.217.823
Nha Trang	-	19.612.142.664
Tổng cộng	**5.976.583.631.948**	**2.503.203.875.174**

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có khoản vay gốc ngoại tệ tại ngân hàng Sinopac có giá trị là 55.000.000 USD (tương ứng 1.276.825.000.000 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VND có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 2.071.132.685.660 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.3* và *Thuyết minh số 11*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8* và *Thuyết minh số 9*, Ban Tổng giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	>210 ngày
Số đầu năm (Trình bày lại)	5.359.342.228.084	30.286.750.665	5.329.024.126.928	6.590.290	6.300.966	1.973.476	16.485.759
Số cuối năm	9.226.158.205.627	30.296.258.180	9.195.818.564.551	6.642.864	8.102.521	706.586	27.930.925

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn (bao gồm số dư đã trích lập dự phòng)	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	**231.971.207.727**	**131.280.693.756**	-	-	**363.251.901.483**
Tài sản tài chính	**30.339.641.076**	**13.651.553.127.672**	**14.574.040.198.348**	**2.000.415.894.298**	**4.249.394.644.157**	**34.505.743.505.551**
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	13.252.453.509.081	-	-	-	13.252.453.509.081
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.591.644.622.570	2.000.415.894.298	3.464.325.234.367	11.056.385.751.235
Các khoản cho vay	30.339.641.076	213.422.988.773	8.982.395.575.778	-	-	9.226.158.205.627
Sẵn sàng để bán	-	185.676.629.818	-	-	-	185.676.629.818
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	785.069.409.790	785.069.409.790
Tài sản khác	**304.387.345.640**	**290.054.465.122**	**3.020.000.000**	**191.364.371.203**	**196.767.751.014**	**985.593.932.979**
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	19.558.678.165	-	-	-	19.558.678.165
Phải thu khác	304.387.345.640	112.735.387.677	3.020.000.000	-	-	420.142.733.317
Tài sản khác	-	157.760.399.280	-	-	-	157.760.399.280
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	191.364.371.203	196.767.751.014	388.132.122.217
Tổng cộng	**334.726.986.716**	**14.173.578.800.521**	**14.708.340.892.104**	**2.191.780.265.501**	**4.446.162.395.171**	**35.854.589.340.013**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	5.207.661.249.171	18.143.825.000.000	-	-	23.351.486.249.171
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	1.146.531.254.012	-	-	1.146.531.254.012
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	24.517.864.977	192.928.930.807	-	-	217.446.795.784
Chi phí phải trả	-	5.662.121.360	74.604.278.651	-	-	80.266.400.011
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	112.846.025.401	-	-	-	112.846.025.401
Phải trả, phải nộp khác	-	298.983.917.074	610.525.111.581	-	-	909.509.028.655
Tổng cộng	-	**5.649.671.177.983**	**20.168.414.575.051**	-	-	**25.818.085.753.034**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**334.726.986.716**	**8.523.907.622.538**	**(5.460.073.682.947)**	**2.191.780.265.501**	**4.446.162.395.171**	**10.036.503.586.979**

45.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	42.337.534.904	36.663.687.306
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	164.770.694.532	318.688.461.592
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	776.564.658	1.673.104.377
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	13.085.465.139	507.291.281

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá
MBB	32.600	753.060.000	(3.260.000)	527.986	11.494.144.356	(512.035.556)
VHM	-	-	-	65.550	5.895.328.425	(336.688.425)
ACB	-	-	-	50.000	1.171.573.600	(31.573.600)
HLM	55.625	11.013.850.000	(11.013.850.000)	55.625	11.013.850.000	(11.013.850.000)
RICONS	101.216	8.130.411.996	(382.327.196)	188.716	19.799.162.000	(8.476.202.000)
TDM	-	-	-	901.100	25.437.435.642	(2.279.165.642)
GEX	148.530	3.463.585.923	(121.660.923)	-	-	-
SIP	22.900	4.115.626.973	(110.416.973)	-	-	-
Khác	240.400	10.327.416.295	(180.076.295)	1.652.473	65.797.427.014	(5.980.310.314)
Tổng	**601.271**	**37.803.951.187**	**(11.811.591.387)**	**3.441.450**	**140.608.921.037**	**(28.629.825.537)**

45.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Đơn vị tính: VND

	Chỉ số năm 2020	Chỉ số năm 2019
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	81,19%	82,42%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	18,81%	17,58%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	72,40%	65,24%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	27,60%	34,76%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	3,51%	3,35%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	12,80%	9,72%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	20,83%	17,78%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	27,45%	27,48%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,12	1,36
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn]/ Nợ ngắn hạn)	1,11	1,35

46. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà **Nguyễn Thị Hải Anh**
Người lập

Bà **Hoàng Thị Minh Thủy**
Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Hồng Nam**
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2021



8 THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2020

Hội đồng Quản trị - Ban Kiểm soát - Ủy Ban Kiểm toán

Thành viên và cơ cấu của HĐQT/ BKS/ UBKT: Thông tin chi tiết được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.

Số lượng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thông tin cụ thể như sau.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
5	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/9/2013
6	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
7	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
8	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Ngày 15/01/2020, Công ty CP Chứng khoán SSI đã hoàn thành đợt phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2019. Ngoài ra, ngày 10/04/2020, Công ty cũng hoàn thành đợt phát hành 82.881.929 cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông. Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ của SSI là 6.029.456.130.000 đồng, tương ứng 602.945.613 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2020 là 3.930.698 cổ phiếu, tăng so với thời điểm tại ngày 31/12/2019 (1.921.690 cổ phiếu), do trong năm 2020 Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư và mua lại cổ phiếu của nhân viên mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã nghỉ việc. Cụ thể:

Mua lại cổ phiếu của nhân viên mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã nghỉ việc

- Thời gian thực hiện: ngày 24/12/2020
- Giá giao dịch: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu mua lại: 1.921.400 cổ phiếu

Mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư trong năm 2020: 290 cổ phiếu

Tháng 1	Giao dịch các ngày 20/1 và 21/1 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 08 cổ phiếu
Tháng 2	Giao dịch ngày 21/02 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 05 cổ phiếu
Tháng 3	Giao dịch các ngày 05/03, 06/03, 09/03, 10/03, 11/03, 12/03, 13/03, 16/03, 18/03, 19/03, 20/03, 23/03, 25/03 và 30/03 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 189 cổ phiếu
Tháng 4	Không phát sinh giao dịch Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 0 cổ phiếu
Tháng 5	Giao dịch các ngày 07/05 và 21/05 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 12 cổ phiếu
Tháng 6	Giao dịch các ngày 09/06, 23/06 và 24/06 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 18 cổ phiếu
Tháng 7	Giao dịch các ngày 08/07 và 21/07 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 10 cổ phiếu
Tháng 8	Giao dịch các ngày 14/08 và 24/08 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 10 cổ phiếu
Tháng 9	Giao dịch ngày 09/09 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 07 cổ phiếu
Tháng 10	Giao dịch các ngày 07/10 và 13/10 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 16 cổ phiếu
Tháng 11	Giao dịch ngày 24/11 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 06 cổ phiếu
Tháng 12	Giao dịch ngày 24/12 Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 09 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/12/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Phụ lục 1: Giao dịch của người nội bộ và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu SSI của người nội bộ và người liên quan tính đến ngày 31/12/2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	6.783.400	1,330%	10.209.044	1,693%	Ngày 15/01/2020: tăng 2.017.500 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2019 (ESOP 2019) Ngày 10/4/2020: tăng 1.408.144 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ và Người được ủy quyền CBTT	1.400.000	0,274%	1.512.000	0,25%	Ngày 15/01/2020: tăng 700.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 336.000 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu Ngày 29/12/2020: bán 924.000 cổ phiếu
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT, Trưởng UBKT	150.000	0,029%	148.800	0,024%	Ngày 15/01/2020: tăng 40.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 28.800 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu Bán 10,000 cổ phiếu ngày 07/01/2020 (*) Ngày 04/01/2021, bán 60.000 cổ phiếu
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, thành viên UBKT	40.000	0,008%	92.800	0,015%	Ngày 15/01/2020: tăng 40.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 12.800 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	700.000	0,137%	1.044.000	0,173%	Ngày 15/01/2020: tăng 200.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 144.000 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	0	0,000%	0	0,000%	Không thay đổi
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	130.455	0,026%	N/A	N/A	Ngày 27/06/2020, ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	60.068	0,012%	N/A	N/A	Ngày 27/06/2020, ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
9	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	142.500	0,028%	N/A	N/A	Ngày 27/06/2020, ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	1.362.200	0,267%	1.928.152	0,320%	Ngày 15/01/2020: tăng 300.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 265.952 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	145.000	0,028%	197.200	0,03%	Ngày 15/01/2020: tăng 75.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2019 Ngày 10/4/2020: tăng 35.200 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu Ngày 11/08/2020 đến 14/08/2020: bán 58.000 cổ phiếu
12	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Hồng Nam	30.454.063	5,971%	36.250.713	6,012%	Ngày 10/4/2020: tăng 4.872.650 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu Ngày 29/12/2020: mua 924.000 cổ phiếu
13	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT Hironori Oka	101.978.121	19,993%	118.294.620	19,619%	Ngày 10/4/2020: tăng 16.316.499 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT SSI	48.194.727	9,449%	55.905.882	9,272%	Ngày 10/4/2020: tăng 7.711.155 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Nguyễn Văn Hiển	Em ruột của Trưởng BKS	56.000	0,011%	N/A	N/A	Ngày 27/06/2020, không còn là người có liên quan của Trưởng BKS do ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
16	Hoàng Thị Khánh Duyên	Em ruột của Kế toán trưởng	14.000	0,003%	16.240	0,003%	Ngày 10/4/2020: tăng 2.240 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Trần Quang Việt	Anh ruột của Thành viên Ban kiểm soát	4.006	0,001%	N/A	N/A	Ngày 27/06/2020, không còn là người có liên quan của Thành viên BKS do ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
18	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT	5.000.000	0,980%	5.800.000	0,962%	Ngày 10/4/2020: tăng 800.000 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	QUỸ ETF SSIAM VNX50	Ông Nguyễn Duy Hưng, Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT SSIAM, công ty quản lý Quỹ ETF SSIAM VNX50	60.720	0,012%	N/A	N/A	Ông Nguyễn Duy Hưng không còn là Chủ tịch SSIAM từ ngày 26/5/2020

Các giao dịch khác: (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn điều lệ
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI là chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, công ty liên kết Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Thành viên HĐQT của PAN
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2020 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	274.400.000.000	-	-	274.400.000.000	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	11.050.951	(11.050.951)	-	11.050.951
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	107.968.922	3.038.396.775	(2.864.901.695)	281.464.002	2.964.684.180
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	200.918.954.626	81.369.283.602	(124.315.362.138)	157.972.876.090	
	Chi phí quản lý danh mục	(466.369.713)	(5.261.919.991)	3.720.150.040	(2.008.139.664)	(5.261.919.991)
	Các khoản phải trả quỹ phúc lợi và khác	(1.930.890.000)	-	1.930.890.000	-	
	Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	(493.000.000)	318.000.000	(175.000.000)	(493.000.000)
	Các khoản phải thu khác	-	5.783.873.727	(5.783.873.727)	-	
	Lợi nhuận được chia	-	36.120.042.543	(36.120.042.543)	-	36.120.042.543
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	331.873.577	(331.873.577)	-	331.586.677
	Giao dịch bán chứng khoán	-	20.874.938.052.000	(20.874.938.052.000)	-	56.667.260.750
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(21.899.095.936.000)	21.899.095.936.000	-	-
	Doanh thu dịch vụ tư vấn	2.136.298.475	5.290.716.500	(3.787.014.975)	3.640.000.000	4.809.742.272
	Cổ tức SSI	-	(55.905.882.000)	55.905.882.000	-	-
	Ứng trước phí dịch vụ	-	178.906.200	-	178.906.200	

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	568.063.320	(568.063.320)	-	517.406.838
	Phí hoa hồng phải trả	(441.585.274)	(6.111.691.776)	4.687.488.684	(1.865.788.366)	(6.111.691.776)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn đầu tư	2.493.793.273	4.169.049.357	(4.613.882.080)	2.048.960.550	4.169.049.357
	Cổ tức SSI	-	(118.294.620.000)	118.294.620.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Lãi trái phiếu	-	8.864.383.557	(8.864.383.557)	-	1.960.273.968
	Giao dịch bán chứng khoán	-	8.859.326.298.000	(8.859.326.298.000)	-	14.076.545.772
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(8.428.883.852.000)	8.428.883.852.000	-	-
	Chi phí mua hàng hóa	(12.474.000)	(4.689.505.403)	4.701.979.403	-	(4.689.505.403)
	Nhận cọc môi giới chứng khoán và hợp đồng quản lý tiền gửi	(81.385.797.725)	(6.299.151.023.588)	6.150.819.930.278	(229.716.891.035)	-
	Lãi nhận cọc MGCK và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	(322.230.808)	(41.610.551.343)	41.311.303.403	(621.478.748)	(41.610.551.343)
	Phải trả khác	-		(196.076.717)	196.076.717	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	374.686.911	(374.686.911)	-	374.686.911
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	9.719.182.684	(9.719.182.684)	-	14.411.731
	Cổ tức SSI	-	(1.000.002.000)	1.000.002.000	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	150.863.905	(150.863.905)	-	150.840.705
	Cổ tức SSI	-	(35.326.713.000)	35.326.713.000	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	829.390.548	(829.390.548)	-	828.957.844
	Giao dịch bán chứng khoán	-	20.106.887.900	(20.106.887.900)	-	118.887.900
	Giao dịch mua chứng khoán		(20.584.179.000)	20.584.179.000		
	Cổ tức SSI	-	(19.790.644.000)	19.790.644.000	-	-

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Căn cứ theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Đợt phát hành ESOP 2019 hoàn thành vào ngày 15/01/2020. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.017.500
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	40.000
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	40.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
8	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	70.000

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ (số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/12/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	**209.527.215**	**34,75%**	**3**	**3**	
	Trong nước	91.232.595	15,13%	2	2	
	Nước ngoài	118.294.620	19,62%	1	1	
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	**2.009.289**	**0,33%**	**0**	**0**	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	**391.409.109**	**64,92%**	**27.302**	**224**	**27,078**
	Trong nước	217.946.294	36,15%	24.973	105	24,868
	Nước ngoài	173.462.815	28,77%	2.329	119	2,210
TỔNG CỘNG		**602.945.613**	**100,00%**	**27.305**	**227**	**27.078**
Trong đó: *Trong nước*		309.178.889	51,28%	24.975	107	24.868
Nước ngoài		291.757.435	48,39%	2.330	120	2.210
Cổ phiếu quỹ		2.009.289	0,33%			-

**Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 602.945.613 cổ phiếu*

Cơ cấu sở hữu theo loại hình (theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/12/2020)

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (**)
I. Người nội bộ	**8.822.100**	**7.293.896**	**16.115.996**	**2,67%**
1. Hội đồng quản trị (*)	5.940.100	5.614.544	11.554.644	1,92%
2. Ban Giám đốc	1.862.000	574.000	2.436.000	0,40%
3. Giám đốc tài chính	823.000	1.105.152	1.928.152	0,32%
4. Kế toán trưởng	197.000	200	197.200	0,03%
II. Cổ phiếu quỹ	**735.000**	**1.274.289**	**2.009.289**	**0,33%**
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	**17.042.900**	**567.777.428**	584.820.328	97,00%
1. Trong nước	***16.243.900***	***276.818.993***	***293.062.893***	***48,61%***
1.1 Cá nhân	16.243.900	171.145.754	187.389.654	31,08%
1.2 Tổ chức	0	105.673.239	105.673.239	17,53%
Trong đó Nhà nước				48,39%
2. Nước ngoài	***799.000***	***290.958.435***	***291.757.435***	***2,82%***
2.1 Cá nhân	799.000	16.179.208	16.978.208	45,57%
2.2 Tổ chức	0	274.779.227	274.779.227	
TỔNG CỘNG (***)	**26.600.000**	**576.345.613**	**602.945.613**	**100,00%**

(*) Không bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Hồng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty

(**) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 602.945.613 cổ phiếu

(***) Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng đến ngày 31/12/2020 là 16.600.000 cổ phiếu do đã giải tỏa 5.000.000 cổ phiếu ESOP 2017 vào ngày 23/12/2020 và giải tỏa 5.000.000 cổ phiếu ESOP 2018 vào ngày 28/12/2020.

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							
					-	-	-
Tổng Cộng A					-	-	-
B. Cổ đông lớn							
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	55.905.882	9,27%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	55.905.882	9,27%	-
2	Daiwa Securities Group Incorporation	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	118.294.620	19,62%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông	118.294.620	19,62%	-
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	35.326.713	5,86%	-
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	35.326.713	5,86%	-
Tổng Cộng B					**209.527.215**	**34,75%**	-
C. Cổ đông chiến lược							
1	Daiwa Securities Group Incorporation Đại diện: Hironori Oka	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	118.294.620	19,62%	-
Tổng Cộng C					**118.294.620**	**19,62%**	-
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							
					-	-	-
					-	-	-
Tổng Cộng D					-	-	-
Tổng Cộng (A+B+C+D)					**209.527.215**	**34,75%**	-

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 602.945.613 cổ phiếu

Danh sách chi tiết về người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	5.175.300	5.033.744	10.209.044	1,69%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ/ Người được ủy quyền CBTT	1.862.000	574.000	2.436.000	0,40%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	146.400	62.400	208.800	0,04%
4	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	86.400	6.400	92.800	0,02%
5	Hironori Oka	hành viên HĐQT	-	-	-	-
6	Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Incorporation		-	118.294.620	118.294.620	19,62%
7	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	532.000	512.000	1.044.000	0,17%
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	823.000	1.105.152	1.928.152	0,32%
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	197.000	200	197.200	0,03%
TỔNG CỘNG			**8.822.100**	**7.293.896**	**16.115.996**	**2,67%**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Phía Nam

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3824 2897 - Fax: (028) 3824 2997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Tầng 7 Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8567 - Fax: (028) 3821 3867

Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ

Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 0123; Fax: (028) 3622 6667

Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2666 ; Fax: (028) 3622 2333

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh

Tầng 5-6, 11 Đường D2, Shophouse Saigon Pearl số 92 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 2233 ; Fax: (028) 3622 2277

Phòng Giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3622 7788; Fax: (028) 3622 5666

Phòng Giao dịch Lê Lợi

Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3636 3688; Fax: (028) 3636 3668

Phía Bắc

Chi nhánh Hà Nội

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321 - Fax: (024) 3936 6311

Phòng Giao dịch Trần Hưng Đạo

Tầng 10, Toà nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3941 3383 - Fax: (024) 3941 3385

Phòng Giao dịch Nguyễn Chí Thanh

Tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3773 4999, Fax: (024) 3771 4999

Phòng giao dịch Lê Văn Lương

Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3209 1256, Fax: (024) 3568 0738

Chi nhánh Mỹ Đình

Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3794 6699 - Fax: (024) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng

22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 356 9123 - Fax: (0225) 356 9130

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 6321 - Fax: (024) 3936 6337

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028 38 242 897 - Fax: 028 38 242 997

www.ssi.com.vn